



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 53

số **52**

(2189)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY

29-12-2001



Minh hoạ của PHẠM MINH HẢI

Đất phương Nam

Truyện ngắn của PHẠM ĐÌNH TRỌNG

Chỉ hơn một tháng sau khi mẹ tôi nhận tin bố tôi trên báo Quân đội Nhân dân thì mẹ con tôi nhận được tin về bố tôi. Lá thư đến từ Cao Lãnh.

Cao Lãnh ngày...

Thưa má Hà

Con là út Phước, Vũ Thị Hữu Phước, con của ba Vũ Hữu Đức. Nhờ có mẩu tin Má nhận tìm Ba trên báo mà con được viết thư này. Một người bạn chiến đấu cũ của ba Đức là chú Chin, chủ tịch hội Cựu chiến binh trên huyện lặn lội tìm về gặp má Ngân con, đưa cho má con tờ báo và chỉ dòng tin nhận tìm Ba của má Hà. Chưa kịp đọc chữ nào, mắt chỉ nhìn thấy hình Ba trên báo, má Ngân con đã không cầm được nước mắt. Hình Ba trên báo cũng chính là tấm hình trong này mà Ngân con đang thờ. Chắc má Hà, chị Hai, anh Ba của con ngạc nhiên lắm. Con sẽ thưa để Má, chị và anh rõ.

Má Ngân con kể rằng má Ngân gặp ba Đức ở bệnh xá Khu. Hồi đó má Ngân là y tá còn ba Đức là thương binh nặng. Má Ngân đã đem lòng yêu thương ba Đức trong những ngày má Ngân được chăm sóc ba Đức dù má Ngân biết rằng ba Đức đã có gia đình ngoài Hà Nội. Như sợ con không thông cảm cho tình cảm không được phép đo, má Ngân đã kể cho con nghe những cơn đau kéo dài do vết thương hành hạ ba Đức, những khó khăn trong sinh hoạt của người mang thương tích phải nằm một chỗ hàng tháng trời, luôn cần bàn tay chăm sóc, giúp đỡ. Và người luôn ở bên ba Đức lúc đó là cô y tá Ngân, má Ngân của con. Khi cơn đau dịu đi thì nỗi niềm trong cõi riêng lại mở ra sâu thẳm. Bớt phải chứng kiến những cơn đau của ba Đức thì má Ngân lại phải chứng

kiến những đêm ba Đức trần trọc mắt ngủ, những lúc ba Đức ngồi lặng với tấm hình ba Đức chụp chung với má Hà, chị Hai, anh Ba. Trong tấm hình đó, ba Đức cười tươi nhưng má Hà thì dăm dăm ưu tư, chị Hai mới được ba tuổi còn anh Ba của con mới có mấy tháng được ba Đức bồng trên tay. Chiến tranh càng ngày càng ác liệt, không biết bao giờ mới kết thúc. Mỗi con người trong cuộc chiến cũng không biết sống chết ra sao. Những người lính càng dễ thương cảm, chia sẻ với nhau, dành cho nhau tất cả những gì họ có. Má Ngân nói rằng má muốn được bù đắp những mất mát, thiếu thốn trong đời sống tình cảm cho ba Đức nhưng con biết lúc gặp ba Đức, má Ngân đã ba mươi hai tuổi, đã chịu cảnh góa bụa của một người vợ liệt sĩ hơn bốn năm trời nên con hiểu rằng má Ngân đến với ba Đức còn vì nỗi khát khao tình cảm của chính má Ngân con nữa. Về điều này má Hà cũng dễ cảm thông cho má Ngân của con.

Sau khi ba Đức trở lại đơn vị chiến đấu thì má Ngân con cũng rời bệnh xá trở về quê Cao Lãnh chờ ngày sanh. Con được sanh ra trên đất quê Cao Lãnh của má Ngân nhưng lại thiếu vắng bóng ba Đức. Sau này con được biết chỉ có đôi lần trên đường công tác ba Đức có ghé về thăm má Ngân và con thoáng chốc rồi lại vội vã đi ngay. Chỉ có những vật dụng riêng của ba Đức như tập sổ ghi chép đã viết đến trang cuối, những giấy tờ cá nhân, những huân chương, huy chương, những tấm hình... ba Đức đều đưa cho má Ngân giữ. Sau này má Ngân con đã mang tấm hình nhỏ của ba Đức ra tiệm chụp lại và phóng lớn để thờ. Tấm hình ba Đức chụp với má Hà, chị Hai, anh Ba đã phai mờ cũng được má Ngân cho chụp lại, phóng to, treo trên tường. Không phải chỉ có ba Đức mà cả má Hà, chị Hai, anh Ba đã từ lâu có mặt trong cuộc sống tình cảm của má Ngân con và con như thế đó. Và như sự sắp đặt của định mệnh, con đường chiến đấu của ba Đức đã dừng lại ở chính mảnh đất Cao Lãnh của má Ngân, để ba Đức được nằm lại với mảnh đất duyên phận Cao Lãnh. Má Ngân con và con mong sẽ có ngày được đón má Hà, chị Hai, anh Ba vào với Cao Lãnh, vào với ba Đức.

Lá thư của út Phước vừa mang đến cho mẹ con tôi nỗi đau khi xác nhận rằng bố tôi mất thật rồi vừa mang đến điều chúng tôi đang trông ngóng. Sau bao năm dò tìm tin tức về bố, sau bao khắc khoải canh cánh chờ đợi tưởng như đã vô vọng, nay thư út Phước đã cho mẹ con tôi biết nơi bố tôi nằm lại để mẹ con tôi được đến thăm và đón ông về. Riêng tôi có một thoáng thất vọng, hụt hẫng vì người cha mà tôi yêu thương lại có cuộc sống tình cảm riêng không dành cho mẹ tôi và chúng tôi. Nhưng khi tôi thấy mẹ tôi không hề bận tâm tới điều này, bà chỉ quan tâm đến việc đi thăm và đón ông về làm cho tôi trấn tĩnh lại để nhận ra rằng giữa mặt trận ác liệt, cực khổ, thiếu thốn mọi bề, có được tình cảm nhân hậu yêu thương của má Ngân, cuộc sống của bố tôi sẽ bớt đi được rất nhiều nặng nề, căng thẳng. Và còn một điều may mắn nữa là bố tôi không còn nhưng ở nơi bố tôi đã đổ máu hy sinh vẫn còn một giọt máu sống của bố tôi! út Phước, giọt máu sống của bố tôi đó, đứa em ruột thịt của tôi đó! Nhờ thế, mẹ con tôi mới tìm được bố tôi! Thế thì phải vui chứ sao lại thất vọng nhỉ?

Em trai của tôi mà út Phước kêu là anh Ba đang học ở nước ngoài vì thế tuy đã có gia đình riêng nhưng vợ chồng con cái của tôi lại về ở với mẹ tôi. Thư đến với

(Xem tiếp trang 18)



NẠN THĂM QUAN

Nhà văn TẠ DUY ANH

Tôi có một cô bạn giáo viên giảng dạy ở một trường nhiều năm liền đạt danh hiệu tiên tiến cấp thành phố. Cô lần có than phiền:

- Chúng em khốn khổ về khách thăm quan, nhất là những dịp cuối năm.

Tôi chia sẻ xã giao với cô nhưng không thực sự chú tâm. Phải đến khi một anh bạn giám đốc doanh nghiệp của tôi cải trang rời khỏi nhiệm sở để trốn khách thăm quan, tôi mới ý thức được tính nghiêm trọng của vấn đề. Hoá ra bất cứ cơ sở nào, ở bất cứ ngành nghề gì, chỉ cần có tiếng một chút, đều rơi vào thăm cảnh bị hải trên. Khách thăm quan thật thì ít, khách thăm quan vờ vịt thì nhiều. Khổ chủ không còn cách nào khác là phải đón tiếp. Chúng ta chưa có thói quen thẳng và thật trong ứng xử. Thế là thời gian, kế hoạch, tài chính... đảo lộn hết. Tiếp vì cả nể, vì không nỡ đuổi, vì ngại bị khó dễ... Sự nhất là khách từ các cơ quan cấp trên trực tiếp. Đôi khi vì rồi việc, vì thích được tổ cái oai, vì muốn có phong bì... mà ngay cả đám nhân viên quen cũng mượn oai phong cơ quan Trung ương, danh nghĩa là đến thăm nhưng thực chất là những nhiễu, yêu sách. Xe, xăng, thời gian đều lấy của Nhà nước. Cơ sở tiếp đón cũng bằng tiền Nhà nước! Các cơ sở, doanh nghiệp tư nhân còn kinh hãi những cuộc thăm quan kiểu ấy hơn. Nhìn thấy khách thăm quan mà nháo nhác như gà thấy cáo! Không ai tính xuể sự tổn hại là bao nhiêu mà xã hội phải chịu từ hiện tượng nực cười trên.

Nhưng có lẽ tổn hại lớn hơn là nó dung túng thói đạo đức giả, làm nhòe tính kỷ cương trong những mối quan hệ đòi hỏi sự nghiêm túc và có nguyên tắc rất cao.

Một tệ nạn thường ra đời khi mọi người ngại nói sự thật về những hiện tượng tiềm ẩn tạo ra nó. Đã đến lúc rung chuông cảnh báo về "nạn thăm quan" trên được rồi. ■

NHỮNG ĐÁM MÂY ĐEN PHÍA CHÂN TRỜI AFGHANISTAN

KIM ANH



Nhân dân Mỹ biểu tình đòi văn hồi hoà bình, phản đối chiến tranh.

Ảnh: TL

THEO các nguồn tin nước ngoài, ngày 22-12 Chính phủ Lâm thời Afghanistan gồm 29 thành viên trong đó có hai nữ, do ông Hamid Karzai thuộc sắc tộc Pashtun làm Thủ tướng, đã họp phiên họp đầu tiên bàn về kế hoạch gìn giữ an ninh và xây dựng lại đất nước. Trong lúc đó, trên lãnh thổ Afghanistan tiếng bom đạn vẫn chưa chấm dứt. Hãng CNN của Mỹ đã cho truyền đi nhiều hình ảnh máy bay Mỹ tiếp tục ném bom bắn phá dữ dội vùng núi Tora Bora nơi nghi ngờ có Bin Laden ẩn náu, mặc dù nhiều người phân đoán cá trưm khủng bố Ossama Bin Laden lần lãnh tụ tinh thần của Taliban là Mohammad Omar đều đã thoát khỏi vùng này.

Cũng trong những ngày này, nhiều nhân vật có trách nhiệm ở Mỹ vẫn công khai nói đến "những cuộc tiến công quân sự tiếp theo Afghanistan" làm dư luận quan tâm lo ngại. Báo chí phương Tây gọi đây là "những đám mây đen phía chân trời Afghanistan" đang cảnh báo những cuộc chiến tranh tàn phá mới, có thể sẽ diễn ra tại Irak, Somalie, Yemen, Sudan...

Kẻ thù nằm ngay trong chính sách của Mỹ

Tại nước Anh là một quốc gia mà nhiều Chính phủ liên tiếp đã "một lòng một dạ" theo Mỹ trong hàng loạt cuộc tiến công quân sự tàn phá Irak, Cosovo, Afghanistan, dư luận đang lên tiếng mạnh mẽ phản đối những hành động tối ác mới. Trong bài bình luận nhan đề "Mỹ và Chiến tranh" nhà sử học Anh kiêm nhà văn Tony Judt viết:

"Từ lâu (chính quyền) Mỹ đã biểu lộ một thứ chủ nghĩa ích kỷ từng thâm nhập vào tận gan ruột, dẫn đến cái ác trở thành hệ thống". Đó là tuyên ngôn của Ossama Bin Laden chẳng? Không! Đó chính là nhận xét của Pierre Buchez, một người theo chủ nghĩa xã hội ở Pháp, đã viết từ năm 1840. Tâm lý ghét Mỹ đã có từ rất lâu rồi. Nếu ngày nay, Mỹ muốn chứng minh vị trí của mình trên thế giới và muốn dùng chiến tranh để bảo vệ lợi ích lâu dài thì chính bản thân những người cầm quyền ở Mỹ cũng phải cố gắng làm để nhân thức rằng có hàng triệu triệu người trên thế giới không yêu Mỹ và rất e ngại Mỹ.

Đối với chúng ta, nhận thức này là dễ hiểu. Chúng ta đang đứng trước những vấn đề cốt lõi, là nguyên nhân của sự việc. Đó là chủ nghĩa đế quốc, sự bóc lột và toàn cầu hóa. Dựa trên quan điểm này để nhận xét thì Mỹ đã can thiệp vào tình hình các nước khác khi đưa tàu chiến có trang bị tên lửa vào vùng biển Panama, khi tiến công Sudan, đánh Irak, Afghanistan. Từ đó, Mỹ đã gây ra sự phẫn nộ, làm cho Mỹ phải gánh chịu đòn trừng phạt gọi là khủng bố!

Có được sống ở bên ngoài nước Mỹ hoặc đi ra ngoài nước Mỹ mới biết được tình cảm ghét Mỹ, chống Mỹ, tủi hổ và vô vọng của hàng triệu người nghèo khổ trong thế giới Hồi giáo và cả nhiều nước khác. Điều đó không phải lỗi tại nước Mỹ. Nhưng, tình cảm ghét Mỹ này lại gắn liền với sự ngao mạn của chính quyền Mỹ làm cho hình ảnh của Mỹ bị xấu đi. Sự ngao mạn của chính quyền Mỹ chính là để tài đầu tiên trong hàng loạt để tài mà Ossama Bin Laden từng khai thác trong nhiều cuộc phỏng vấn cũng như trong những bản tuyên bố truyền hình. Đúng là, trong những hoạt động ở nước Mỹ, chính Mỹ vẫn thường tỏ ra ngao mạn, đòi hỏi được quyền ưu tiên được làm cái này, không làm cái khác và chỉ làm những cái mà Mỹ cho là đáng làm không đếm xỉa đến những hậu quả cho người khác.

Thật ra thì tất cả những nước lớn đều ngao mạn. Nhưng hình như chỉ riêng Mỹ phải gánh chịu lời phán xét này. Không chỉ Bin Laden mà cả nhiều bài xã luận trên báo chí A-rập đều coi Mỹ là một kẻ giả đạo đức. Mỹ làm cho mọi

người có ấn tượng là nói một đằng, làm một nẻo. Mỹ luôn luôn thay đổi đồng minh một cách dễ dàng. Mỹ nuôi dưỡng một nước, rồi lại vứt bỏ luôn nước đó. Mỹ chọn bạn ở nước ngoài chỉ cốt nhằm phục vụ lợi ích nhất thời của Mỹ rồi sau một thời gian ngắn lại biến chính những người bạn cũ của Mỹ thành những kẻ thù mới của Mỹ. Thế giới Hồi giáo không phải là người duy nhất bị xúc phạm bởi cung cách đối xử kiểu Mỹ và chủ nghĩa bá chủ của Mỹ.

Bên cạnh chủ nghĩa vị kỷ là chủ nghĩa thực dụng. Chủ nghĩa thực dụng ngày trước đòi Mỹ đặt quyền lợi của mình lên trên hết. Chủ nghĩa thực dụng ngày nay lại muốn Mỹ đối thủ thành bạn, chuyển bạn thành thù, dung nạp cả những kẻ được coi là "kẻ thù của kẻ thù" của Mỹ, dung nạp cả những kẻ trước kia đã bị Mỹ coi là khủng bố hoặc ủng hộ khủng bố. Trong khi cuộc đấu tranh chống khủng bố đang còn tiếp diễn, vậy thì Mỹ phải làm gì với những kẻ đó?

Chính chủ nghĩa thực dụng thuần túy và cứng nhắc mới chính là kẻ thù tệ hại nhất của Mỹ. Trước kia, Irak đã chẳng phải là một Nhà nước được Mỹ kết bạn khi Mỹ muốn dùng Irak để chống Iran đó hay sao? Các phần tử thuộc tổ chức khủng bố Al Qaeda cũng chẳng phải đã được Mỹ ủng hộ về tài chính trong cuộc chiến tranh trước đây ở Afghanistan đó hay sao?

Còn một vấn đề nữa. Đó là việc Mỹ thiên vị Israel cũng đang dấy lên tình cảm ghét Mỹ và chống Mỹ. Sẽ là phi lý khi nói rằng tình hình Trung Đông không liên quan gì đến Bin Laden. Điều tôi nhận thấy ở Châu Âu và ở Trung Đông hiện nay, là việc liên minh giữa Mỹ và Israel đã giải thích rõ, đó chính là một nguyên nhân, hơn tất cả mọi nguyên nhân khác làm dấy lên tình cảm chống Mỹ về cả các mặt chính trị, tâm lý, dân tộc... Những người A-rập và cả những người khác, từ Maroc đến Indonexia qua màn ảnh truyền hình vẫn thường nhìn thấy Israel tiếp tục phát triển các khu định cư tại những vùng của Palestine mà họ đang còn chiếm đóng, bất chấp các quyết định của Liên Hợp Quốc và mọi luật pháp quốc tế. Họ cũng nhìn thấy tàn sát hình ảnh quân đội Israel phá hủy nhà cửa, đất đai của người Palestine. Khi Bin Laden tuyên bố hành động để trả thù cho những người dân Palestin thì Mỹ lại càng lộ rõ là kẻ đang ủng hộ Israel và càng bị chống lại.

Vậy thì, Mỹ phải làm gì để chống lại phong trào chống Mỹ? Nhiều lắm. Thật vậy. Và cuối cùng là chính quyền Mỹ phải xem xét lại toàn bộ các mối quan hệ với các nước khác. Thế giới phương Tây cũng ghét Mỹ, nhưng ghét và chống do cạnh tranh và những người chống Mỹ do cạnh tranh về quyền lợi dù sao cũng ít hơn những người chỉ trích chính sách đối ngoại của Mỹ. Những cố gắng của chúng ta nhằm loại trừ chủ nghĩa khủng bố sẽ không đi đến đâu, nếu chúng ta vẫn tiếp tục, với lý do chiến thuật, con đường đang diễn ra...

Từ nạn nhân trở thành kẻ bị buộc tội

Trong một bài tiếp theo đăng trên tạp chí điểm sách ở Niu Yôóc (The New York Review of Books), Tony Judt viết tiếp:

"Điểm qua những trang sách báo trên thế giới, người đọc thường thấy hình ảnh của Mỹ từ chỗ là nạn nhân của khủng bố trở thành người bị buộc tội. Tình cảm ghét Mỹ chống Mỹ hiện nay là đa dạng và cụm từ này phải viết bằng số nhiều. Nhà văn Mê-hi-cô Eduardo Galeano nhận xét, qua những điều đã đọc được trên báo chí ở Nam Mỹ và ở Châu Á những ngày gần đây, ông thấy rằng dư luận thường phán xét: Mỹ tự cho là người đang bóc lột chủ nghĩa khủng bố, nhưng chính Mỹ đã từng ủng hộ nhiều kẻ khủng bố, từ bọn Pôn Pốt ở Campuchia đến chế độ phân biệt chủng tộc Afghanistan ở Nam Phi và ở cả nhiều nước Mỹ La-tinh.

Chelsea là con gái của Bin Clinton và Hilary Clinton hiện đang là sinh viên khoa Quan hệ Quốc tế trường Đại học Oxford của Anh. Chính cô sinh viên Chelsea này đã viết trên tờ Talk (Trò chuyện) xuất bản ở Mỹ: "Hầu như không ngày nào là tôi không gặp phải, ở đây, một thứ tình cảm ghét Mỹ, hoặc là trong nhận xét của một sinh viên, hoặc là trong xã luận in trên trang báo, hoặc là trong cuộc

biểu tình đòi hòa bình".

Chelsea, mới 21 tuổi, và đây là lần đầu tiên trong đời, được sống ở nước ngoài. Ngay dù đang sống ở nước Anh, cô cũng cảm thấy một sự kinh hoàng xen lẫn buồn tủi, khi thấy người ta nghĩ xấu về nước Mỹ. Còn tại Thủ đô Washington của Mỹ, trên Đại lộ Pennsylvania 1600, Tổng thống Mỹ George Bush, 55 tuổi, chưa từng đi ra nước ngoài quá ba tuần, cũng có những suy nghĩ tương tự như cô con gái của người tiền nhiệm là Bill Clinton. Ông cũng thường bộc lộ: "Tôi cảm thấy nhức nhối khi thấy, ngay trong lòng nước Mỹ, cũng có người không thông hiểu, thậm chí còn có thể ghét chúng tôi. Điều đó làm tôi không sao hiểu được vì tôi cứ nghĩ rằng các ý định chủ trương của tôi đều tốt cả".

Chelsea là người của đảng Dân chủ. George Bush là người của Đảng Cộng hòa cùng chung và cùng chia sẻ với nhau sự ngạc nhiên đó một cách chân thành và buồn bực. Cả hai người đều đánh giá cao những tình cảm đoàn kết với Mỹ từ các nước ngoài đời về ngay sau khi xảy ra vụ tiến công khủng bố ngày 11-9. Nhưng rồi cả hai người đều cảm thấy khó hiểu, khi nhận thấy, ngay lúc Mỹ mở cuộc tiến công quân sự vào Afghanistan, một bộ phận thế giới đã quay ngược lại. Liền sau khi bộc lộ niềm thương cảm về thảm họa 11-9 ở Mỹ là việc phản ứng bất bình với chính sách đối ngoại của Mỹ, đặc biệt nhất là tại khu vực có liên quan, tức thế giới Hồi giáo A-rập.

Chelsea Clinton và George Bush đã khám phá được rằng sau ngày 11-9, bằng việc tiến đánh Afghanistan, Mỹ không còn thu hút được sự thương cảm của toàn thế giới người nữa. Thậm chí, có người còn vừa phản nản cho các nạn nhân Mỹ, vừa tỏ vẻ thích thú về việc nước Mỹ hùng mạnh bị tiến công thiệt hại lớn ngay trong nội địa. Nhà văn Thổ Nhĩ Kỳ Orhan Pamuk kể lại, trong một buổi ngồi uống cà-phê tại một cửa hiệu bình dân ở Istanbul, nơi khách hàng chỉ có toàn những người rất bình thường, ông đã nhận thấy họ "vừa buồn vì những người dân Mỹ bị hại, vừa tỏ vẻ thích thú vì nước Mỹ bị tiến công".

Trong phần kết luận, Tony Judt đặt câu hỏi: "Tổng thống Mỹ và các cố vấn thân cận liệu có biết lưu ý tình đến những sai lầm trong chính sách của Mỹ không?". Điều đó còn phải chờ xem.

Phản ứng trước ý đồ mở rộng chiến tranh

Không cần phải chờ lâu, dư luận một lần nữa lại đang phản ứng mãnh liệt trước việc Mỹ công khai bộc lộ ý định tiếp tục cuộc chiến tranh tàn phá sau khi kết thúc phần việc ở Afghanistan. Trong bài nhan đề "Phải chăng Irak là mục tiêu tiếp theo của Mỹ?" nhà báo nữ người Pháp Francoise Germain - Robin viết:

"... Sự lo ngại của thế giới đang tăng thêm sau khi nhiều nhân vật có trách nhiệm ở Mỹ công khai tuyên bố 'Irak không phải là mục tiêu duy nhất' và đưa ra một bản danh sách kéo dài, nêu tên Somali, Yemen, Soudan, Syrie... Đó đốc Denis Blair, Tư lệnh lực lượng Mỹ ở Thái Bình Dương nói rõ: "Sau khi tổ chức Al Qaeda ở Afghanistan bị tan rã thành từng mảnh nhỏ, chúng tôi sẽ tiếp tục các hoạt động quân sự để tiêu diệt tận gốc mạng lưới khủng bố này tại các nước khác".

Thủ tướng Đức Gerhard Schröder là người đầu tiên cảnh báo Mỹ "Hãy thận trọng trong việc tìm kiếm những mục tiêu mới, nhất là ở khu vực Trung Đông". Thủ tướng Anh Tony Blair tuy tỏ vẻ đồng tình với Mỹ nhưng Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Anh Geoff Hoon lại nói thẳng: "Tôi không thấy có mối liên quan nào giữa Al Qaeda và Irak" nhằm viên cớ cho cuộc tiến công quân sự vào nước này".

Trong thế giới A-rập, phản ứng càng bộc lộ gay gắt. Quốc vương Jordanie Abdallah II tuyên bố dứt khoát: "Cuộc tiến công quân sự đánh vào Irak sẽ là một thảm họa lớn và nhất định sẽ phá vỡ liên minh chống khủng bố" (giữa Mỹ với các nước A-rập). Quan điểm này cũng được Tổng thư ký Liên đoàn các nước A-rập Amir Moussa hoàn toàn đồng ý và nhắc lại tương tự..."

NGHĨ
MÀ COI !?

LÝ DO "XIN NHƯỜNG"

MINH TÂM

THEO tính toán của các chuyên viên Quỹ chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), việc xây dựng lại Afghanistan đòi hỏi phải có ít nhất 9 tỉ USD. Thế nhưng, Mỹ là nước đã dùng bom đạn tàn phá đất nước Afghanistan nặng nề nhất lại tuyên bố chỉ có thể "giúp đỡ" khoảng 400 triệu USD, số còn lại gần 8.600 triệu "xin nhường" cho các nước khác đóng góp.

Trong khi đó, Quốc hội Mỹ đã thông qua dự án tăng thêm chi phí quân sự năm 2002 là 27 tỉ USD, nâng ngân sách Quốc phòng lên 318 tỉ USD. Mỹ cũng từ chối tham gia lực lượng quốc tế gìn giữ hoà bình tại Afghanistan, bắt đầu triển khai từ 22-12-2001 trong thời hạn sáu tháng, và "xin nhường" cho các nước khác, trước tiên là Anh, Pháp, Đức, Italia, Tây Ban Nha, Hy Lạp, Phần Lan...

Báo chí Mỹ còn cho biết, Mỹ vẫn không từ bỏ kế hoạch tiếp tục cuộc "chiến tranh chống khủng bố" dự định tiến hành trong giai đoạn "hậu Afghanistan" và Irak, Yemen, Somali... có thể là những nước sẽ phải gánh chịu những đòn "trừng phạt" tiếp theo của Mỹ.

Thì ra, các thế lực cuồng chiến Mỹ đã "nhường" việc hàn gắn các vết thương chiến tranh ở Afghanistan, chủ yếu do Mỹ gây ra, để dành tiền, dành sức, dành binh lính vào việc tiếp tục phát động những cuộc chiến tranh tàn phá khác, bất chấp dư luận phản đối và ngay cả Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc Kofi Anan cũng đã nhiều lần tỏ thái độ không đồng tình.■

VÀO VIỆC VÀ THỰC VIỆC

Đó là âm hưởng nổi bật của Lễ bế mạc kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa X. Coi trọng hoạt động thực tiễn, rút ngắn khoảng cách giữa nói và làm là quyết tâm chung của Quốc hội. Với tinh thần ấy, Quốc hội dành những giờ phút long trọng nhất để thông qua một loạt các quyết định quan trọng. Rút ngắn thời gian của Quốc hội sớm 2 tháng, đi liền với nó là một lộ trình công tác rất cụ thể cho việc bầu cử Quốc hội khóa XI. Cuộc bầu cử Quốc hội khóa XI sẽ được tổ chức và tiến hành theo Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội vừa được bổ sung, sửa đổi. Tăng số Đại biểu Quốc hội từ 450 đến dưới 500 người, trong đó có 25% làm nhiệm vụ chuyên trách, xoá bỏ đơn thư tố cáo nặc danh, đó là những điểm mới của các Luật trên. Trong Lễ bế mạc, Quốc hội cũng thông qua 2 Nghị quyết quan trọng: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2000-2005) và kế hoạch phát triển kinh tế năm 2002. Với tinh thần vào việc và thực việc, sau khi đề ra các mục tiêu tổng quát và chỉ tiêu cụ thể, Quốc hội đã đề ra một loạt giải pháp cụ thể, đồng bộ, khả thi, nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm mới. Chuyển đổi mạnh mẽ kết cấu kinh tế, tăng nhanh tỉ trọng công nghiệp, mở rộng thị trường đi đôi với việc gia tăng sức cạnh tranh của hàng hoá, cải cách hành chính, bảo đảm an ninh xã hội, giải quyết việc làm, chống quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác... Quả đúng là một bản danh sách dài của toàn những việc cần làm ngay.

Để làm tốt những công việc đó, Quốc hội chỉ rõ cần khắc phục những yếu kém trong tổ chức thực hiện, quy định rõ trách nhiệm cá nhân, và cả sự chậm trễ, chống chéo trong việc ban hành văn bản hướng dẫn.



Lễ bế mạc kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa X

Ảnh: NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

Cũng trong buổi bế mạc, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về Chương trình xây dựng pháp luật năm 2002, kịp thời thể chế hoá Nghị quyết Đại hội IX của Đảng thành những văn bản pháp quy, đưa Nghị quyết vào đời sống. Trước thềm năm mới, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An, trong lời Bế mạc kỳ họp, đã chúc Tết và kêu gọi đồng bào chiến sĩ cả nước phát huy thành tích năm đầu thế kỷ XXI, vượt qua thách thức, khó khăn, phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm 2002. ■

NGÔN THANH

VỀ TÌNH CẢM VÀ THÁI ĐỘ TRONG PHÊ BÌNH VĂN HỌC

NGUYỄN DƯƠNG CÔN

TRONG phê bình văn học, tình cảm và thái độ là những thuộc tính phong cách thể loại. Nói cách khác: tình cảm và thái độ là những yếu tố tất yếu cấu thành thi pháp, giữ vai trò trong yếu tố nền tảng thể loại, phân biệt phê bình với lý luận và nghiên cứu văn học.

Phê bình văn học là một hình thái lao động sáng tạo. Bản chất sáng tạo của nó chi phối toàn bộ vận động từ quá trình lao động đến cơ cấu toàn vẹn tác phẩm phê bình văn học. Vì thế, tình cảm và thái độ trong phê bình văn học là sản phẩm sáng tạo ra trong lao động và kết tinh trong tác phẩm phê bình văn học. Tình cảm và thái độ, đầu với tư cách thuộc về chủ thể sáng tạo và có trước được tham dự vào quá trình lao động, chúng cũng phải được sản - phẩm - hóa một cách sáng tạo.

Muốn nhận thức đúng đắn về tình cảm và thái độ trong phê bình văn học, trước hết cần phải xác định cơ bản đúng đắn thế nào là lý luận văn học? và thế nào là phê bình văn học? Trong mỗi tương quan so sánh giữa hai lĩnh vực này. Lý luận văn học là một hình thái cấu trúc ngôn từ lý tính chuyên quan tâm miêu tả mối quan hệ lý tính của đời sống và của thành quả sự nghiệp văn học. Phê bình văn học là một hình thái cấu trúc ngôn từ vừa lý tính vừa cảm tính chuyên quan tâm miêu tả hiện tượng - trong tư cách tác phẩm - văn học. Chính bởi có đối tượng khác nhau trong quan hệ lao động sáng tạo nên phong cách thể loại tất yếu khác nhau giữa lý luận với phê bình văn học. Một sự nghiệp văn học là một tổng thể hệ thống vô số hiện tượng văn học. Một tổng thể như thế chỉ có thể được tổ chức bằng những mối liên hệ không phụ thuộc đơn nhất vào quy mô, tính chất một hiện tượng văn học nào. Những mối quan hệ đó là những mối quan hệ lý tính, mối quan hệ khách quan đối với hiện tượng văn học mà chúng ta quen gọi là quy luật hình thành, vận động, phát triển và định trị của văn học. Một tổng thể cấu trúc bằng phương thức phi cảm tính hệ thống hóa vô số hiện tượng văn học - mà cơ bản là vô số thế giới hình tượng văn học tồn tại độc lập, giàu mạnh bản chất cảm tính - trong mối quan hệ hệ thống qua lăng kính lý luận nó chỉ có thể được hiện ra là một thực thể lý tính triết để qua sự miêu tả của cấu trúc ngôn từ lý tính mà thôi. Một hiện tượng văn học - trong tư cách tác phẩm - là một thế giới hình tượng được cấu trúc bằng ngôn từ, là một thế giới tưởng tượng có hình tượng giống như

hình tượng của bản thân đời sống. Một thế giới tưởng tượng - tồn tại độc lập và chỉ có thể tồn tại độc lập - là một thế giới mang bản chất cảm tính. Người ta thường miêu tả bản chất cảm tính ấy bằng miêu tả tính chất mơ hồ và đa nghĩa của hình tượng văn học như là một tính chất định mệnh. Một hiện tượng văn học như vậy chỉ có thể sinh tồn với khách thể, vào khách thể của nó nếu có "con đường" cảm tính; nơi nào con đường cảm tính bị cắt bỏ chỉ còn "con đường" lý tính thì nó "chịu chết" ở nơi đó. Kỳ diệu thay ngôn từ cảm-thụ-văn-học bao gồm cả ý nghĩa của ngôn từ nhận-thức-văn-học! Một hiện tượng văn học, như vậy, nếu chỉ thấu qua lăng kính lý luận văn học, nó cũng đành "chịu chết" tuy có chịu chết một cách khác khoải khát vọng sống bản chất cảm tính của nó. Có lẽ, để có giải pháp sống cho tình cảm khắc khoải đó, "người ta" sinh ra một thứ "lý luận" vừa còn là lý luận vừa không còn là lý luận thuần túy nữa, thứ lý luận này vừa có thấu kính lý tính vừa có thấu kính cảm tính, mang tên là phê bình văn học.

Tình cảm con người, nói chung, chẳng qua là hệ thống các cảm giác tập trung về một đối tượng tập trung nào đó. Cổ nhiên, bởi quy luật hệ thống hóa, tập trung về định hướng hóa, tình cảm con người phải có mối quan hệ nội tại lý tính. Mối quan hệ nội tại đó, người ta gọi là lý trí của tình cảm thuần túy. Cũng như thế cảm giác và trạng thái cảm giác trong phê bình văn học cũng phải được tổ chức thống nhất thành ra một trạng thái mà chúng ta quen gọi là tình cảm trong phê bình văn học.

Sáng tạo tình cảm trong phê bình văn học, suy cho cùng là lao động trí tuệ. Nó phải khám phá, chinh phục để sở hữu những trạng thái cảm tính của thế giới tưởng tượng của hiện tượng văn học, dự cảm và đòi hỏi những trạng thái cảm tính khả dĩ có thể sẽ có, đặt ra và giải mã những nghi vấn về chúng từ thế giới đó. Một tác phẩm phê bình văn học thành đạt hay có giá trị cao là một tác phẩm phải có dấu hiệu sáng tạo tình cảm - từ liều lượng khả dĩ tối thiểu đến phong phú nhất. Ngược lại, một "tác phẩm" phê bình văn học không có dấu hiệu sáng tạo tình cảm là một tác phẩm không thành công, một tác phẩm tồi tàn, xoàng xĩnh.

Thái độ trong phê bình văn học là trạng thái xác định tương đối mức độ dung hòa giữa tính chất cảm tính với tính chất lý tính trong cấu trúc ngôn từ tổng thể một tác phẩm phê bình văn học. Nơi

cách khác thái độ là trạng thái xác định tương đối mức độ dung hòa giữa tình cảm và lý trí trong phê bình văn học. Mức độ dung hòa đó là gì? Mức độ dung hòa đó là mức độ thống nhất và chuyển hóa lẫn nhau trong thể mâu thuẫn - thống nhất giữa tình cảm và lý trí. Nhưng mức độ dung hòa đó có bản chất và biểu hiện ở đâu trong mối quan hệ tình cảm và lý trí? "Nơi" đó chính là độ thiên lệch cho lý trí so với tình cảm. Độ thiên lệch cho lý trí đó trực tiếp tạo ra một trạng thái mà chúng ta gọi là thái độ trong phê bình văn học. Trong quá trình lao động sáng tạo phê bình văn học, niềm đam mê dung cảm với thế giới tưởng tượng của tác phẩm văn học không phải là niềm đam mê trữ tình mà là niềm đam mê thụ lý - một niềm đam mê ích kỷ xu hướng về nhận thức lý tính đầu có chuyên chở nhiều nhận, nặng nề cảm tính đến mấy trên "con đường" của xu hướng ích kỷ ấy. Trong phê bình văn học có một quy luật: quá trình hình thành tình cảm là quá trình tổ chức lý tính kết cấu nội bộ tình cảm đó, chỉ có thế nó mới trở thành một tình cảm có sức sống - ổn định, xác định để sinh động. Trong phê bình văn học còn có một quy luật khác có sức chi phối mạnh mẽ hơn, chi phối tổng thể quá trình lao động và tổng thể quá trình lao động và tổng thể tác phẩm phê bình văn học. Đó là quy luật lý trí hóa theo xu hướng tham vọng dung dưỡng cảm tính chủ quan trong lý trí, trong khách quan hóa. "Cái anh phê bình văn học" nào mà chẳng tham vọng vào "anh ta" nhiều nhất lại vừa "thiên hạ" nhiều nhất. Tính chất mâu thuẫn giữa Tôi và Ta trong phê bình văn học luôn còn là căn nguyên bị kích hoặc của hiểm họa của phê bình văn học. Nghiêng quá về Tôi thì có nguy cơ mất Ta, lệch quá về Ta thì có nguy cơ mất Tôi... Tính chất mâu thuẫn giữa Tôi và Ta đó cũng chính là căn nguyên cam bẫy xấp mắc khốn khổ và thấp kém vào "cổ" nhà phê bình văn học khi "hắn" chỉ cốt giải quyết mối quan hệ của mình với tác giả của tác phẩm được phê bình. Thật là ấu trĩ nếu hiểu lao động sáng tạo phê bình văn học chỉ như là lao động sáng tạo hưởng thụ văn học dù rằng hiểu biết đó đã có ý thức tránh để cao hay đã có đạo lý không khẳng định trên thực tế năng lực sáng tạo phê bình và hướng thụ cái nào tài hơn, cao hơn cái nào. Trạng thái lý trí hóa trong lao động sáng tạo phê bình văn học không chỉ là trạng thái mâu thuẫn trong thể thống nhất với trạng thái cảm tính hóa mà nó còn luôn chiếm ưu thế chi phối tuyệt đối mức độ mâu thuẫn và thống nhất đó. Nó luôn soi

sáng khích lệ và luôn kiểm soát, chọn lọc để toàn bộ tiến trình thực tiễn mâu thuẫn - thống nhất đó đi đến thiết lập hoàn tất cấu trúc ngôn từ thiên lệch hơn cho lý trí của sản phẩm phê bình văn học. Trạng thái do mức độ thiên lệch giữa lý trí và tình cảm trực tiếp tạo nên, nếu là ngược chiều với cơ cấu lý tính của hệ thống cảm tính và với cơ cấu lý tính thuần túy - cơ cấu ý nghĩa và giá trị - của tác phẩm văn học thì nó trở thành thái độ tiêu cực của niềm ghét, của trách nhiệm phủ định giá trị và giá trị bất cập nào đó của tác phẩm văn học. Còn nếu nó đồng chiều thì nó trở thành thái độ tích cực - thái độ của niềm yêu, của trách nhiệm khẳng định giá trị văn học của tác phẩm văn học. Trong phê bình văn học không thể có tình trạng phi thái độ, nghĩa là không thể có tình trạng cân bằng tuyệt đối - phi thiên lệch - giữa lý trí và tình cảm. Suy cho cùng, nếu có "nhà phê bình văn học" và "sản phẩm sáng tạo" của anh ta phi thái độ thì đó là những trường hợp phi-nhân-tính-phê-bình-văn-học hoặc phản phê bình văn học. Và, cũng chính bởi thế, trong phê bình văn học không thể có và không nên có công việc và sản phẩm thuần túy phê bình tác giả văn học. Nhân cách thuần túy xã hội học, đầu là của xã hội các nhà văn, không thể có và không nên có trong "danh mục" đối tượng của phê bình văn học. Tác giả văn học nếu chỉ được quan niệm và nhận ra với một hệ thống tác phẩm nào đó hoặc toàn bộ sự nghiệp văn học của anh ta, khi ai đó tiến hành lao động phê bình văn học thì kẻ đó - nhà phê bình văn học, không còn làm phê bình văn học nữa mà anh ta làm công việc nghiên cứu văn - học - tác - giả hay tác - giả - văn - học gì đó mà thôi. Trường hợp tác phẩm văn học là một tập - như một tập truyện ngắn, một tập thơ chẳng hạn - gồm nhiều tác phẩm văn học của một tác giả. Khi được tiến hành phê bình văn học, nhà phê bình phải cảm quan cho được, cho khả dĩ và thỏa đáng trạng thái cảm giác thống nhất thành một, là một của chung các thế giới tưởng tượng của các tác phẩm trong một tác phẩm đó. Nếu không cảm quan cho được một trạng thái cảm giác đó, công việc phê bình văn học đối với một tập hợp - tác - phẩm như vậy sẽ trở thành công việc nghiên cứu văn - học - tác - giả.

Ý nghĩa và đòi hỏi của sáng tạo tình cảm và thái độ trong sáng tạo phê bình văn học mới khó khăn, ngiệt ngả làm sao! ■

Ngày 20-11-2001

Con bò của bố tôi

Truyện ngắn của TẾ NHỊ CẢN

Từ trong nhà đến ngoài ngõ, từ làng trên đến xóm dưới, hễ có ai nói đến chuyện "bò cày, bò kéo" là bố tôi quên hết mọi sự trên đời. Họ bảo ông là người "mê bò" có một, và không tiếc lời khen ngợi con bò lang trán của ông rằng: "Nó là cả cuộc đời của ông ấy đấy!"

Con bò có bộ lông vàng ruộm, ngực nở, đít lồng bàn, không béo lấm, nhưng săn gân chắc thịt. Vùng trán điểm một vach trắng thật sành điệu. Cái cổ thẳng, hàng yếm mịn màng. Trên vai cái u nhỏ lên như cái cổ già của chắc nịch. Một cái khóa đóng trên chóp, biểu hiện sự khôn ngoan cần cù để bảo "Trâu lang o, bò lang trán" mà lại.

Dù đang cày ruộng, hay đang gặm cỏ ở một nơi nào đó, nó có thể hiểu được ông chủ - ngồi kia - muốn gì? - Đang suy nghĩ điều gì? Nó nề ông, quý ông. Lúc kéo cày ông chẳng bao giờ cầm roi, chỉ giơ tay dứ dứ làm hiệu, cũng chẳng bao giờ to tiếng với nó, khi cần, chỉ to nhỏ vài lời thủ thủ như với bạn bè, là nó hiểu.

Cày xong ruộng này, chả cần phải nhắc, nó biết là phải chuyển sang đám khác. Công việc, nó biết phải làm như thế nào? - Vào lúc nào? Đôi khi nó chuẩn bị bước sang một mảnh khoán xa hơn, thì nó quay đầu lại, nhìn ông, chờ đón một mệnh lệnh quen thuộc. Ông biết ý nó, vội đáp lại: "Ờ! Chờ tý con, cho tao hít hơi thuốc lảo đã, từ sáng đến giờ chưa được một hơi nào, thêm lăm!"

Chả cần nghe hết câu nói, nó cũng dừng lại, không quên tranh thủ liếm láp những mầm lúa xanh rờn, mọc trên các gốc ra. Nó chậm chạp nhai, và khi bố tôi ở lên một tiếng, là nó lại cúi đầu, tiếp tục chăm chỉ, tiếp tục kéo cày.

Xong buổi, nó được thả rông gập cổ. Trời mây sông núi mờ ra trước mắt. Nó ọ lên một tiếng, vui mừng chào đón sự tự do, rồi cúi đầu soàn soạt: "Tha hồ, mặc sức, cứ nhét cho đầy bụng. Nhớ đừng động đến xu hào, bấp cái người ta trông". Ông nhắc nó.

Nó vâng lời, và hiểu lắm. Phá hoại cây trồng, còn tệ hơn húc người trồng cây, nên không chút tơ hào.

Nón trưa, ông nheo mắt nhìn trời, rồi bước lại với nó:

"Nó chưa? Xuống hồ tắm táp rồi về". Nó nhìn mặt nước trong veo, và xuống uống ưc một thời, rồi nước ngập đến háng, đến bụng, nó khoan khoái thở phào. Ông vừa kỷ co, vừa hò ri bên tai nó: - Nhắc chân phải lên nào! - Rồi - Chân trái! - Rồi! Mà lặc lặc cái đầu gì thế hả, bắn nước vào mặt tao! Cả đôi sừng nữa, chạm vào tao thì coi chừng đấy!".

Ông cứ chuyện trò như thế, từng tiếng một, và nó cũng hiểu rõ ràng từng tiếng một. Hèn gì cảnh thợ cày thường khảo nhau: "Cứ giao bắt cứ con bò tôi nào cho ông ấy, thì rồi tính nét chúng sẽ khác ngay thôi".

Buổi chiều, bóng nắng lặn qua ba hàng gạch, ông sai con gái ra đóng cắt cỏ. Con ông thì dắt nó thung thẳng khắp các bờ ruộng, tay cầm thùng mũi, tay cầm vĩ tre, đập diệt ruồi vàng, ruồi trâu, vo ve, lượn lờ hút máu.

Là ra vậy! Chăm sóc con bò với ông là một sự nghiệp, một vinh quang không vô ích. Ông nghĩ: "Tiền đây! Của đây! Nhà nào bỏ đời gia súc trong chuồng, thì đích thị nhà ấy đến kỳ mất vận". Vậy nên mỗi khi đi thăm đồng về, chân chưa đất bên sân, ông đã gọi: - "Cho mày cái này này, húc con - Nó nghe tiếng với lồm ngồm đứng dậy, cất cap đầu nhìn, rồi bước ngay ra sân. Một nắm cỏ tươi, mấy cái vỏ chuối, hoặc những củi dưa, xơ mít, nó ăn ngay, rất ngon lành trên đôi bàn tay xòe ngựa của ông, liếm sạch cả mồ hôi mẩn, cùng hơi nóng tình người ấm áp trên đó".

Cứ vậy, chủ và tớ gắn kết nhau như hình với bóng. Giữa đám đồng nghe giọng nói của chủ, nó nhận ra ngay. Ra đồng, nó cứ nài ông phải cầm tay cày. Nếu người khác mò vào là nó giờ ngay một vài ngón xấu chơi, buộc ông phải chạy đến can thiệp: "Khốn nạn! Vứt roi đi, nó không thích cái trò vũ lực. Hoặc: "Đừng! Đừng con! Cậu cá nhà ta mới về, cây giúp tao một buổi đấy mà! Quên rồi ư? Nhìn kỹ lại đi - Ngoan, ngoan nào! Rồi cậu sẽ có quả thưởng".

Hơn mười năm rồi con bò là cả giang sơn cơ nghiệp gia đình tôi - Nó đã cùng bố tôi, lần lộn, đổ mồ hôi, sôi nước mắt,

trên mọi cánh đồng - Ruộng nhà, chỉ mấy sào khoán, đáng kể gì. Chủ yếu là cày thuê, bừa mướn. Người ta thích đường cày của bố: Nó sâu, không lồi, không sót, mắt tay người thợ cày. Nhất thì nhì thục, cày sâu bừa kỹ là điều bố tôi tâm khảm trong lòng. Vốn dĩ con bò lại khỏe, chăm ngoan, thì tiếc gì mà không cày bừa, xới xao kỹ cho đẹp lòng khách, yên lòng mình.

Cả vụ cày, bố đi suốt. Cơm nuôi rượu thịt hân hoan. Đồng tiền gói chặt, mang về giao cho mẹ. Bởi mẹ, tình cần thân, biết nắm cầm, điều chỉnh cái thìa khóa để lóc ra ít, và vào nhiều. Anh tôi làm trên tỉnh, chỉ chú thêm góp vào, sửa lại cái nhà mái bằng, bếp nước hân hoan, giếng khoan đầy đủ.

Một lần anh khuyên bố: - Bố làm nhiều quá rồi, nay tuổi đã trên 60, nghỉ, phải nghỉ dưỡng sức, giữ lấy cái tuổi thọ bố a. Nhà mình vậy là qua vận hạn đói nghèo, cày thuê cuộc mướn".

Bố ngồi đấy, trầm ngâm: "Sông có khúc, người có lúc". Mà "Không ai giàu ba họ, khó ba đời". Lẽ thường tình đúng thế. Nhưng tùy sức con bò, nếu nó vui vẻ, và ai cần, thấy tớ ta cũng chiều. Nếu nó mệt mỏi, nhọc nhằn, thì sẵn sàng buông tay, ngồi nghỉ. Quyền ở ta, ở nó, chứ chả ai bắt được.

Cứ vậy, bố tôi thung thăng sống, thung thăng góp chút công sức cho ngô lúa cánh đồng.

Nhưng, hơn năm nay, cái đầu gối bố bắt đầu đỏ sưng. Do dầm mưa, dãi nắng nhiều, nên bệnh thấp khớp men đến quấy nhiễu. Bố đi lại khó khăn, phải cái hôm trở trời mưa nắng thì đức buốt quá, không thể nhắc chân ra khỏi nhà được.

Tiền sư cái bệnh chết tiệt. Thuốc thang nhiều đủ Bắc đủ Nam, cả Đông tây y kết hợp mà không khỏi, chỉ thuyền giảm phần nào. Ấu cũng là cái bệnh của người già: "Sinh - lão - bệnh - tử" ai tránh khỏi cái cầu ấy.

Hôm nào đau quá, bố sai tôi ra thăm con bò. Hôm khỏe ông tư chăm sóc lấy. Ông đến bên, vỗ vỗ cái đầu, vuốt ve đôi sừng, rồi lăm lăm than phiền với vợ lớn xôn: "Cái nhà Hai Tâm tham quá, cày suốt ngày, để bụng nó lép kẹp thế kia ư! Lại còn quất roi vào mông nó nữa, những vết hằn còn rõ nét kia. Khốn nạn! Đã tham lại không biết điều, ích kỷ hại nhân quá thế".

Nhà Côi Được thì khá hơn, còn có chút tình với nó. Nhưng mướn nhiều quá hết phần người khác. Hẳn bảo già tiền thuê mướn, nhưng đến bao giờ, và được là bao? Vì cái bụng hằn keo bẩn quá! Hời ôi! Tình nghĩa "củ nhấy"!

Ông cứ lăm lăm như thế, không với ai cả, mà như với bản thân mình. Con gái đứng gần đấy nói xen vào:

- Con thấy nó yếu hơn trước nhiều, biếng ăn biếng uống, cứ cái đà này khéo nó quy. Không nuôi nữa bố a! Bán quách đi, kéo được lòng người này, mất lòng người khác.

Nghe con gái tí tễ, ông ngồi đừ người ra vì thương và tiếc "Bắt nó lia chú ư? Khốn khổ? - Đã trả ơn, trả nghĩa nó được cái gì, mà đây nó ra khỏi nhà - Không! Không!".

Chủ nhật người con trai về cũng bàn hùn vào:

- Con đồng ý - Bố cần giữ lấy cái tuổi thọ cho chúng con vui. Công ời đâu mà bán tâm vào cái việc làm ơn mắc oán. Nay mai, nông thôn hiện đại hóa, máy cày tràn khắp đồng như xe tăng ngoài mặt trận. Vài năm nữa thôi: trâu bò nuôi chỉ lấy thịt, vắt sữa - Bố nghỉ ngơi thoải mái, thỉnh thoảng ra tỉnh xem chỗ con làm, máy móc hiện đại, vẫn mình lăm lăm.

Bà mẹ anh ngồi cạnh ấy hưởng ứng ngay, rồi đề thêm vào:

- Già thì già đời nào đời nào rồi, khi còn sung sức trai trẻ. Giờ màn chiều xế bóng, ông cố nửa sinh ốm, chả đủ tiền thuốc men: rên rĩ, đau mình đau mẩy.

Bà lời khuyên ruột rà, y như bà mũi giáp công, đánh vào một cái lỗ cốt mục rữa, buộc ông phải đầu hàng.

Sự thực, ông lo cho mình thì ít, mà thương cho số phận con bò là nhiều. Ông nói ngắc ngứ không thành tiếng:

- Ừ! Thì tùy mẹ con mày, tính hơn thiệt mà thực hiện, cứ làm, cứ quyết. Tao bỏ qua, bỏ qua.

Trong buổi bán đoạn con bò, bố tôi



Minh họa của ĐÀO QUỐC HUY

cổ tình lạnh mặt. Bố qua sân, vach hàng rào, đi tắt sang nhà bên, mà nước mắt ứa ra. Giá gần 2 triệu khá lắm, nhưng cũng chẳng ngăn được giọng nước mắt mặn

chát của ông. Trao tiền xong, ông lái cang khó mà dắt nó ra khỏi nhà. Nó chum 4 chân lại chống đỡ, rồi nghiêng cổ nhìn quanh. Đích thị nó tìm ông chủ, cầu cứu số phận nó, đang trôi dạt đi đâu, về đâu! Nó linh cảm thấy những điều chẳng lành, đang vây quanh, chực xâu xé. Nó bất lực. Phút cuối, nó nhìn người con trai trao thùng cho ông lái, mà rống lên, một tiếng, rồi hai tiếng kéo dài ngân vang thay lời từ tạ: "Bao giờ, ngày nào mới được trở lại đây: Cái sân này, cái nhà này, cả cánh đồng Đùng Đục lăm của nhiều ốc, cùng cánh đồng Vàng ba xã bát ngát mênh mông, lăm lăm nhưng đầm rau rệu, rau sam, chua ngọt, mọc chen chúc, từng làm mất lòng nó, dưới chân núi Nham Biền tím biếc kia". Bao giờ! Bao giờ!

Trời đất!!!
Mấy năm rồi, bố tôi sống đơn độc, buồn bã. Nguồn vui mất đi quá nửa. Nhiều lúc ông ngồi một mình, thêm khát một cái gì không ai biết. Ai đó đang cày ruộng gần đây đây phải không? Ông nghe rõ tiếng hò vát - Bơ rừ, lúc thưa, lúc nhất, lúc sáng, lúc êm.

Rồi tiếng bê kêu be be ngoài nội cỏ, kéo ông đứng dậy lắng tai nghe ngóng: "Con bê nhà ai lặc me, tôi nghiệp! Nhưng chẳng có tiếng trả lời. Ông đi đi, lại lại, từ trong nhà ra sân, từ sân xuống bếp, rồi đứng lại ngơ ngẩn nhìn cái chuồng bò: trống trơn, trống hoác, đầm chiếu chiếc cây phủ kín mang nhện nằm im trên nóc, nên một tiếng thở dài: "Bao giờ... ngày ấy có không... con bò lang trán ta trở lại, trở lại!!!".

Giữa những nỗi buồn thăm lằng giằng xé, mẹ tôi thường xuất hiện đúng lúc, gỡ rối, giúp ông. Lần này, mẹ cầm nắm tiền trên tay kéo bố ngồi đấy.

- Ông nằm cả ngày thế ư? Không chán sao? Tìm cái gì tiêu khiển chứ! Tiền đây, ông ra tỉnh thăm con, và mua giúp các thứ này này!

- Những thứ gì nào? Bố nói như rên rĩ.

- Vải! Cho con nó may quần áo, tháng sau về nhà chống, cả chân mần, giày dép và các thứ lể lắt.

Con gái nói chen vào:

- Vải may áo, bố chọn thứ dày đấy.

Mặt sáng, mịn, lăm hoa.

- Lăm lăm thế! Không khéo mẹ con nhà mày đốt hết tiền!

- Ừ! Phải! Tôi còn muốn mua một tấm

vải pha len đẹp, may áo khoác mới, thay

cái cũ, cho đẹp mặt quan viên hai họ chứ. A quên! Con nó còn muốn mua một đôi xăng đan nhung tím, cao gót, đính hạt cườm, lông lánh xanh đỏ.

- Chà! Lăm lăm quá thế! Đúng là vợ cả trời. Rồi bỗng ông chớp mắt lưỡng lự: - Hay bà nó đi vậy, mua cho hợp mốt, tôi ở nhà, rau bèo cam tắm cho.

Bà sáng giọng lên ngay: - Ông đưa bố râu tôi. Thôi tha! Đàn ông, đàn ông gì như mèo nằm xó bếp.

Tôi đứng đấy, tay vội đưa lên bóp chặt lấy cổ họng, cho khỏi bật ra tiếng cười. Bố tôi liếc mắt nhìn tôi, trấn an, rồi hóm hỉnh đáp lại:

- Ừ! Thì thôi tha! Râu đây! Nhưng râu mướn thì vô duyên lắm, chẳng kèm gì phường tướng. Bà mà đeo râu vào thì trái đất này sụp đổ, chẳng có một thằng đàn ông nào trong làng, được yên với bà.

Nói xong bố tôi cười hi hi, mặc cho mẹ tôi lườm và nguyệt, rồi chụp cái mũ cối lên đầu, cắp ô vào nách, vút ra đi, nhẹ nhàng êm vui, như một khúc hát.

... Đến Phúc Lâm, xe đỗ lại mười phút lấy thêm khách. Trong lúc chờ đợi ông thấy một đàn gia súc, gồm những trâu và bò, con đứng, con nằm, trên một khoảnh đất trống ven hồ, cạnh đường cái.

Ông nhẩy xuống, đi một vòng quan sát. Bỏ gì mà chỉ có đa bọc xong, cứ là đếm được từng cái xương sườn. Tình những bò già, sắp đến côi: Con thì đứt đuôi, con thì cut tai, vớ seo mũi, lở loét, ruồi nhặng bầu kín. Chao ôi! Lòng thương xót của con người đối với vật nuôi ít ỏi thế cơ? Đêm nay, vài đêm sau nữa, chúng lần lượt đi vào lò mổ, nhận cái chết - phanh da - xẻo thịt - róc xương - giao bán nơi xa, nơi gần, hết, hết tuốt.

Ông nhìn chúng như nhìn những người bạn mang ăn tử hình. Mà ô hay! Suốt cả cuộc đời chúng chỉ có công, không có tội. Trời phật sẽ hóa kiếp chúng như thế nào đây, cho đúng luật sinh tồn của tạo hóa!

Bỗng ông rùng mình khi thoáng thấy một vết trắng lướt nhanh trên đầu một con - phải chăng con bò lang trán? - Mặt mình có bị đánh lừa không nhỉ? - Thực hay mơ đây? - Mặt ông nhòa đi, khi cái vết lang trắng ấy chọc vào - Thôi chết rồi con bò lang trán ngày nào của ta. Nó - chính nó đấy! Ông tiến sát gần hơn - Đây con, không nhận ra tao ư? Mày thân tàn mai đại thế này sao!?

Ông ôm đầu con vật, kéo sát nó vào lồng ngực mình vỗ vỗ, vuốt ve cái vết lang trán. Nhận ra chủ cũ nung chiếu,

(Xem tiếp trang 14)

ĐẶNG HUY GIANG

Khúc ca tặng sáng

Chuang đồng hồ báo thức
Mở mắt, gặp ánh ngày
Mở mắt, gặp mưa bay
Tờ mờ hơi gió bắc

Hà Nội vừa chớm rét
Mùa đông tới nơi rồi.

Và mọi việc lại trôi
Sau một đêm ngưng trệ
Lại vòng vào ngõ, phố

Theo con như mọi ngày

Hà Nội đang lạnh giá
Mùa đông tới nơi rồi.

Gần gũi, xa xôi ơi
Vắng tiếng ai thầm nhắc:

Còn mặt trăng để khóc
Còn mặt trời để ghen
Còn tấm gương để quên
Sợi mình mỗi tảng sáng.

Thế giới của chúng ta

Dàn ti-gôn mùa hè hoa nở
hóng lên như xác pháo ngang trời
Hoa ngũ sắc, nụ li ti mím lửa
cháy vô tình trước kết hợp, phân ly
Cây khoai nước hợp mưa
Cây xương rồng sợ nước

Bầy dơi ngủ treo
Bầy chim ngủ đứng
Bầy gà ngủ gật gù
Bầy cá ngủ chẳng bao giờ nhắm mắt

Trong vô cùng trời đất

Còn chúng ta
giấu mình trong căn phòng hẹp
sau rất nhiều lần cửa
sau rất nhiều ổ khóa.

II

Thế giới của chúng ta
Đàn ông và đàn bà
Cái hay cái dở sinh ra cùng chúng ta
Cái tốt cái xấu sinh ra cùng chúng ta
Thiên đàng địa ngục sinh ra cùng chúng ta

Chúng ta khen những dòng sông
làm nên những cánh đồng tốt tươi
trách cứ chúng những ngày thác lũ
Chúng ta ngợi ca biển bao la như
khát vọng con người

trách cứ chúng mỗi lần sóng dữ
Chúng ta tự nghĩ ra tử hoà bình của
loài kiến
đến chiến tranh giữa các vì sao

Chúng ta giới hạn vùng lãnh thổ
giới hạn tầm nhìn
Chúng ta sắp đặt chỗ ngồi trên dưới
trước sau

sắp đặt trật tự mới
Chúng ta là nô lệ, chúng ta là
ông chủ
của những định tính, định danh,
định lượng
khóc và cười trước mọi tấm gương.

III.

Em thân yêu
Em làm nóng đời anh khi em có mặt
làm lạnh đời anh khi em đi xa

Thế giới của chúng ta
Đàn ông và đàn bà
hai phía căng cơ
trong một bước trượt dài
leo dốc

Số đông là là mặt đất
Số ít phớt phất như diều

Thế giới của chúng ta.

TRẦN CHẤN UY

Người lính trở về

Còng lưng một thời áo lính
Chiến trường mưa nắng mòn chân
Sống sót sau ngày chiến thắng
Anh về cày ruộng nuôi con

Ngực gầy chẳng một huân chương
Ngày ngày theo bò lội ruộng
Bữa cơm quả cà, rau muống
Vợ con chân lấm, tay bùn.

Nét cười chẳng gọn chút buồn
Hồn nhiên nhận phần thua thiệt
Chiến trường bạn bè thân thiết
Lưu lạc giờ chẳng còn ai.

Đồng trưa bóng nắng tròn vai
Anh ngồi nhìn về phía núi
Nơi ấy bao nhiêu đồng đội
Máu xương xanh núi xanh đồi.

Xứ Lạng

Ở Bắc còn nghe tung vó ngựa
Bạc phếch áo trên bóng cha ông
Thanh gươm chẻ núi kinh hồn giặc
Đất cũ nghìn năm xanh núi sông

Đường lên xứ Lạng mùa thu rét
Hoa mận trắng rừng như tuyết bay
Bao nhiêu sương nắng trời gom lại
Hoà rượu Mầu sơn danh tiếng đây

Kỳ Lừa phổ cũ, nàng Tô Thị
Đá tạc vào trời một dáng đau
Đất nước bốn nghìn năm trên mặt
Đầu chỉ mình em hoá vọng phu

Quê hương mấy thuở dày bóng giặc
Câu ca xưa héo hắt nỗi lòng
Bạc tóc mới về thăm Ải Bắc
Xứ Lạng có còn nem, rượu không?

HOÀNG BÌNH TRỌNG

Tự bạch

Dầu đã đi đến cùng trời cuối đất
Tôi vẫn là tôi của cát trắng gió Lào
Và vẫn tìm em phía bụi mù cổ tích
Phía cánh cò chao vọi nắng ca dao

Dầu lăn lóc khắp nẻo đường
bút mực
Tôi vẫn là tôi con đẻ dân cây
Và vẫn tìm em phía mồ hôi thấm đất
Phía nỗi niềm muối mặn gừng cay

Gửi TH-N.S

Dầu thời gian sao đời vật đổi
Tôi vẫn là tôi con của mẹ hiền
Và vẫn tìm em phía bát cơm xé nửa
Phía cội người danh lợi chẳng
bon chen

Tôi chối bỏ những lối mòn vinh dự
Để có em mất ười miệng cười,
Em dâng quê hương, em hình xứ sở
Em Xuân Hồng chuốc rượu tử
thơ tôi.
Đồng Hới, Xuân 2001.

BÙI THANH QUANG

Đêm A Lưới

Kính tặng mẹ Vít

Đêm A Lưới trời như chùng xuống
Vài ngôi sao ngơ ngác vèn mây rừng
Ngon gió lạnh từ bờ thông e ấp
Riu tóc người từng sợi bạc rừng rung

Tráng rúc sữa qua khói sương mờ ảo
Nghĩa trang đêm quanh quẩn lối hàng
Nghìn đũa con không tên không
địa chỉ*
Mẹ chia đều mỗi đũa một cây nhang

Những tiếng nấc "Mẹ ơi!" trong
gió thoảng
Tương đài cao run rẩy giọng trầm miễn
Nghìn con mắt đỏ mòng đêm
thương nhớ

ĐẶNG HỮU TRUNG

Đồng hồ doi cát Trường Sa *

Thời gian trôi không để lại bóng hình
Buồn vui đều qua sau ánh chiều
lặng lẽ
Thời gian công bằng, thời gian lưu giữ
Kim đồng hồ nhất từng giây xếp vào
quá khứ
Nhắc nhở lòng ta.

Ở Trường Sa,
Thiên nhiên kỳ lạ.
Chiếc "đồng hồ doi cát" trên biển cả
Một doi cát vàng như bao doi cát
của sông quê.

CHỦ VĂN LONG

Mưa buổi sớm

Bỗng ào ạt cơn mưa buổi sớm
Về lấy đi tất cả niềm vui
Buồn hơn cả là bông hoa hôn hờ
Đón bình minh đã ướt sũng cả rồi
Con đường xa càng thêm xa thẳm

Gió chợt dừng. Trăng lạnh.
Phút giây thiêng

Ngày ra đi con là măng là sữa
Giờ con về. Con là đất là đại
Hạt máu mẹ thấm vào rừng biên giới
Trong quê thơm? Hoa trầu trắng
lưng trời?

Sắp ngửa đồng tiền. Âm dương
hoà hợp
Con nằm đây. Con đợi mẹ lâu rồi
Bọc đất nâu như hài nhi khát sữa
Riết vào lòng. Bất tiếng nấc "à ơi..."
A Lưới đêm 20-4-2000

* Ở nghĩa trang A Lưới (Thừa Thiên
Huế) có hơn 1.500 ngôi mộ liệt sĩ chỉ có
136 ngôi có tên.

Doi cát vàng nơi đây là chiếc kim
đồng hồ

Quay nhà sông biển
Mỗi năm một vòng đi và đến
Bốn mùa lặng lẽ quay theo.

Cánh hải âu xao xuyến sớm chiều
Mặt đồng hồ – biển xanh bát ngát
Và, người lính đêm ngày đứng gác
Là trục kim đồng hồ giữ cho
thời gian bình yên nơi đây.

Hè 2001
* Ở đảo Song Tử Tây (trong quần đảo
Trường Sa) có một doi cát chuyển dịch
chính xác mỗi năm một vòng.

Trong phòng họp

Tôi ngồi trong phòng họp

Giữa những tiếng lao chao
Tai nghe mà chẳng rõ
Hồn đang ở nơi nào

Những hốc đèn nằm khuất
Hắt ánh sáng vàng vàng
Mặt người nhìn không thật
Tất cả hoá mơ màng

Chiếc đồng hồ điện tử
Chết lặng ở trên tường
Không ai thêm để ý
Đến cái chết không buồn

Nhưng đó là cái chết
Của chiếc kim đồng hồ
Còn nếu như anh chết
Em sẽ buồn bã vơ...

HUY TRỤ

Tìm xuân

Bồn chồn chưa nói hết câu
Giọt sương trắng lạnh trên đầu
đã rơi...

Đầu ngày chẻ tóc ra phơi
Nửa trong, lại đục, nửa vui,
lại buồn...

Tay mình đại, mắt mình khôn
Đại khôn dồn lại, để còn là ta!

Cộng thêm bốn, trừ đi ba
Nhân lên tất cả... chia ra: cuộc đời!

Anh lặng yên ngồi nghĩ
Về cuộc sống chung quanh
Cái chết đang tàn phá
Bao gương mặt đẹp xinh

Và ngoài kia thế giới
Đang lửa bỏng dầu sôi
Kẻ bời ăn trong rác

Người mua được cả trời
Như thế mà nhân loại
Đều là những con người...

Ở chỗ này Marx đứng
Phải tìm lẽ công bằng
Hỏi con người lao khổ
Đã nghìn năm vạn năm
Một khi còn sự sống
Phải tìm lẽ công bằng.

Thương nhau e ấp mồm chối
Diu nhau vượt quãng nắng sôi,
mưa dầm

Bỏ chữ oán, tìm chữ ân
Bước qua mọi cửa phủ vân
đặt bày...

Rượu nồng anh uống, em say
Kéo trời cao xuống ngang mày,
mà xuân!...
Xuân – 2001

SAY ĐẦM VẪN CÒN KHI NÉM CÂU THƠ VÀO GIÓ *

TRỊNH THANH SƠN

BẢNG Việt công bố tập thơ thứ tám của mình vào thời điểm Ngày đã đứng trúa, với tâm trạng bối rối, lòng xao xuyến bao nhiêu câu hỏi: Đã đứng trúa rồi ư? Sao ngày ngắn vậy? Nghĩ chưa xong, thời khắc điểm xong rồi đã chín rồi ư? Sao đời ngắn vậy? Quay lại nhìn, bao việc vẫn buồng xuôi! Và anh lấy một câu thơ của nhà thơ Pháp Aragon làm đề từ cho bài thơ của mình như một đồng cảm sâu xa: Ngày đã đứng trúa. Trời có lẽ xanh rồi...

Trong cái phút giây xao lòng ấy, người thơ chợt bàng hoàng trong tình thức và giấc ngủ, giấc ngủ để yên lòng: Yên tĩnh thế khiến lòng run rẩy mãi. Phút giây thiêu thức tỉnh lại bao điều. Nhìn thấu suốt nhỏ nhen và vĩ đại. Càng bình tâm rồi tôi đích mình theo. Tôi coi những câu thơ trên như một tuyên ngôn, không cao giọng mà thấu suốt, yêu được bởi tình và tin được bởi thần.

Đọc tập thơ Ném câu thơ vào gió, bạn đọc sẽ gặp lại một thi sĩ Bằng Việt của ngày xưa, của hôm nào, nhưng là Bằng Việt của hôm nay, thâm trầm hơn qua rất nhiều chiêm nghiệm và từng trải. Thơ anh vẫn nồng ấm và tài hoa, vẫn nghiêng về trí tuệ, nhưng đây là trí tuệ của một người đã vượt qua cái ngưỡng của tuổi "ngũ thập tri thiên mệnh", cái trí-tuệ-trải-đời. Chung thủy với cái đích mình theo đó là thơ, vì thơ, bấy giờ anh suy ngẫm:

*Thơ có còn tri kỷ nữa hay chăng?
Đời đột biến mà thơ đi quá chậm
Đời hết sức thẳng thừng.*

*Thơ vòng vèo lẫn thẩn
Đời trả giá hết mình. Thơ khi nhớ
khi quên!*

Đây không phải là sự dằn vặt, trách móc hay sám hối, mà đây là nỗi day dứt thường nhật của một người cầm bút có lương tri, của những người cầm bút có lương tâm. Những câu thơ ngộ như độc thoại đã biến thành đối thoại:

*Cao đạo để làm chi? U uẩn để làm chi?
Mỗi khám phá nhỏ nhoi ngộ đầu tầm
vũ trụ*

*Bao gay cần xét lòng, mà thơ như
ngoại trú*

Thơ có còn tri kỷ nữa hay chăng?

Nhà thơ chỉ đặt ra toàn những câu hỏi, tuy nhiên người đọc đã nhận ra câu trả lời ngầm sau những câu hỏi kia, rằng với cuộc đời, thơ không thể là kẻ ngoại trú, rằng với cuộc đời thơ phải dẫn thân. Chợt nhớ một lời danh ngôn của nhà văn hoá Nguyễn

Siêu: "Văn chương có hai loại: loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyển chủ ở văn chương. Loại đáng thờ là loại chuyển chủ ở con người!".

Ngẫm ra, những con người thiên lương cũng có chung một ý nghĩ! Và cũng bởi thế mà thơ còn, thơ không tuyệt chủng! Và ai nhớ thì nhớ, ai quên thì thôi, thơ suốt đời âm thầm như bóng hoa dâm but:

*Có thương thì thương, nguyện để
trong lòng
Như bông cần âm thầm, không ép ai
phải nhớ
Thơ hoa quê hồn nhiên giữ lửa
Không chời lời khoe mình, cứ thế
thắm bền lâu...*

Tư tin thì nói thế, nhưng nông nổi cuộc đời có như tâm nguyện của nhà thơ đâu. Thế mới sinh ra đau buồn và bi kịch. Thế mới cảm thương cho một thời mình đã sống hết lòng, đã cháy hết mình: *Lời hát của một thời / Dừng dừng cho lớp trẻ / Nào ai có lỗi gì? / Chỉ nỗi buồn đau xé!* Đến nỗi nhà thơ phải ngậm ngùi:

*Vết thương cũ dấu lành
Lời hát còn đau tiếp...
Thương sao là người hát!
Già đời còn thương vay...*

Đây không phải là hoài cổ, nhà thơ chỉ nhấn nhủ sự thủy chung với những giá trị có thật mà thôi. Những câu thơ giản dị, không cao giọng mà tình thì đau buốt. Nhà thơ tự nhận mình là một người hát, là một kẻ thương vay! Những câu thơ tự trào mà ứa nước mắt! Cùng một tâm thức ấy, Bằng Việt viết:

*Muộn rồi em... mùa thu
Muộn rồi em... đêm lửa
Muộn rồi chăng? Nỗi nhớ
Muộn rồi chăng? Cuộc đời?*

Tuy nhiên, những phút giây buồn nhớ ấy không làm nhà thơ đắm chìm trong hoài niệm. Nhà thơ dành những phút tĩnh lặng riêng mình để nghe... cây! Và anh có những dòng thơ thật dịu dàng:

*Lặng lẽ ngồi nghe cây biết nói
Cây thắm hồn đêm, tĩnh lặng buồn
Lặng lẽ chờ tan cơn buồn nhớ
Nỗi nhớ dần xa như khói sương*

Có người nhận xét rằng thơ Bằng Việt cũ quá! Nếu cũ mà hay thì thà cũ như đào gốc còn hơn!

Trong tập thơ này, Bằng Việt có nhiều bài thơ viết ở nước ngoài, viết về con người và cảnh quan nước ngoài, nhưng dù ở đâu, viết về đất nước nào thì chung cục vẫn là những nghĩ suy về dân tộc và đất nước mình. Phẩm chất công dân trong tư cách

nhà thơ là nổi trội, rất đáng trân trọng. Chẳng hạn, anh viết về một cô gái gốc Việt ở Maroc trong bài Casablanca:

*Em bóng bột gù tôi là đơn
Xin tình nguyện về Việt Nam chiến đấu*

*Chao ôi! Đây là thời quá chừng lãng mạn
Đôi mắt nâu to với nét buồn sâu thẳm
Tôi mắc nợ nỗi buồn, chẳng bao giờ
trả được*

Casablanca!

Chẳng hạn, anh viết về công viên với nghệ thuật thu nhỏ của Thăm Quyển Trung Hoa:

*Thu nhỏ mọi cảnh quan, làm bé từng
hiện vật
Đầu tình xáo tột cùng cũng chỉ hoá
trò chơi*

Nhân loại đã đi qua mọi luân hồi
nghịch chương
Để được đứng là mình, không chịu bé
đi hơn!

Và anh viết về Vườn Nhật Bản:
*Đá ngồi thiền, thắm thâu lẽ tử sinh
Rêu lặng lẽ xuất thế và nhập thế,
Ngõ nước chảy mà thực không có nước
Sóng cuộn, sóng khô, vô tận vô cùng...
... Cô hữu hạn xanh veo thành bất tử
Lòng hoàn nguyên rửa sạch với*

Những suy tưởng của Bằng Việt đôi khi làm chúng ta giật mình. Thì ra là thế, một cách cảm, một cách nhìn! Thì ra là thế, một nghĩ suy trầm mặc.

Chất suy tưởng vốn là một điểm mạnh trong thơ Bằng Việt và góp phần làm nên thi pháp và phong cách độc đáo - một giọng hát riêng trong đàn đồng ca cùng thế hệ. Chẳng hạn, anh viết:

*Thế kỷ XX. Những tốc độ phi thường
Những phát kiến phi thường, những
đau thương không bao trước
Tin và không tin, yêu và không yêu...
Tất cả mọi điều đều sẵn sàng đột ngột
Thật - giả biến hình nhanh, đang bạn
hoà ra thù...*

Và anh đẩy tiếp những suy tưởng của mình một cách minh triết mà tài hoa:

*Trái đất, nghĩ cho cùng, cũng đáng
thương và tội nghiệp thế thôi
Để tạo dựng được niềm tin, thật khó
Mỗi ánh chớp lương tri, loé lên,*

*dù rất nhỏ
Phải biết nuôi thành ngọn đuốc
soi đường!*

Trong một bài thơ khác, bài *Lục bát cầu may* một bài thơ rất hay, rất đặc trưng cho lục bát Bằng Việt, anh viết:

*Xế chiều quay lại giữa trưa
Ngậm ngùi nỗi lại thời chưa biết gì
Ngậm ngùi ư? Ngậm ngùi chi?
Ngậm ngùi xong để quên đi ngậm ngùi!*

Trong 4 câu thơ mà Bằng Việt dùng tới 5 từ "ngậm ngùi", mà không lặp, không nhui, không gây cảm giác nhàm chán, bởi anh đã biết thổi vào mỗi từ "ngậm ngùi" kia

một linh hồn khác nhau. Điều ấy có tên gọi là biết làm mới lục bát!

Rồi anh đẩy tiếp và có được những câu thơ thăng hoa, như biến thành mây khói:
*Nếu làm mây, cứ như mây
Một mai tan xuống đất này, được không
Nếu em là kiếp bèo bọt
Thì tôi vĩnh viễn phải lòng phù du...*

Tôi coi những câu thơ ấy là một sản phẩm đặc trưng, có tên là *Thơ Bằng Việt!*

Xin trở lại với bài thơ mở đầu, mang tên cả tập, bài *Ném câu thơ vào gió*. Bài thơ bảy chữ, mười sáu câu, gọi là thơ bát ngôn (tám chữ) quen thuộc, vậy mà đọc xong, ta thấy mới vô cùng! Cái mới ở đây là hồn vía mới, tâm trạng mới, nghĩ suy mới và... tự trào mới. Chính cái chất tự trào đã làm nên cái duyên, cái đẹp, cái thành thực đáng tin cậy. Cả bài thơ giống như một bản khai báo trước quan tòa thời gian. Rằng:

*Ném một câu thơ vào gió thổi
Lời bay đi, tôi nhớ lại đời mình
Có lắm buồn vui, có nhiều lắm nỗi
Nhưng không có gì xáo trá,
gian manh...*

Rồi nhà thơ khai báo thêm, thành thực đến "nực cười":

*Có đôi chút nực cười thì trẻ quá
Chưa hết tung tăng đã muốn bạc đầu
Có đôi chút bùng bùng thời bà là
Chơi hơi nhiều, rút lại có gì đâu!*

nhưng sau những khôi hài là một nỗi đau:

*Có nỗi đam mê một thời trang trọng
Lo nỗi lo khuôn thước của muôn nhà
Quên mất câu thơ quá chừng bé bỏng
Thốn thốn trong lòng không thể thoát ra...*

Đây không phải là một sám hối hay tiếc nuối mà đây là nỗi đau âm thầm có thực, cứ canh cánh bên lòng, muốn dẹp đi nhưng dẹp gì dẹp được. Tôi thực sự cảm động khi đọc những câu thơ ấy, bởi tôi hiểu rằng, phải tự tin lắm, phải quyết liệt lắm và phải lão thực lắm, nhà thơ mới có gan viết những dòng thơ trần tình như thế. Niềm tự tin ấy là có cơ sở, ta tin vào mình, ta tin vào người và ta tin vào đời:

*Nay lại ném câu thơ vào gió thổi
Tin, không tin... vẫn còn lại riêng mình
Còn lại tâm lòng mong manh dễ vỡ
Cát đã qua rồi, nay hoá thủy tinh!*

Từ cát đến thủy tinh, đến pha lê hay thạch anh là cả một quá trình. Đó là một quá trình sống cam go, khó nhọc, nhưng đầu sao thì anh đã *hoá thủy tinh*.

Trở lại với thơ, Bằng Việt vẫn là Bằng Việt của ngày xưa, đậm thắm, dịu dàng, tài hoa, sâu lắng. Nhưng bây giờ, khi đã thủy tinh hoá, dường như anh càng trong sáng hơn!

Vậy thì, thơ Bằng Việt vẫn hay. ■

(*) *Ném câu thơ vào gió* - Thơ Bằng Việt, Nxb Hội Nhà văn, 2001

PHÙ SA BIỂN CỦA NGÔ MINH

HOÀNG PHÙ NGỌC TƯỜNG

TRƯỚC tình hình số tập thơ được xuất bản với tốc độ chóng mặt, người ta bỗng nhiên cảm thấy e ngại mỗi khi cầm một tập thơ trên tay. E ngại, không phải vì người ta sợ nhọc sức, mà e ngại vì người ta nghĩ rằng sẽ phải đọc một tập thơ dầy! Cảm giác ấy xem ra thật bất công, nhưng thật tình nó quá là như vậy. Nhưng với *Phù sa biển* (*) của Ngô Minh vẫn để lại là khác. Ngô Minh sinh trưởng ở một làng biển Quảng Bình, đó là điều rất quan trọng để hiểu tính cách của tác giả, để hiểu được những khát vọng và những kỷ niệm mặn mà thời tuổi dại. Ngô Minh đã theo đuổi việc học từ một ngôi trường ở làng quê, điều ấy đã giúp anh có một cái nhìn chân thật về ban bè. Cuối cùng, cũng như các thanh niên cùng lứa tuổi, Ngô Minh đã đi bộ đội và tham gia giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh; điều giúp tác giả có một cái nhìn tổng kết thẳng thắn về cuộc đời và những tình cảm lớn khác trong thơ. Xuất ngũ, anh lại làm thơ và chỉ làm thơ (đây là tập thơ thứ 9 đã xuất bản của anh). Ngô Minh là một con người biết chỉ tình với thơ trong cuộc sống.

Phù sa biển vì thế bảo đảm được tính chất sang trọng của một tập thơ, của sự tinh tế về tâm hồn và sự chín muồi về ngôn ngữ!

Những người dân nghèo quê tôi thường đi đãi vàng dọc những triền sông, tìm đến tận nơi nước chảy đá mòn. Phải nhiều lần cát đãi trong dòng nước mới may ra nhặt được một chút vàng nhỏ bằng hạt tằm, cất vào trong chiếc ống lông ngỗng nhỏ xíu. Một thi nhân đời Trần còn để lại cái tên một tập thơ, gọi là "Phi sa tập", nghĩa là *đãi cát (tìm vàng)*. Dĩ nhiên thôi, vì thơ hay ngày càng hiếm. Nhưng không thể nào phu bạc thơ được. Ôi, người đời Trần còn thế!

Tập thơ *Phù sa biển* đến tay tôi như một lời an ủi. Thêm một lần nữa tôi nhận ra sự đãi cát tìm vàng của người dân nghèo quê tôi là một điều thân trọng đáng giá, cho tôi gửi đến tác giả một lời chào biết ơn.

Thơ Ngô Minh hay về đủ bản lĩnh nghề nghiệp để tìm thấy cái hay từ những chuyện nhỏ nhỏ thương ngày. Sự thật thì không cái nào là nhỏ; mỗi một kinh nghiệm sống

đạt đến đều đáng quý cho thơ. Và nhà thơ là người có "con mắt xanh", nghĩa là con mắt biết cách phân biệt to nhỏ khác với thường tình. Ngô Minh có một tuổi thơ lớn lên từ một ngôi làng cát ven biển, hàng ngày say mê ngắm hiện tượng *biển sinh*. Cứ một tháng hai lần, biển tự nhiên rạo rức, sôi động hẳn lên, những con sóng cứ cồn cào ném những vật lạ trong lòng biển lên bờ, sau đó *nước biển đục ngầu vì chất biển mới*. Ngô Minh tuyên bố:

*Đây tuổi trẻ của ta
đây tình yêu của ta
kia nhánh san hô tận cùng đáy cát
lắc lư sắc biển chồi loa*

Lớn lên, khi đủ tuổi chiêm nghiệm, Ngô Minh gọi đó là *Phù sa biển!*

Phù sa biển đã nuôi trồng tâm hồn tác giả không phải bằng những lụa, mà bằng những hình ảnh thân thuộc như những người thân yêu, những gương mặt bạn bè đã gặp, và những miền đất đã đi qua. Những người thân, trước hết là mẹ, một niềm yêu dấu khôn nguôi trong đời chàng: "*Biển đêm là nỗi buồn của mẹ/ Sóng xao giục ngủ chấp chờ/ Nhưng miếng trầu thì mãi đỏ thơm...*"; là cái dáng thi sĩ của chính mình thời thơ ấu: "*Cây san hô ngồi ngồi sắc lửa/ Nơi tận cùng lòng biển thắm sâu...*"; là người anh của chàng: "*anh tôi là vết chêm của sóng...* Và chị nữa: *Chị tôi khuất nẻo lâu rồi/ Đêm qua trong giấc mơ tôi chị về...* Phải thừa nhận rằng, hình như từ thời Nguyễn Bính trở đi, hình tượng người chị đã bị lãng quên trong văn học Việt Nam. Vì nét tâm hồn của người chị rất giống với người mẹ. Hình ảnh và số phận của người chị đầy ắp trong các làng quê Việt Nam, và may sao có một thế hệ em trai đi xa (như Ngô Minh đây và như nhạc sĩ Trần Tiến chẳng hạn) bỗng chợt nhớ và nhắc đến. Đằng sau những khuôn mặt thân thiết ấy là một

ngôi làng biển, ngôi làng hăm chứa một cách vô tận những ý nghĩa mới của sự vật, khiến cho một cánh chuồn chuồn đầu trên ngọn cỏ ven đường cũng óng ánh hẳn lên như một giọt nước mắt tuổi thơ bị thời gian bỏ quên: *cánh khô còn chuồn đầu - như giọt thời gian quên*. Và nhiều khi giữa những biến động xô bồ của cuộc sống, Ngô Minh lại tìm về ngôi làng ấy, để nghe tiếng gọi tha thiết của mình chợt trở thành một tiếng ve đêm âm vang từ thế giới tâm tưởng: *Em em em em... tiếng ve màu trắng... tiếng ve màu tro...* Ở trung tâm của thế giới thần thoại ấy, luôn cư ngụ một "cái tôi" nhân hậu và khẳng khái; vẫn mãi mãi đem lại cho thế giới đầy tính chất phong phú, và nhiều vẻ, và tưởng như có thể nuôi sống được thân xác; *Cái tôi* ấy quan trọng đến nỗi, nếu nó mất đi sẽ kéo theo sự sụp đổ của toàn bộ thế giới đang tồn tại bên nó!

Lung linh ấy chẳng là gì cả

Trước bao điều đang lay động trùng khơi

Có những phút mềm yếu, tôi không còn kỳ vọng vào thơ, tôi định đi tìm nguồn an ủi ở một chỗ khác. Nhưng tôi chợt nhớ lại câu thơ này của anh Phùng Quán:

Có những phút ngã lòng

Tôi vịn câu thơ đứng dậy

Thì tâm hồn tôi chợt tìm thấy một sức quật khởi mới mẻ, và tôi lại cất bước.

Phù sa biển là một tập thơ hiếm hoi đã mang lại cho tôi cái quyền hạn được ban bố ý nghĩa cho những vật tầm thường quanh ta; tập thơ đã vẽ nên một chân dung con người biết sống đôn hậu và đầy sức mạnh. ■

Huế 30-8-2001

(*) *Phù sa biển* Ngô Minh, Nxb Thuận Hoá, 2001

“CUỘC ĐỜI DÀI LẮM” - NHỮNG THÔNGIỆP CỦA HÔM NAY

NGÔ VINH BÌNH

S AU cuốn tiểu thuyết *Ba lần và một lần* (NXB Văn học, 2000) Chu Lai lại có tiểu thuyết *Cuộc đời dài lắm* (NXB Quân đội Nhân dân, 2001) với số trang và số bản in đáng kể: hơn năm trăm năm mươi trang nói khổ, phát hành lần đầu đã là 6.000 bản.

Cuộc đời dài lắm viết về cuộc đời một giám đốc nông trường cao su tên là Vũ Nguyên. Ông vốn là một người lính chiến. Hết chiến tranh ông trở về và gắn bó với đời mình với những cánh rừng cao su cùng một khát vọng là làm mới lại tất cả, làm mới lại tất cả từ cung cách làm ăn, cách thức quản lý, tổ chức đến việc đổi mới kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác và công nghệ chế biến nhằm tới mục tiêu là làm cho thương hiệu cao su Việt Nam có chỗ đứng trên thương trường khu vực và quốc tế, đồng thời nâng cao từng bước đời sống của hàng ngàn công nhân cao su - những người công nhân mà từ hàng trăm năm nay đã gắn liền với những câu ca buồn: *Cao su đi dễ khó về/ Khi đi trai tráng khi về mất con hoặc: Cây cao su quý hơn người/ Mỗi khi cây bệnh cây thời nghỉ ngay/ Lãng tá cho chí lang Tây/ Đêm đêm lo lắng ngày ngày chăm nom/ Còn ta đau ốm gây côm/ Đau không được nghỉ chết mòn cũng không.* Song việc thực hiện những khát vọng ấy đối với ông thật chẳng dễ dàng gì, xung quanh ông, trên con đường ông đi còn có biết bao nhiêu là trở lực, thách thức. Thách thức của lễ thói cũ, của sự cam chịu, thách thức của thời tiết, thách thức của cơ chế quản lý, của các mối quan hệ giữa con người đối với con người. Trước những thách thức ghê gớm ấy, bằng ý chí của người lính năm xưa, bằng tình yêu đối với con người, với rừng cây, ông đã từng bước vượt qua được. Nhưng ẻo lả thay, ở vào chặng cuối cùng của cuộc chiến đấu với cái cũ ông đã phải vào tù.

Chu Lai bắt đầu cuốn tiểu thuyết bằng cảnh giám đốc Vũ Nguyên ở trong tù với những chi tiết thật ấn tượng. Ngay trong ngày đầu tiên bị bắt, bị tống vào nhà ngục, vị giám đốc giàu ý chí, bản lĩnh, nhiều khát vọng, nhiều mơ ước đã khóc: “Gần năm mươi năm sống trên đời, đây là lần thứ hai anh khóc, khóc vỡ toác, khoắc nứt nở, khóc không thể kìm lại được. Lần thứ nhất cách đây hơn hai mươi năm, năm 1968, cả đại đội chết hết dưới cầu sông Sài Gòn, anh đã khóc tằm tã suốt quãng đường đêm ba giờ đồng hồ một mình lủi thủi trở về căn cứ và để bảy giờ, cũng là đêm, một mình... (tr.10). Sau tiếng “khóc vỡ toác” ấy là cả một thiên truyện về cuộc đời của Vũ Nguyên dần dần hiện ra - một cuộc đời rất đáng nể trọng, yêu mến nhưng cũng biết bao thương cảm, xa xót. Ông đã qua quãng đời trần mạt. Bom đạn không giết được ông. Ông đã đối diện với họng súng, lưỡi dao và cả tạc đạn của đám anh chị trong giới giang hồ mà ông vẫn sống. Trái tim ông đã chịu nhiều thương tổn (vợ phụ bạc, tha hoá, người yêu lánh mặt) dẫn tới ung phũ, đau nhói ngày ngày. Bệnh tật cũng không đánh gục được ông. Vậy mà ông lại chịu gục ngã trước những ngón đòn êm ái của một người cộng sự. Người đó là Đặng Diên, cấp phó của ông.

Trong các tác phẩm của mình bấy nay, Chu Lai thường thành công trong việc xây dựng các nhân vật chính diện: Tâm Linh (*Nắng đông băng*), Trần Hoài Linh (*Vòng tròn bội bạc*), Hai Hùng (*Án mây dĩ vãng*), Nam (*Phố*), Sáu Nguyên (*Ba lần một lần*)... và cả Vũ Nguyên lần này. Đến *Cuộc đời dài lắm*, lần đầu tiên anh đã tạo dựng thành công loại nhân vật phản diện. Một nhân vật phản diện trong một đề tài rất khó, rất dễ lảng tránh là đề tài kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bằng tất cả những thủ đoạn tinh vi của mình như kích động công nhân, lợi dụng mua chuộc báo chí công luận, sử dụng bọn đầu gấu, bí mật bỏ báo bản mưu tính kế với cấp trên, vu cáo, giăng bẫy tình, bẫy gái... kẻ giấu mặt Đặng

Diên như đã nắm được cái “gót Asin” của giám đốc Vũ Nguyên là cái cá tính nóng nảy đến quyết liệt trước những việc gai góc đời đời ý chí quyết đoán của ông cũng như tình yêu của ông đối với người con gái có cái tên Hà Thương, tình thương của ông đối với đứa con trai duy nhất của mình. Điều đặc biệt trong cá tính của Đặng Diên dưới ngòi bút của Chu Lai là mục tiêu lý tưởng sống của hắn. Hắn muốn hạ gục Vũ Nguyên không phải vì chức tước, không phải vì tiền, không phải vì gái - cái mục tiêu muôn thuở của những kẻ theo chủ nghĩa khủng bố, lật đổ - mà cái chính là nhằm xoá đi cái mặc cảm về quá khứ không mấy tốt đẹp của hắn. Hắn muốn trả thù Vũ Nguyên vì có lần ông đã mắng hắn là “một sinh vật thấp hèn chỉ biết tằm gửi vào công lao xương máu của đồng đội” và vì ông được Hà Thương - một cô gái cao mủ cao su mà hắn hằng thầm yêu, trộm nhớ - yêu. Hắn muốn xoá đi cái quá khứ hơn một chục năm trước ở trên xanh cùng những năm tháng chui nhủi trốn lính, không ở một phía nào rạch ròi của hắn. Không thích Mỹ nhưng cũng chẳng mê gì công sản. Xây dựng nhân vật Đặng Diên dường như Chu Lai muốn gửi vào đó một thông điệp rằng, trong cơ chế lãnh đạo của chúng ta hôm nay còn có một cái gì đó chưa ổn. Cụ thể là, còn khá nhiều lỗ hổng để bọn cơ hội như Đặng Diên có đường để lách vào lưng đoàn, phá hoại. Giá như cấp trên trao quyền rộng rãi cũng như quy trách nhiệm cụ thể cho các giám đốc công ty, giả như in đi các đoàn thanh tra, giả như kiểm soát chặt chẽ được các nhà báo dóm, giả như chỉ đạo tốt hơn nữa, cụ thể và chặt chẽ các Đại hội Đảng ở cơ sở... vân vân và vân vân, thì có lẽ những kẻ như Đặng Diên không còn có chỗ, có đường để thực hiện mưu đồ và lý tưởng (?) của hắn. Và như thế, những người tâm huyết với công cuộc đổi mới như giám đốc Vũ Nguyên đã không phải vào tù một cách oan khuất.

Đọc *Cuộc đời dài lắm* của Chu Lai, thú thật mới đầu tôi rất ngại. Ngại không phải vì độ dày của cuốn sách, cũng không phải vì vấn đề, vì đề tài mà anh đề cập tới quá mới mẻ với tôi và có lẽ với cả anh mà là vì những trang, những chương mào đầu dữ dằn quá, chông chênh quá, nặng nề quá. Đọc những trang này, tôi cứ liên tưởng tới những “Người tù khổ sai”, “Chuyện kể...”. Nhưng rồi cái cảm giác đi trên dây thép ấy cứ với dần, với dần những chỗ cho sự đuối bắt với nhiều trang miêu tả linh hoạt, xúc động và thật ấm áp trên cái nền hiểu biết về kinh tế khá sâu của một nhà văn chỉ thạo viết chiến trận, đời thường. Cái chết của giám đốc Vũ Nguyên tưởng đã đưa câu chuyện vào một bi kịch, không ngờ đó lại là một khúc bi tráng. Bằng sự cứng cáp của một cây bút *nhẹ nhàng* từng trải, Chu Lai đã kết thúc câu chuyện một cách thật có hậu nhưng vô cùng ấn tượng. Ấy là cái cách kết thúc rất sân khấu, rất điện ảnh đầy bất ngờ nhưng là quen thuộc đối với nhà văn Chu Lai. Gấp cuốn sách lại, ta như còn nghe văng vẳng tiếng kèn, “Tiếng kèn về con thiên nga giẫy chết. Con thiên nga mộng manh, con thiên nga tinh khiết, con thiên nga tội tình...”. Tiếng kèn giống lên bởi một con người, một giám đốc công ty những năm đầu tiên thực hiện cơ chế thị trường, chuẩn bị thực thi luật doanh nghiệp đã thấu hiểu “nước mắt cao su cũng như nước mắt người. Đời cao su cũng như đời người! Sữa cao su cũng như sữa người. Người yêu thương, chung thủy với cây, cây sẽ dâng hiến cho người hết thảy”. Tiếng kèn ấy, như một điệu khúc nhắc mãi, nhắc hoài rằng “Cuộc đời dài lắm nhưng cuộc đời cũng thật chóng vánh làm sao!” (tr.555) hãy sống sao cho thật đáng hoàng, trung thực. Tôi nghĩ tiếng kèn ấy cũng là một thông điệp nữa mà tác giả *Cuộc đời dài lắm* muốn gửi tới bạn đọc. Không biết có phải như thế không. ■

11-2001



Kính gửi ông HỮU THỈNH,
Tổng Biên Tập báo Văn nghệ
Bà LÊ MINH.

Nhà xuất bản Giáo dục đã nhận được thư của bà Lê Minh khiếu nại về vấn đề quyền tác giả bị vi phạm, và mới đây bức thư được công bố trên báo Văn nghệ số 51 ngày 21-12-2001. Về vấn đề này, chúng tôi xin trả lời như sau:

Ngày 20-4-1999 Chi nhánh Nxb Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh có ký hợp đồng số 01/XH-2000-TV về việc xuất bản “Tủ sách Văn học Việt Nam - Những tác phẩm tiêu biểu” với Hội nghiên cứu giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh. Trong hợp đồng có ghi rõ: **Hội chịu trách nhiệm bản quyền đối với tác giả và Nhà xuất bản.** Về nhuận bút: Hội có trách nhiệm thanh toán với người biên soạn, tác giả có sách được xuất bản.

Ngày 10-4-2001, Chi nhánh Nxb Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hội đã có biên bản thanh lý hợp đồng trên và Chi nhánh Nxb Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán toàn bộ nhuận bút 9 cuốn sách theo kế hoạch xuất bản năm 2000. Thời điểm thanh toán là ngày 25-6-2001.

Nhà xuất bản Giáo dục đã giao toàn bộ nhuận bút cho Hội để trả cho người biên soạn, tác giả. Sau khi nhận thư của bà Lê Minh, chúng tôi đã thông báo ngay cho ông Tổng Thư ký Hội nghiên cứu giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay Hội đã có công văn trả lời và hứa giải quyết thỏa đáng. Về phía Nhà xuất bản, chúng tôi sẽ đến gặp bà Lê Minh để giải quyết vấn đề trên cơ sở hợp lý hợp tình.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn quý Báo đã có nhã ý nhắc nhở chúng tôi về vấn đề bản quyền và Luật xuất bản. Chúng tôi sẽ rút kinh nghiệm để không xảy ra những sai sót tương tự.

Trân trọng cảm ơn quý Báo và bà Lê Minh.

Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục

NGÔ TRẦN ÁI

THI DỌN VƯỜN VĂN

SAI, SÓT

Gần đây, trong các tập san và báo chí có nhiều sai sót quá. Người đọc như ăn cơm có sạn. Xin phép trích dẫn:

1. Chép sai thơ Bác Hồ:

Nhân võ ngũ tuần thường thán lão
Ngã kim thất cửu chính khang cường
Tự cung thanh đạm tinh thần sáng
Tứ thu thung dung nhật nguyệt trường”
(*Suy nghĩ nhỏ về người cao tuổi* - Tập san *Người cao tuổi* số 56 tháng 10 - 2001)

Có bốn câu thơ của Bác trong bài “Thất cửu” mà có ba câu chép sai

Đáng lẽ “nhân vị ngũ tuần...”

Tự cung... tinh thần sáng

Tổ sự thung dung, nhật nguyệt trường”

(Vịin thành võ, Tựin thành tư, sáng in thành sáng, tổ sự in thành tứ thu.)

(Thơ Hồ Chủ tịch - Nhà xuất bản Văn Học 1967)

2. Chép sai về đối “Xuất đối di, đối đối nan, thỉnh đối nhân tương đối” (Những về đối còn để trống, báo Nhân Dân số Tết Tân Tỵ 2001)

Đây là về đối của cụ Mạc Đĩnh Chi (Trạng nguyên) Khi đi qua cửa ải. Ông đề là “Xuất đối di, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối” để đối với vế của người ra “quá quan tri, quan quan bế, nguyên quá khách quá quan”.

3. Vẫn còn nhầm “yếu điểm” với “điểm yếu”

“Đó chỉ là biện pháp tạm thời đã bộc lộ quá nhiều yếu điểm, ngoài cái lợi”

(Viết bằng lời con tim. Văn nghệ trẻ cũng Tết Tân Tỵ 2001) “yếu điểm” là điểm chính, đây phải là “nhược điểm” hay “điểm yếu” mới đúng.

4. Quá khó hiểu

“Khi các chị tôi đã có quả, hái xuống cắt chấm muối ăn hay dùng để gội tóc...”

(Vườn đất Thanh. Tạp chí Sông Lam số 37(2000).

Tôi nghĩ có lẽ thợ in sót một số chữ nên câu văn mới kỳ quặc thế. Dù sao thì cũng không nên để sót nhiều sạn sỏi quá.)

Cuối cùng cho phép tôi học các cụ xưa than rằng

Trời không chấp biển với mưa nguồn,

Viết lách như rí, nghĩ cũng buồn!

ĐỖ NGUYỄN

XIN ĐƯỢC “NHẬT SẠN” CHO MỘT SỐ BÁO VĂN NGHỆ...

Để mọi người thấy: “day bộ môn ngữ văn Hán - Nôm trong các nhà trường chúng ta là cần thiết” (Văn nghệ số 48 - 1-12-2001), ông Trần Tăng Bi đã đưa ra một dẫn chứng, có ý bảo động về sự thiếu hụt vốn ngữ nghĩa tiếng Hán-Việt hiện nay

Ông viết: “Với hai câu thơ của Hồ Chủ tịch”

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Phải chăng khổ tần đến ngày cam lai

“Thế mà trong kỳ thi tốt nghiệp P.T.T.H, rất nhiều thí sinh và cả một số giám khảo đã giảng chữ cam lai trong thành ngữ khổ tần cam lai là một giống cam to, sản phẩm của kỹ thuật lai ghép các giống cây quả”.

Tưởng rằng đó là một “chuyện thật như đùa” hy hữu. Thế nhưng, ngay trong số báo Văn Nghệ này, chúng ta cũng có thể nhặt ra được một lỗi giảng nghĩa Hán ngữ khá là “ngớ ngẩn” đến là “hồn nhiên” - Không kém phần hài hước.

Câu chữ Hán thiên võng khô khô sơ nhi bất lậu (trong bài báo Hồn thơ đất Việt...) đã được ông H.H.Q dịch ra là “lưới trời lồng lộng mà đến đứa trẻ sơ sinh cũng không thoát được”(?!)

Đoạn chứng ông H.H.Q đã đem hai từ Hán sơ và nhi ghép lại để dịch sang là “đứa trẻ sơ sinh” chẳng? Chữ ông không dịch câu ấy là: “Lưới trời lồng lộng, tuy thưa mà khó lọt”. Lưới trời không như mắt võng đâu. Các cháu phải cảnh giác!

Nhân đây, cũng xin bày tỏ thêm chút băn khoăn về cách hiểu “lâm bách thủ” của ông H.H.Q. Vẫn ở bài báo này, ông viết: “Đường thi nổi danh của Trung Quốc nghe đâu đã tằm ra tám vạn bốn ngàn bài... trong đó điểm ra cũng chỉ đến tam bách thủ (300 bài hàng đầu) là cùng...”

Theo thiên ý tam bách thủ không phải là “300 bài hàng đầu” (nghĩa là hay nhất) trong hơn 8 vạn bài Đường thi như ông H.H.Q hiểu.

Thực ra, tam bách thủ (còn gọi là thi tam bách) là muốn nói đến 300 “đầu thơ” kinh điển mà Khổng Tử đã sưu tập, soạn lại trong 3.000 bài thơ cổ để dạy học trò.

Trong kho Đường thi, chỉ cần tính riêng “đầu thơ” của Lý Bạch thì Thánh Thi cũng đã góp được số thơ gấp 3 lần con số 300 rồi đấy! ■

Hà nội ngày 5-12-2001

NGUYỄN SĨ HOÀNG



Không hiểu do hoàn cảnh nào mà các nhà khoa học lịch sử và quản lý văn hoá, lại “bỏ sót” một “Ngoạ Vân” vẫn đang tồn tại ra khỏi quần thể di tích Yên Tử? Việc chỉ ra một “Ngoạ Vân” mơ hồ như trong sách, “cõi thiêng Yên Tử”, khiến các địa điểm như “Am hoa”, “Am được”, “Am lò rèn”... cũng trở nên mờ mịt, khó tin; bởi tất cả đều không có một chứng cứ khảo cổ nào làm bằng. Vì thế chúng tôi đã tự nguyện lên đường với niềm tin có đi là có đến.

Trong suốt 25 năm qua, tôi đã đi về Yên Tử tới cả chục lần, vẫn không tìm ra dấu vết của Ngoạ Vân. Từ sau Hội thảo khoa học về Yên Tử lần thứ nhất (tháng 11 năm 1981), Yên Tử đã thành lập được Ban quản lý di tích. Dăm năm trở lại đây, Sở Văn hoá tỉnh Quảng Ninh đã in nhiều tài liệu về Yên Tử. Nhưng được coi là giá trị nhất, chỉ có tập khảo cứu “cõi thiêng Yên Tử” của giáo sư sử học Hà Văn Tấn và ông Thi Sánh giám đốc Sở Văn hoá, chủ tịch Hội khoa học lịch sử Quảng Ninh. (Tôi không muốn tin đây là công trình dịch danh của giáo sư Hà Văn Tấn, tuy nhiên bia sách mang tên ông nên buộc tôi phải viện dẫn).

Tập sách dày 40 trang, gồm bản đồ chỉ dẫn các di tích và nhiều ảnh minh hoạ khá đẹp. Trong bản đồ chỉ dẫn từ chùa Giải Oan tới đỉnh chùa Đồng, kể tới cả chục di

tích, nhưng không tìm thấy “Ngoạ Vân”. Rất may, nơi trang 33 lại có đoạn hướng dẫn tìm am “Ngoạ Vân” như sau: “Men theo con đường phía trái chùa Hoa Yên, một bên là sườn núi, một bên là vực thẳm, dưới đây vực là rừng đào tre vút lên thẳng tắp, ta sẽ đến am Ngoạ Vân (am trong mây). Thác Từ từ trên lên đá cao 10 mét, đổ nước xuống sỏi rêu vọt qua con đường này, rồi lao xuống vực ào ạt...”.

Tôi đã tìm đến nơi mà hai vị chỉ dẫn. Nhưng chẳng thấy một dấu tích gì. Dù là một viên gạch vỡ, một tấm bia sứt. Tôi vừa phân vân, vừa hoang mang, vì mỗi nhà khoa học lại chỉ ra một Ngoạ Vân ở những vị trí khác nhau.

Đành tìm lại trong sách sử, xem người xưa ghi chép việc này ra sao.

Sách “Trúc Lâm tam tổ” ghi: “Ngày 18, ngài lại đi bộ tới chùa Tú Lâm trên ngọn An Sinh Kỳ Đại. Nghe nhức đầu, ngài gọi hai vị Tỷ kheo trong chùa bảo: “Ta muốn lên ngọn Ngoạ Vân mà chân không thể leo nổi”. Hai vị Tỷ kheo bạch: “Hai đề từ có thể giúp được”. Đến am Ngoạ Vân, ngài ta hai vị Tỷ kheo rằng: “Xuống núi tu hành đi, chớ xem thường việc sinh tử”. Ngày 19, Ngài sai thị giả Pháp không lên am Tú Tiểu ở núi Yên Tử gọi Bảo Sái đến đây gặp. Ngày 20, Bảo Sái quấy gói sang... Ngày 21, Bảo Sái đến am Ngoạ Vân. Ngài trông thấy mỉm cười bảo: “Ta sắp đi đây, nhà người đến sao trễ vậy? Đối với Phật pháp, có chỗ nào chưa rõ hãy nói mau...”.

Sách “Thánh đăng lục” cũng mô tả việc Trần Nhân Tông về Ngoạ Vân, hết sách “Trúc Lâm tam tổ”.

Sách “Tam tổ hành trạng” nói về sự kiện Trần Nhân Tông lên am Ngoạ Vân, cũng giống như các sách trên đã dẫn. Duy có hai vị Tỷ kheo thì sách “Tam tổ hành trạng” còn nói rõ tên: đó là Tử Mân và Hoàn Trung.

Như vậy sự kiện vua Trần Nhân Tông lên am Ngoạ Vân và ngài viên tịch tại đó là một sự thật lịch sử. Và rõ ràng nó không thể nằm ở phía sau chùa Hoa Yên, phía am Được, hoặc nơi vườn Tháp, hoặc chính chùa Hoa Yên như các nhà khoa học đã khẳng định!

Khẳng định như vậy, tôi lần tìm Ngoạ Vân theo cách đi chấp nhận may rủi.

Ta biết Yên Tử hội tụ bởi một hệ thống chùa tháp nằm rải rác trên trục đường từ Chử Linh về đến Đông Triều. Các khảo sát của các nhà khoa học lịch sử, và cả ngành Văn hoá tỉnh Quảng Ninh trong mấy chục năm qua, chỉ thiên trọng về sườn phía đông của Yên Tử. Bắt đầu từ chùa Bí Thượng cách chân Yên Tử 10 km. Thúc ra, chùa này không nằm trong hệ thống chùa tháp Yên Tử có từ đời Trần. Mà nó là điểm dừng

ĐI TÌM MỘT “NGOẠ VÂN”

Bút ký của HOÀNG QUỐC HẢI

chân của khách hành hương từ phía Kiến An, Hải Phòng tới đây mất đúng một ngày đường. Nó mới được dựng lên vào khoảng thời Nguyễn. Sau chùa Bí Thượng tới chùa Cẩm Thục tức Linh Nham tự, rồi chùa Lân tức Long Đồng tự mà vào chùa Giải Oan, rồi từ đó theo đường hành hương của người xưa leo lên Văn Yên, Bảo Sái, Văn Tiêu...

Cả tháng trời, chúng tôi chuẩn bị cho việc đi tìm một “Am Ngoạ Vân”, như đã được mô tả trong sách sử của người xưa. Thoạt đầu, số người chỉ gồm có tôi, ông Ngô Văn Quân, giám đốc Trung tâm UNESCO nghiên cứu và ứng dụng Phật học, ông Đình Công Vỹ, tiến sĩ sử học, hiện công tác tại Viên Hán - Nôm. Nhưng tới bữa lên đường, duyên may lại có nhiều người đi cùng, lên chặt cả một xe, trong đó có các nhà đạo diễn điện ảnh quen thuộc như ông Tô Minh Bình, đã từng làm một phim ngắn “Danh sơn Yên Tử”, ông Quang Minh, hãng phim Tài liệu Trung ương và một số phóng viên trẻ. Địch thân ông trưởng Phòng văn hoá huyện dân chúng tôi đi. Cả đoàn đi chân đạp trần, túc vào gần của rừng khi sương vẫn còn mờ phủ trên rừng cây. Gỏi xe nơi nhà dân, chúng tôi cuộc bộ bằng những đôi giày vải mới do Văn phòng huyện uỷ và Ban Văn hoá huyện uỷ ai trang bị cho khách theo núi.

Chúng tôi đi men theo bia rừng và cũng là bờ một con đập dài tới mấy chục cây số. Rừng lưa thưa uốn lượn theo mếp nước. Giữa lòng con đập, nghe nói có chỗ nước sâu tới 24-25 mét, cả cỏ con to tới 40-50 kg, nổi lên một gò tròn, nom tựa gò rùa hoặc hòn kiền. Nơi đây là một tảng của hồ trong các vua nhà Trần. Hình như đó là lăng mộ Trần Nghệ tông. Phần nổi của ngôi mộ đá này có bay chĩa thông nhau. Hiện có một cửa đã bị sập. Đường đi quanh co, rừng cây lúc thì gấu dữ, lúc lại mở ra bát chớt, cho ta những cảnh đẹp như tranh vẽ khuôn tranh vẽ bằng thuốc nước. Chính cảnh đẹp này đã hấp dẫn các nhà quay phim và các nhiếp ảnh nghiệp dư ở Vĩnh Toàn, Hoàng Nguyên. Đoàn chúng tôi đi phải nhờ vào sự dẫn đường của hai anh

công an xã, và một người địa phương gánh giúp các đồ lễ và đồ ăn trưa cùng nước uống.

Nhớ lúc leo lên thấy có một miếng tranh nhỏ, trong đó có chiếc bình hương Bát Tràng cổ, men nâu. Khói hương và cả vàng mã vừa đốt, tro còn chưa tàn, khi còn ngưng trên tàn là khiến khu rừng như lắng đọng nhuộm một màn sương hư ảo. Hẳn là những người thợ sơn trang vào lễ cầu may. Nghe nói đây là đoạn dừng kiệu của Điều ngự Giác Hoàng Trần Nhân tông, mỗi khi ông lên Ngoạ Vân. Ai nấy dừng lại. Hẳn là trong tâm tưởng, mọi người đều hình dung ra con đường mà gần 700 năm trước vua Trần Nhân tông đã đi. Và đều tự hỏi: “Tại sao một ông vua trẻ, đầy lòng hào quang đến thế. Hai lần, tự mình chỉ huy cả nước đại phá giặc dữ Nguyên - Mông. Ấy vậy mà mới có 35 tuổi đã nhường ngôi cho con. Tại sao ông không sa vào con đường hưởng lạc như phần lớn các vua chúa khác, lại tìm về chốn thâm sơn cùng cốc thế này mà tu khổ hạnh?”

Thức hay mơ đây? Tôi không tin ở mắt mình nữa. Thông thả bước từng bước lên bậc đá, và mắt không rời hai ngọn tháp và mấy tấm bia, tôi băng hoàng như kẻ đi tìm kho báu. Và kho báu đang hiện ra trước mắt tôi đây, làm sao mà kim nên được nơi lòng. Sững sững trước chúng tôi là “Đoan nghiêm tháp”. Không hiểu trong đó chứa xá li của vị thiền sư nào. Bởi ngoài ba chữ đó, không có một thông tin nào về ngôi tháp này. Nhích sang phía trái, một ngôi tháp gạch nhỏ hơn tháp Đoan nghiêm, có ghi ba chữ “Phật Hoàng tháp”. Đick thì là tháp của Điều ngự Giác Hoàng Trần Nhân tông. Phía trước tháp có tấm bia đá ghi năm trùng tu. “CHÍNH GIỮA CỎ HÀNG CHỬ TỎ, NÉT CÒN RẮN SẮC: TRẦN NHÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ LẮNG SẮC KIẾN”. Bên cạnh ghi năm trùng tu: “Minh Mạng nhĩ tháp nhất niên, cầu nguyệt, sơ lục nhất phụng”. (Không hiểu người xưa tính thế nào mà ghi “Minh Mạng năm thứ 21”, trong khi triều đại Minh Mạng trị vì có 20 năm (1820-1840). Có lẽ là theo cách tính truyền thống, như ta thường tính tuổi).

Trước tháp Phật Hoàng về phía tay mặt còn có con voi đá quý cả bốn chân, nom đáng hiển khố như một con hổ. Tôi nhìn sang bên trái để tìm một con nữa, nhưng không thấy. Lại leo mười bậc đá lên nền chùa, thấy nhà Hán - Nôm Đình Công Vỹ đang phết chuỗi tiêu lên tấm bia lớn, nhưng đã vỡ thành 5, 6 mảnh, nhà chùa cho đặt nằm để thiền khách có thể đọc hiểu. Đây là một tấm bia dung từ thời Lê. Vắng vắng mà sáng sủa trên trần bia, các đường gờ quanh bia và hai hàng hoa cúc dây ở hai bên là những đường nét mềm mại, tinh tế

của những người thợ chạm khắc tài hoa thời Lê, mà ta không tìm thấy trong thời Nguyễn. Dưới vầng mây và quảng lửa là năm chữ khá lớn “trùng tu Ngoạ Vân tự”. Nét chữ trên trần bia cũng như trên mặt bia còn rất sắc.

Dòng lạc khoản ghi: “Vĩnh thịnh vạn van niên chỉ tam tuế. (Bia dựng năm thứ ba, đời Vĩnh thịnh) Tức là triều vua Lê Dụ tông (Lê Duy Đường). Ông lên ngôi năm 1705. Có nghĩa là chùa Ngoạ Vân được trùng tu năm 1708.

Tôi cúi nhìn tấm bia, chữ đang hiện dần trên nền giấy dó, dưới bàn tay xoa vuốt của nhà sử học Đình Công Vỹ. Rất tiếc, tấm bia bị đập vỡ làm nhiều mảnh, nên nhiều dòng bị đứt đoạn. Tuy nhiên, những gì còn lại cũng cho ta biết được những thông tin cần thiết. Mở đầu là dòng chữ: “Tùng nghe: Nơi tĩnh thổ tranh được bụi trần, khí vàng sắc tướng là ở đây...” (1) “... Ngọa Vân lại nhìn phủ Kinh Môn, huyện Đông Triều, đạo Hải Dương, chùa Ngoạ Vân thực là một chốn danh lam đệ nhất, núi nghìn tám sào chót vót, vạn dòng nước triều đón tới, sạn vật phong phú, loại loại u nhả, giống giống lạ kỳ, hình khe thế núi uốn lượn, quần tu, pho bày...” (1) Đó là những lời bia nói về phong cảnh, còn đây là đoạn nói về trùng tu: “... Ở núi Bảo Đài, nơi thanh tịnh của chùa Ngoạ Vân có vị Ti khưu tăng, tên hiệu là Viên Trí làm việc trùng tu thượng điện, hậu đường, gác chuông, phòng tăng các nơi 25 gian, bảo tháp hai toà...” (1).

Căn cứ vào bia trùng tu năm 1708 ta thấy chùa Ngoạ Vân hồi đầu không phải là ngôi chùa nhỏ bởi những tầng đá kê chân cột còn sót lại nằm rải rác ven chùa, đường kính chân cột đo được 0m60, nếu cả chân đế bao quanh thì đường kính lên tới 0m80. Nhìn ngôi chùa hiện có: một gian nhà gạch nhỏ như một cái miếu có hòn, cây cội gác tam, trong bảy vài ba pho tượng be bé, nước sơn loè loet. Một gian như nhà chòi cho tăng ở. Cảnh đó là một gian nhà sàn bằng gỗ của anh em sơn trang, dựng làm nơi lưu trú.

Sư trụ trì Thích Đức Tiến 34 tuổi người Thuỷ Nguyên, Hải Phòng mới về trụ được hơn một năm. Tôi hỏi sư về tình cảnh chùa và sự săn sóc của Sở Văn hoá Quảng Ninh. Đường như nhà sư không biết đến Sở Văn hoá, chỉ biết địa phương mình cư trú. Sự thật như phần trên đã nói, Sở Văn hoá tỉnh Quảng Ninh và cả Ban quản lý di tích lịch sử, tôn giáo Yên Tử còn chưa biết Ngoạ Vân nằm ở đâu thì làm sao mà quan tâm được.

Lại hỏi sư: “Ở đây xa dân, có ai đến lễ bái không?” “Ông tỉnh, làm gì có khách nào dám trèo lên cái chùa nghèo này mà lễ. Và lại đường đi hiểm trở như ông đã thấy”. “Đa, thế nhà chùa sống bằng nguồn nào?” “Cũng nhờ bà con Phật tử hảo tâm ngoài xã cung dâng gạo, muối”. “Bà con đem lên đây hay nhà chùa tự xuống núi gửi lên?”. “Ngoảnh nhìn mấy người thợ sơn trang, sư đáp: “Nhờ mấy anh em sơn trang đây đem giúp”. “Nếu gặp kỳ mưa dài ngày, lũ suối không qua lại được, nhà chùa sống thế nào?”. “Sư cười: “Ăn nhờ mấy bác sơn trang. Và lại nhà chùa chúng tôi đem bạc, nhất thực (một bữa) chẳng tốn kém là mấy”. (Tôi cười thầm trong bụng: vậy là “lâm tặc” đã cuu mang nhà sư).

Căn phòng trống hoác không có một vật dụng gì, đến kinh sách cũng không. Lúc ở trên chùa tôi nhắc thấy quyển “Chư kinh nhất tụng”, liền hỏi:

“Thầy ở đây có kinh sách gì để đọc, để học hàng ngày không?” “Ông thấy đây, tôi chỉ đem theo được mỗi một cuốn kinh để tụng vào các khoá lễ trong ngày mà thôi. Nói rằng thừa tu một di tích nơi tiếng của vua Trần, mà chẳng có một cuốn kinh nào của thời Trần. Ngay cả sách, sử về thời Trần cũng không có. Thành thử có bà con nào hỏi về lại lịch, nhà chùa cũng đành chịu.”

Lúc chúng tôi tới chùa, trời sáng bừng lên. Nom toàn cảnh Ngoạ Vân, vừa rực rỡ vừa hùng vĩ. Ngọn núi nơi có ngôi chùa toa lạc tựa như một chiếc lưng ngai, cũng tựa như vầng mặt trời lặn trong quảng mây bông xốp nổi. Hai dải núi yòng hai bên như hai cánh tay ngài đang ôm chầm lấy chúng tôi, lại cũng như hai con rồng ngoan ngoãn chầu về. Trước chùa là một khe rộng. Xa kia là hồ nước - điểm tụ thủy.

Khen thau, người xưa có con mắt phong thủy tinh tường, lại hợp với đức khiêm tốn của người mình. Trong việc xây cất các công trình, dù lớn dù nhỏ, bao giờ cũng trong cái thế hoà hợp với thiên nhiên chứ không ỷ thế thiên nhiên, để phô bày sức mạnh giả tạo của con người. Ở Phủ chúa Ngoạ Vân đây, dù có toà ngang dãy dọc, thượng điện, hạ điện... tới 25 gian thì vẫn cứ

là nép trong bóng núi, lẫn với cây rừng, lẫn trong mây khói. Các vị tu hành ở đây, tuy là người trần thế đấy, nhưng cốt cách tiên thánh đấy.

Loảng cái trời đã đổ mưa. Sư ông nói: “Các ông có phước, được các Ngài độ đấy. Mưa này là mưa tẩy trần”.

Nghe nhà sư nói, mọi người đều cảm kích. Tôi hỏi: “Sư ông có biết vì sao tấm bia lớn thế mà bị đập vỡ làm nhiều mảnh?” “Tôi về đây thì mọi sự đã như thế. Nghe anh em sơn trang kể thì năm bảy năm trước, bọn người sơn lũng cổ vật và vàng bạc lên đây đào xới, xới xao tan hoang hết cả. Bia đấy là do họ đập. Họ nghĩ có vàng giấu trong bia. Hai con voi đá chầu tháp Phật Hoàng, họ đập một con vỡ cả vòi và bốn chân, không tìm kiếm được gì, họ hò nhau lẫn voi xuống vực. Tôi về đây... Nhà sư xúc động, đôi mắt đỏ hoe.

Tôi nghe bà con vùng này nói, dăm bảy năm trước, vẫn còn hình dáng ngôi chùa, tuy rêu rã. Nhưng những kẻ ham lợi đã đập phá từng viên gạch để tìm vàng. Và những gì hiện có ở “Ngoạ Vân” ngày nay là do một bà Phật tử hảo tâm, từ Cửa Ông về đây, bỏ tiền ra tôn tạo. Trời lại hùng hăng, tôi kéo sư Tiến ra sân. Ngước nhìn trên núi phía sau chùa, đã thấy mấy chàng trai hi húi băm mây, ghi hình chiếc am nhỏ. Tôi leo lên thấy đó là một am thấp, Mặt tiền lở lói, rêu phong. Hai hàng cầu đối dài lơ lửng lơ hết không đo được, duy có ba chữ “Ngoạ Vân am” trên vòm còn rõ nét.

Vậy là có cả “Ngoạ Vân tự” và cả “Ngoạ Vân am”. Mãi am vừa được tu bổ bằng xi măng trơn bóng. Chiếc am nhỏ chưa đầy 3 mét vuông, chắc đây là nơi đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân tông đã từng tọa thiền, và Ngài viên tịch cũng chính nơi đây.

Một bậc anh hùng cái thế vẫn vô kiềm thống, công trùm thiên hạ, một bậc chân tu nghiêm cấm, đức sáng cả ngàn năm, mà chết như một người bình thường. Sao tôi cảm như ngài vẫn ngồi đây giang pháp. Ngài đang mỉm cười hỏi Bảo Sái: “Sao người đến trễ vậy. Ta sắp đi rồi. Phật pháp còn đâu gì chưa rõ, nói mau đi...”.

Gần 700 năm rồi sao tôi vẫn cảm như Ngài đang thi hiện. Ôi, một con Người chỉ sống có 50 năm trần thế, nhưng sự nghiệp tới cả ngàn sau vẫn toả sáng như một ngôi sao Bắc Đẩu, soi đường dẫn lối cho lớp lớp cháu con.

Trần Nhân tông xuất gia tu khổ hạnh như một vị đầu đà, chân đi dép cỏ, tay chống gậy trúc, mình mặc nâu sồng đi thuyết pháp độ đời. Khi viên tịch cũng viên tịch tại am thất. Ví thế, Bảo Sái, vị thường túc đệ tử coi Nhân tông như người nhà Phật, nên cứ việc đem ngọc thể của Ngài hoà thiểu mà không cần sự có mặt của đệ

nhị tử Pháp Loa. Và cũng chỉ bảo về triều chứ không cần sự chứng kiến của vua Anh tông.

Trần Anh tông được tin vua cha mất, bèn đem cả triều đình cùng thuyền ngự đến vài lay từ chân núi và khóc lóc thảm thiết vang động cả núi rừng.

Nhân việc này, hầu hết các quan trong triều đều dâng sớ hạch tội Pháp Loa. Nhưng vì đã có lời dặn của Nhân tông do Bảo Sái thưa lại, nên Anh tông cũng bỏ qua chuyện ấy. Anh tông rước xá lợi về triều. Triều đình dâng tôn hiệu: “Đại thành Trần Triều Trúc Lâm Đầu Đà Tịnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Tổ Phật”.

Đi xuống sân chùa, tôi hỏi mấy bác sơn trang: “Từ đây sang Yên Tử bao xa?”.

Một người chỉ cho tôi ngọn núi cao nhất ở phía đông và nói: “Yên Tử đây, chỉ cách có ba quả đồi thôi”. Quả là Yên Tử trong tầm nhìn, có thể theo đường chim bay chỉ bốn, năm ngàn mét.

“Có đường đi tắt sang Yên Tử không các bác? Tôi lại hỏi”.

“Không! Hiểm trở lắm. Từ thượng cổ vẫn không có đường đi tắt”.

“Vậy từ đây sang Yên Tử đi mất bao lâu?”

“Đi như cánh lặn rừng chúng tôi cũng phải từ 5 giờ sáng tới 8 giờ tối mới đến được. Trên dưới bốn chục cây số đấy chứ không gần đâu”.

Đường đi như vậy thật đúng như “Tam Tổ thực lục” và các sách đã ghi.

“Ngày 19 sai thị giả Pháp không lên am Tú Tiểu núi Yên Tử gọi Bảo Sái về gặp. Ngày 20, Bảo Sái ra đi, đêm ngủ tại Sơn điểm. Ngày 21, đến núi Ngoạ Vân. Thượng hoàng thấy đến mỉm cười...”.

Thiền nghĩ, chỉ còn 6 năm nữa là đúng 700 năm (1308-2008) Trần Nhân tông viên tịch, Bồ Văn hoá nên cử người về Ngoạ Vân khảo sát, tu bổ, xếp hạng và trả di tích này về cho quần thể Yên Tử. Nếu không thì cũng nên có sự hướng dẫn chính xác cho đường đai và cả cho hầu thế như người xưa đã làm, không nên để Ngoạ Vân mất tiêu một cách oan uổng nơi “phía sau chùa Hoa Yên” như sách “Cõi thiêng Yên Tử” đã chỉ dẫn.

Mong sao nước ta có một đội ngũ các nhà khoa học lịch sử nghiêm túc và trung thực, để nhân dân có thể tin cậy những gì họ nói và viết. Và cũng mong sao các thế hệ nối tiếp thừa kế xứng đáng sự nghiệp của tổ tông. ■

Láng Thượng 22-11-2001
(1) Tất cả những lời dịch văn bia là của tiến sĩ Đình Công Vỹ.

GIẢI PHÁP GIÁO DỤC

HỒ NGỌC ĐẠI

18. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT CHO NỀN GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI

NẾU chỉ cần các thao tác tay chân, nếu chỉ cần lao động chân tay, nếu chỉ cần kinh nghiệm thường ngày với lẽ phải thông thường... nếu chỉ cần như thế, thì cha truyền con nối, đời đời kiếp kiếp, có thể sống yên lành đều đều như đều đều ngày nào mặt trời cũng mọc, rồi đứng bóng, rồi xế chiều, rồi lặn, rồi lại mọc, lại đứng bóng, lại xế chiều, lại lặn, lại mọc... Hàng triệu triệu năm đã như thế, hàng ngàn năm đã như thế, hôm qua vẫn như thế, vậy ngày mai mặt trời cũng còn mọc như thế không?

-Không! Ngày mai mặt trời sẽ không mọc!

-Câu trả lời "cực đoan" cực lố ấy nghe chối tai lắm, nhưng đó là một câu trả lời đúng, không thể hiểu lầm được. Mà thực ra, nội dung ấy khác gì trong cách diễn đạt chắc lếp, kín kẽ, dễ rút lui hơn: Rồi có một ngày mai mặt trời sẽ không mọc!

Nếu chỉ cần các thao tác tay chân, nếu chỉ cần lao động chân tay, nếu chỉ cần kinh nghiệm thường ngày với lẽ phải thông thường... nếu chỉ cần như thế thì dù trẻ em đến nhà trẻ, lớp mẫu giáo, hay ở nhà với ông bà cha mẹ, dù ở bất cứ vùng quê nào, hướng bất cứ cách giáo dục nào, tất cả trẻ em trong 5-6 năm đầu đời đều thành thạo các thao tác tay chân, đều có thể cùng làm ăn sinh sống với người lớn, theo cung cách làm ăn của người lớn và lúc ấy nhà trường trở nên thừa. Nhà trường số dĩ là nhà trường vì nó làm những gì đặc trưng cho riêng nó, tức là những gì ngoài lẽ phải thông thường, ngoài kinh nghiệm thường ngày, ngoài những gì mà ông bà cha mẹ có thể làm được ngay trong cuộc sống hằng ngày. Bước vào lớp Một, học sinh bắt đầu học cách làm việc trí óc! Chờ đến 6-7 tuổi, học sinh mới có thể "học được" các thao tác trí óc. Phải tiêu tốn trọn một thế kỷ, tâm lý học hiện đại mới dám nói lên một kết luận thực tiễn ấy, - sớm hơn trẻ chưa đủ sức, muộn hơn thì bị thiệt.

Biết cách huấn luyện thao tác trí óc, nhà trường hiện đại có thể giúp trẻ em nhảy phốc một bước từ kinh nghiệm sang khoa học, tiếp cận ngay với tinh thần và phương pháp của khoa học ấy ở trình độ hiện đại của người đương thời. Đã 25 năm nay tôi vẫn bị chế hoải là "cực đoan", cứ kiên trì một ý tưởng ấy. Còn bạn, với bản tính hồn nhiên của mình "khách quan" hơn, có bao giờ bạn ngạc nhiên, khi thấy trẻ em hiện đại, tất cả đều ăn cơm hiện đại, mặc áo hiện đại, xem ti-vi hiện đại, đi lại bằng phương tiện hiện đại... nói chung đều hướng tới cuộc sống hiện đại hồn nhiên tự nhiên như người lớn đương thời?

-Nhưng giáo dục thì khác! Lắm người gọi là có học hàm học vị (đến tận viện sĩ kia) lại còn ở vị trí quản lý

tầm quốc gia ngành giáo dục đều lắc đầu và ú ớ lắp lờ, muốn bác không bác nổi, mà chấp nhận thì cũng khó... Ừ, khổ chứ! Với tôi ý tưởng ấy (cho dù kiêu lên hay bác thàng) may ra chỉ có thể những ai hoặc có tấm lòng, hoặc phải đạt đến một trình độ trưởng thành thức sự về tư duy, hoặc đã từng tu dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu...

Bạn có biết con em mình, con em hàng xóm, tất cả trẻ em Việt Nam ta đang trong tay những người quản lý tầm quốc gia ngành giáo dục như thế nào không? Tấm tư duy ư? Học vấn ư? Trình độ quản lý ư? Đạo đức ư?

Tôi biết, rất biết, xúc phạm một người lớn (chứ chưa nói đến một người ở cấp lãnh đạo) dù chỉ với một cá nhân cụ thể, thì cũng rất không nên và còn phạm pháp. Còn xúc phạm đến phương thức giáo dục nhà trường thì không chỉ xúc phạm từng cá nhân các em, mà xúc phạm tất cả học sinh đang hưởng giáo dục, xúc phạm cả một thế hệ, xúc phạm các thế hệ cùng sống, xúc phạm các gia đình, xúc phạm các dòng họ, xúc phạm các cộng đồng, xúc phạm toàn thể dân tộc Việt Nam ta! Ban thân mến, thế mà nền giáo dục của chúng ta đang bị xúc phạm đấy! Đó là nỗi đau xót xa nhất, sâu sắc nhất, sâu tận nơi sâu thẳm trong tâm hồn mỗi ông bố, bà mẹ. Tôi có nói không lên không? Ngần lẩn không! Hơn nữa, tôi còn muốn nói toét ra tất cả mọi chuyện, nói to hơn nữa, nói dai hơn nữa, để cho mọi người từ chỗ giật mình ngơ ngác rồi ngờ ngợ, rồi dần dần bình tĩnh lại, nhận rõ từng sự việc, cho đến khi mỗi người tự mình buộc mình phải biểu lộ công khai thái độ và hành động...

Đã 25 năm nay, tôi kiên trì một giải pháp kỹ thuật này: Dạy cho học sinh, ngay từ lớp Một, cách làm việc trí óc bằng các thao tác trí óc, để học sinh chiếm lĩnh hệ thống khái niệm khoa học hiện đại trong từng môn học. Bằng giải pháp kỹ thuật ấy, giáo dục nhà trường có thể vũ trang cho học sinh, tất cả học sinh ở bất cứ vùng quê nào, một đầu óc khoa học, với tư duy khoa học (chứ không phải chất đống vào đầu óc non trẻ những tri thức kinh nghiệm chủ nghĩa, như giáo dục hiện hành đang làm).

Với kỹ thuật hiện đại (trong giáo dục cũng như trong sản xuất vật chất) hoàn toàn có thể tổ chức quá trình giáo dục theo một quy trình kỹ thuật chặt chẽ, sao cho sản phẩm là tất yếu.

Tiểu thay, không một ai (tôi xin cố tình nhắc lại, không một ai) đã từng dám ra những quyết định cấp quốc gia về giáo dục nước ta mà hiểu ra điều đó! Hay là chưa đến lúc nước ta cần đến một nền giáo dục tiên tiến như thế? Hay là tôi sai? ■

HÃY NUÔI DƯỠNG VÀ ĐÁNH THỨC LƯƠNG TÂM CON TRẺ

CÁCH đây hơn một năm, tại một trường tiểu học thuộc bang Michigan (Hoa Kỳ) một cậu bé 6 tuổi đã dùng súng ha sát một học sinh cùng lớp. Người cha đang bị giam tù vì tội sử dụng ma túy. Người mẹ phiêu lưu vào một cuộc tình mới. Đứa bé được uỷ thác cho một người cậu nghiện ngập. Trò giải trí duy nhất của đứa bé là những cảnh bạo động trên truyền hình: Nhìn vào một hoàn cảnh như thế, nhiều người trong đó có người cha của cậu bé đã không ngạc nhiên khi tội ác xảy ra. Ở vào tuổi nào thì đứa trẻ có thể phân biệt phải trái, tốt xấu? Có thể đào luyện lương tâm cho con cái trước khi chúng có tuổi khôn không? Đó là câu hỏi mà thậm chí trên đây có thể gọi lên cho các bậc phụ huynh. Đối với hệ thống pháp lý tại Hoa Kỳ vấn đề thật rõ ràng. Từ 7 cho đến 15 tuổi tùy theo quy định của từng Tiểu bang, trẻ em đã có chút ý thức và như vậy có thể chịu trách nhiệm về hành động của chúng.

Khả năng phân biệt thiện ác của con người cần phải được đánh thức và đào luyện. Giữa một môi trường bạo động và thiếu tình thương của cha mẹ, những mẫu gương tốt, phân biệt phải trái, tốt xấu hoặc hướng chịu về điều tốt của trẻ em không dễ dàng. Và dĩ nhiên đối với đứa trẻ, biết điều thiện, yêu mến điều thiện và làm điều thiện luôn phải đi đôi với nhau. Cảm xúc là yếu tố đầu tiên đào luyện lương tâm chúng. Giáo sư Welemihon, một chuyên gia tâm lý nổi tiếng ở Đại học Haoai (Hoa Kỳ) khẳng định rằng: Tất cả mọi đứa trẻ đều có hướng chiếu về sự phát triển luân lý. Những trẻ từ 1 tuổi cũng đã muốn an ủi những người gặp bất hạnh; và 4 tuổi chúng đã có thể đưa khăn cho người mẹ đang khóc hay những đồ chơi cho một đứa trẻ khác đang buồn. Cứ như là chúng hiểu đồ vật ấy có thể mang lại cho người khác niềm an ủi. Đây là một cảm xúc tự nhiên nơi trẻ thơ. Tự nhiên nhưng cũng cần phải nuôi dưỡng và phát triển, nếu không cảm xúc ban đầu ấy có thể khô cạn hay chai lỳ. Nếu một đứa trẻ không tìm được sự vỗ về chăm sóc, nếu sự cô đơn của nó như là vàng bị bỏ rơi thì nó sẽ rơi vào nguy cơ đánh mất cảm xúc tự nhiên ấy. Lương tâm tức khả năng phân biệt phải trái, tốt xấu chỉ có thể lớn lên và được nuôi dưỡng bằng cảm xúc thư thái. Ngoài ra còn một yếu tố khác cũng giúp đánh thức và đào luyện lương tâm, đó là ý thức về lỗi phạm và xấu hổ. Lỗi phạm và sự xấu hổ là thành phần của lương tâm. Nơi đứa trẻ, ý thức về phải trái phát sinh khi đã thấy làm cho người chúng yêu thương phải thất vọng. Những đứa trẻ không bao giờ cảm nhận được tình thương của cha mẹ hay những người xung quanh dĩ nhiên cũng gặp khó khăn trong việc phân biệt tốt xấu. Nguồn cảm xúc tự nhiên và suy nghĩ là yếu tố quan trọng giúp phát triển lương tâm. Trước khi bước

vào tuổi khôn, đứa trẻ nào cũng đã có khả năng lý luận. Về phương diện luân lý, gương sống đầu tiên của lương tâm loe lên khi đứa trẻ suy nghĩ như sau: "Ta sẽ không làm điều này dù nhiều người muốn ta làm". Với suy nghĩ này đứa trẻ đã được thúc đẩy làm một cuộc cách mạng lương tâm. "Ta sẽ không làm điều xấu vì ta muốn được thưởng phải làm điều tốt". Cả hai hình thức lý luận trên đây dù mang tính cách tự nhiên nhưng đã cho thấy đứa trẻ không làm điều tốt hay điều xấu chỉ vì không muốn bị quở phạt mà chỉ vì muốn được tưởng thưởng mà thôi. Tuy nhiên, hầu hết mọi đứa trẻ trước khi cấp sách đến trường đều có ý niệm về sự công bình. Qua một cuộc trắc nghiệm, giáo sư Deman cho biết: Khi được hỏi phải phân phát đồ chơi và kẹo bánh như thế nào thì hầu hết mọi đứa trẻ đều muốn được phân phát đồng đều. Khi đã lên 6 hoặc 7 tuổi hầu hết mọi đứa trẻ đều làm những phán đoán luân lý dựa trên sự thiệt hại. Thiệt hại càng nhiều thì càng đáng trách. Chẳng hạn chúng sẽ kết án một đứa trẻ trong khi giúp mẹ rửa bát lỡ làm vỡ 3 cái ly hơn là một đứa trẻ khác đang chơi chỉ làm vỡ 1 cái. Nhưng sau 7, 8 tuổi trẻ con lại biết phân đoán dựa theo ý hướng hơn là sự thiệt hại. Nói cách khác, vào lứa tuổi này trẻ con đã biết rằng: một hành động xấu hay tốt là tùy ở ý hướng của con người.

Trước khi có trí khôn, trẻ con cũng đã biết tìm kiếm sự tác động của xã hội. Biểu hiện của chúng thường là: "Tôi sẽ không làm điều này bởi vì trái với ý muốn của tôi" hoặc "Tôi sẽ không làm điều này bởi vì trái với luật pháp". Theo các chuyên gia tâm lý thì óc phán đoán dựa trên tình cảm là đặc thù của trẻ con và lặp lại rằng: Sự tiến triển luân lý trên đây còn tùy thuộc vào cách thế đứa trẻ được dạy dỗ và nhất là tùy thuộc vào cách ứng xử của những người xung quanh. Lương tâm có thể là khả năng bẩm sinh của con người nhưng nó chỉ được đánh thức trong những điều kiện bình thường mà thôi.

Cộng đồng cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng lương tâm trẻ con. Sống trong một khu phố hay thôn xóm xem thường mọi chuẩn mực luân lý và đạo đức, đứa trẻ khó có thể phân biệt tốt xấu, thiện ác. Ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với việc phát triển luân lý của trẻ con là điều mà tất cả chúng ta phải thấy rõ: "Gần đèn thì sáng, gần mực thì đen".

Nói tóm lại, lương tâm tức khả năng phân biệt phải trái, tốt xấu, thiện ác vốn tiềm ẩn trong con người ngay từ lúc chào đời, cần đánh thức nó và nuôi dưỡng nó. Đó là trách nhiệm của tất cả mọi người nhất là của cha mẹ và người thân trong gia đình. ■

10-4-2001

VŨ LÊ

(Theo tài liệu nước ngoài)



NGƯỜI TRÍ THỨC TRONG THIÊN NIÊN KỶ MỚI

ĐỖ MINH TUẤN

TRƯỚC sự phát triển thần kỳ của khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, ta dễ nghĩ rằng người trí thức ngày càng lên ngôi trên phạm vi toàn cầu. Một khi cái lĩnh vực được coi trọng bậc nhất là kinh tế đã được gắn liền với hai chữ trí thức tạo thành cụm từ thời thượng là "kinh tế trí thức" thì còn ai dám coi thường hay nghi ngờ vị thế của người trí thức trong thiên niên kỷ mới, nhất là ở một đất nước phát triển như Hoa Kỳ? Ấy vậy mà, trong một bài viết về trí thức Mỹ sau khủng bố, nhà thơ nữ người Mỹ Yana Jine đã tuyên bố xanh rờn đại ý người trí thức Mỹ giờ đây mất quyền lựa chọn và trở thành nô lệ của lịch sử, vì "chúng ta đang bước vào thời đại tầm thường nhất trong các thời đại", khi quy luật mạnh được yếu thua đang chi phối đời sống nhân loại mà lòng căm thù thì lại mạnh hơn đức khoan dung. (!)

Trong bài "Bị kịch của bản sắc phương Tây hiện đại", tác giả người Mỹ R.Gress David cũng đã lật tẩy "Ba bí mật như bản" của giới tài phiệt Mỹ trong việc mặc cả mua bán với đám đông, nhân danh sự đa dạng, sự khoan dung và sự đa văn hóa để hạ tiêu chuẩn chuyên môn, chiều nịnh đám đông để bán hàng, tăng bốc đám công chúng căm điếu lên tạo cơ hội cho những kẻ bất tài nổi loạn, tấn công, thống trị người trí thức tài năng đích thực trên phạm vi toàn cầu. "Do đó, Microsoft hay Viện Sloan - Kettergring có thể tăng cường sự cạnh tranh và thúc đẩy tài năng tới những trình độ không ngờ, nhưng các xu hướng chống tài năng trong giáo dục và trong khoa học cũng tăng nhanh, và điều này đã gây ra sự phá phách thực sự trong những hoàn cảnh mà những giới hạn cho sự sai sót không thể tha thứ được. Ví dụ, sự hạ thấp những tiêu chuẩn không thể gây tác hại cho một sinh viên đã tốt nghiệp trường Đại học Harvard, người chắc chắn sẽ chiến thắng trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nhưng điều này lại làm tổn hại cho những người mà họ phát hiện ra rằng những mảnh bằng đại học của các bang họ không chuẩn bị cho họ cạnh tranh được trong một thế giới nơi mà những kỹ năng đòi hỏi những người lao động mới phải có trình độ phức tạp hơn và có thể đương đầu với nhiều thách thức hơn" (2).

Vậy là, sức mạnh của đồng tiền, của số đông, của lẽ phải thông thường vẫn còn là một thách thức nghiệt ngã với trí thức ngay cả ở những xã hội phát triển nhất, thậm chí, giờ đây trở thành thách thức lớn hơn trước rất nhiều vì "đám đông căm điếu" (chữ của R.Gress David) ở các xã hội phát triển đã có nhãn mác trí thức, những kẻ dốt nát lại luôn luôn sẵn cơ hội sở hữu công nghệ của các thiên tài, các thiên tài nghĩ họ họ bằng mây móc và họ chỉ cần học một vài thao tác kỹ thuật là họ đã có trong tay những bộ óc trí thức khổng lồ. Những vi lượng có tính nhân văn, thẩm mỹ trong cảm xúc để nhận diện người trí thức thì lại quá mơ hồ, quá yếu ớt và kém thuyết phục trước những chỉ số kinh tế kỹ thuật hiển nhiên, dễ hiểu với số đông. Như vậy, phải chăng là người trí thức giờ đây có nhiều nguy cơ trở thành nô lệ của lịch sử, của số đông hơn bao giờ hết? Vì sao đến nông nỗi ấy?

Theo J.Tchepanxki, hiện nay có tới trên 60 định nghĩa về người trí thức. Người ta thấy các định nghĩa về trí thức tập trung vào những chức năng cơ bản mà một người được coi là trí thức không thể thiếu trong đó có các chức năng nổi bật nhất là sáng tạo và truyền bá văn hóa, duy trì những giá trị cơ bản của xã hội theo hướng Chân Thiện Mỹ và chân lý, biết nhìn rõ sự vật, suy nghĩ đến cùng và dám phê phán đến cùng những gì không đúng, không tốt, không hợp lý.

Nhưng người trí thức không phải lúc nào cũng kiên định được hai chức năng này vì bản thân anh ta là một thực thể đầy mâu thuẫn và đầy nghịch lý.

Bách khoa toàn thư Pháp (tập X) viết: "Trí thức là một phạm trù lịch sử. Trong các nước khác nhau khái niệm trí thức có khác nhau. Trong đời sống xã hội trí thức có vị trí nhất định. Họ có thể có thái độ đơn thuần "trùm chăn" cũng có thể tích cực dẫn thân vào hoạt động chính trị. Người ta có thể chia trí thức thành kỹ sư và quan chức, thành nhà phản biện xã hội (objecteur), nhà luân lý học, nhà hoạt động chính trị, nhà cách mạng. Trong xã hội ổn định trí thức có thể là quan chức của chế độ hiện hành, trong xã hội khủng hoảng, họ có thể trở thành nhà lý luận cách mạng, trong xã hội buồn thảm thậm chí họ bị coi là kẻ bung xung" (3).

Trong bài báo "Người khởi xướng hay nạn nhân", nhà sử học Nga Polakov Aleksandrovich cho rằng trí thức luôn là người khởi xướng vĩ đại nhưng cũng luôn bị gánh những tai họa lịch sử lớn.

(Còn nữa)

(1) Xem Văn nghệ số 48 ngày 1-12-2001

(2) Văn hóa học và văn hóa thế kỷ XX - Viện thông tin KHXH, 2001, tập 1, trang 233.

(3) Theo "Định hướng phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa" - Nxb Chính trị Quốc Gia, 2001



TIN BUỒN

Hội Nhà văn Việt Nam, Tuần báo Văn nghệ và gia đình vô cùng thương tiếc báo tin:

Nhà văn ĐỖ ĐỨC THUẬT

Sinh ngày 4-11-1913 tại xã Dục Tú huyện Đông Anh ngoại thành Hà Nội, nguyên Chánh văn phòng Hội Nhà văn, Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, nguyên biên tập viên tuần báo Văn nghệ, Nhà xuất bản Văn học;

Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhất, Huân chương chống Mỹ hạng Nhì, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, vì tuổi già sức yếu đã từ trần ngày 3-12-2001 tại Hà Nội.

Lễ truy điệu và lễ an táng được cử hành ngày 4-12-2001 tại Hà Nội.

NHỮNG KỶ NIỆM VỀ ANH

(Ghi theo lời kể của nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh và những người đồng thời)

THÚ thực, tôi chưa hề đọc ông, khi được Ban biên tập cử viết bài về nhà văn Đỗ Đức Thuật, tôi vô cùng lúng túng. Một chút tự bạch, một chút tiểu sử văn học trong sách *Nhà văn Việt Nam hiện đại* chỉ là cơ sở ban đầu để tôi hình dung: Một nhà văn đã từng có truyện in ở *Trung Bắc tân văn*, ở *Tinh hoa* từ mãi năm 1937. Rồi lại đã từng cùng tham gia nhóm *Xuân Thu nhả tập* để cách tân thi ca nữa chứ! Ấy thế rồi lặn lội theo kháng chiến, sống ngay giữa văn phòng Hội Văn nghệ Việt Nam, (từ sau năm 1954 về Hà Nội làm Chánh văn phòng Hội Nhà văn, có thời kỳ là biên tập viên báo *Văn nghệ*...) lại chỉ cù cun tận tụy lo cơm áo gạo tiền cho các nhà văn trên Chiến khu Việt Bắc những chín năm đằng đẳng, mà không hề viết gì nữa; người yêu văn chương đến thế, thật quý hiếm, thật đáng kính. Tôi đi tìm những người đồng thời, không biết thì thôi, chứ ai từng sống với ông, ai cũng nói những lời tốt đẹp, thậm chí hàm ơn.

Ông sinh năm 1913, kém nhà văn Nguyễn Huy Tưởng 1 tuổi, là anh em họ với ông Tưởng, người cùng làng Dục Tú, Đông Anh, Bắc Ninh nay thuộc ngoại thành Hà Nội. Khi các nhà văn lên Chiến khu, ông Thuật đưa cả nhà đi cùng. Bà Thuật vừa buồn bán vừa tăng gia nên nhà ông trở thành "bếp" của Hội Văn nghệ; rồi ông được cử phụ trách Văn phòng Hội. Hồi ấy, làm việc ấy có nghĩa là chuyên lo cơm áo gạo tiền. Các nhà văn lĩnh lương bằng gạo (như Xuân Diệu được 45 kg mỗi tháng) nhưng có thì cấp, không thì nghỉ, có gạo mốc thì cấp gạo mốc, có gạo ngon thì cấp gạo ngon. Mặc thì trông vào anh em hậu cần Khu Ba tiếp tế vải. Chính ông Thuật đo số đo rồi đưa thợ cắt, tùy ai thích kiểu nào thì ông chiếu cho thợ cắt kiểu đó. Bức ảnh chụp các nhà thơ Tố Hữu, Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Nguyễn Xuân Sanh... mà báo *Văn nghệ* vẫn in lại mỗi lần Kỷ niệm là quần áo do ông Thuật may cho; quả nhiên mỗi người mỗi kiểu, đúng là rất... văn nghệ sĩ thời kháng chiến! Theo nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, thời kỳ ở xóm Chòi đời sống kham khổ lắm. Gạo mốc là chuyện thường ngày, khi nào đường tiếp tế thông thì có thuốc lá cà phê, ông Thuật tài giấu thuốc, ông nhà văn nghiện nào thêm phát rở ròi mới cho một điếu. Cũng có khi ăn muối cả tháng, đang ăn cơm thì nghe tiếng hươu kêu, bảo nhau đừng cơm đi bán hươu đã. Hai anh xách súng đi, một lúc nghe tiếng súng, mọi người reo lên nhưng nghe tiếng súng rồi mà còn nghe tiếng hươu kêu, biết là hỏng, lại xui xiu. Hồng thi

ăn cơm muối. Một bữa ông Trần Văn Giàu nhẩn xuống là lên ăn thịt ngan. Anh em hào hứng vượt mấy cây số đường rừng, đến nơi thì ngan sống mất, đành kéo nhau về. Ai đó bảo ghé qua trại của cơ quan ông Phạm Văn Đồng thế nào cũng có cái chén, quả nhiên như thế. Về còn được mang gạo về, tươi được mấy bữa. Gian nan nhất là khi chiến khu bị chia cắt với khu Ba. Bài thơ đầu tiên kiểu Bút Tre ra đời vào thời kỳ này, mà các nhà văn gọi là *thơ tam đại* (đại ngôn, đại khái, đại chúng):

Quan chẳng phải quan, dân chẳng dân

Đi đi ở ở cóc ai cần

Dưới chân ông buộc đôi giải rút (dây giấy mất, buộc bằng dây vải)

Trên cổ ông đeo một cái quần (khăn fula rách hết, ông Nam Cao hay lấy quần quần cổ cho khỏi lạnh)

Nhà văn Đỗ Đức Thuật lo cơm áo cho các nhà văn vào một thời gian khó, gian khổ nhưng mà vẫn lạc quan tếu vui như thế. Khi nhắc lại chuyện này, ông Nguyễn Xuân Sanh còn trầm trồ mãi về tài quán xuyến lo toan của ông Đỗ Đức Thuật trong quá trình lo tổ chức hậu cần cho Đại hội Văn nghệ toàn quốc có hàng mấy trăm người dự mà hầu như chỉ có hai bàn tay trắng.

Trong mỗi con người nhà văn đều có nhu cầu sáng tạo, càng không viết ra được càng dễ bức bối khó tính, vợ lo văn vợ, chồng lo văn chồng; vợ lo cơm nước cho chồng ngồi viết mà trong người cô ta có cái để viết còn ảm ức, hướng chỉ là phục vụ đồng nghiệp? Khi nhà văn Đỗ Đức Thuật làm công việc lặng lẽ ấy, tôi còn chưa ra đời; khi tôi đến với văn đàn thì ông đã lui về nghỉ hưu, tôi không rõ ông vẫn ngồi chỗ nào trong ngôi nhà 17 Trần Quốc Toản để đọc và biên tập các tác phẩm? Ông tâm sự: "Được sống và sáng tác nhưng vì quá bận về công tác khác, nên sáng tác bị hạn chế. Gần đây được nghỉ hưu thì sức đã yếu, mắt đã kém..." Đọc mấy dòng ấy khi tôi viết những dòng này, lòng không khỏi bồi ngùi tiếc cùng người (bây giờ đã ra) người thiên cổ. Nhưng sau dòng ngậm ngùi ấy, kể đến sau là tôi như được khích lệ, như được mở ra một chiều yêu văn chương khác với những gì tôi hằng nghĩ: yêu, trân trọng đến mức để cả đời, nên mọi nhu cầu sáng tạo để phụng sự văn chương. Phải chăng đó là một tình yêu không vụ lợi? ■

VĂN TUỆ ANH



THỜI CỦA TÌNH YÊU

- VỀ BÀI THƠ TÌNH VÔ ĐỀ NỔI TIẾNG CỦA PUSKIN

Lê Tuấn Anh là giảng viên văn học Nga, khoa Ngữ văn, trường ĐHSP Hà Nội. Năm 1997 anh được Bộ Giáo dục và Đào tạo cử đi nghiên cứu sinh bậc tiến sĩ chuyên ngành văn học Nga tại trường Đại học Tổng hợp Sư phạm Matxcova. Bản luận án đã viết xong, chờ ngày bảo vệ trước hội đồng khoa học. Nhưng không may, anh bị cảm và đột ngột từ trần lúc 14 giờ 30 phút ngày 5-9-2001 tại Matxcova. Thương tiếc anh, nhân một trăm ngày anh ra đi, Văn nghệ trân trọng giới thiệu bài viết của anh từ năm 1992 về một bài thơ tình nổi tiếng của Puskin còn lưu giữ được ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

EM yêu đi, em của thời say đắm / Biết bao giờ người tắt trong tôi / Thôi hãy mặc hồn tôi có độc / Em buồn ư? Tôi mắc lỗi rồi / Tôi đã yêu em âm thầm, vô vọng / Đã miệt mài do dự, do ghen / Tôi đã yêu chân thành quá đỗi / Đến nỗi cầu mong ai đó yêu em *

(Lê Tuấn Anh dịch)

Tình yêu hiện lên từ cái nhìn ngoài lại, đẹp như một kỷ niệm tốt lành. Có thể đây là một cách bộc bạch kiểu Puskin, thật thà kể cho nàng nghe rằng đã có thời tôi yêu em thế nào, kiếm một cái cớ hợp lý mà thốt ra những lời "dễ ư". Và có thể, đó là một cách tốt. Chính Puskin đã hiểu và nói ra trong tiểu thuyết *Người da đen của Piôt Đại đế*: "Người ta muốn nói gì thì nói, chứ một tình yêu không hy vọng và không đòi hỏi gì còn làm cho tâm hồn phụ nữ rung động và chắc chắn hơn bất cứ một thủ đoạn quyến rũ nào".

Dẫu sao, những lời đầu tiên được thốt ra từ nỗi buồn. Vâng, không đau đớn, dằn vặt nhưng rất buồn. Nỗi buồn thấm vào từng câu thơ. Tâm hồn chàng trai thời điểm này đang xáo trộn không phải vì niềm vui do tình yêu đến, trái lại tình yêu của anh đã làm anh mệt mỏi, do dự, do ghen trong âm thầm, vô vọng. Ai mà biết cô ấy có yêu anh mà giữ tiết tình yêu nọ trong lòng, hay niềm yêu chưa kịp đến với cô, và những gì đang có thuẩn tuý là những tình cảm khác, có thể là rất quý giá, nhưng đâu thật cần cho anh giây phút này. Chỉ biết cô đã không hề hưởng ứng tình yêu của anh và anh tự ý thức rằng sự bận tâm đến chuyện của anh (đâu phải

chuyện chung của cả hai người!) sẽ làm cho cô phải phiền muộn, và anh không muốn điều đó. Hãy để mặc nó, tình yêu riêng của anh! Những sự thật tâm lý này là niềm tin trong tâm thức của anh vào thời điểm ấy, trở thành tiền giả định quan trọng nhất khiến anh thổ lộ theo cách này: ngoài lại tình yêu của một thời, xem nó là kỷ niệm. Không để rơi vào tình huống bế bång, anh có thể nói với nàng tất cả, bằng giọng say mê và thông minh, thật thà và thánh thiện. Giữ cho riêng mình khối tình cảm thì khổ lắm! "Nợ tình chưa trả cho ai - Khối tình mang xuống tuyến đài chưa tan". Chàng Trương Chi Việt Nam đã đi vào huyền thoại như biểu tượng cho một khối tình tuyệt vọng. Nhà thơ trong chàng trai Puskin giỏi hơn!

Phải, thời ấy có thể chỉ mới cách đây một giờ đồng hồ thôi, thậm chí chỉ mấy phút thôi, nếu tính theo thời gian lịch sử, thì gian chung của mọi người. Nào có quan trọng gì đâu cái "của chung" kia. Cái chính, nó vẫn là một thời khác - thời của kỷ niệm tình yêu, kể theo thời gian tâm lý của riêng anh. Nó đã trôi qua, anh có thể hoàn toàn tự do, tự nhiên nói về nó.

Tôi đã yêu em âm thầm, vô vọng,

Đã miệt mài, do dự, do ghen

Những lời nói đáng yêu vì chúng hồn nhiên quá và dường như sau câu thơ thấp thoáng nụ cười.

Tâm hồn đã không thể bị tổn thương; sức sống mạnh mẽ của nó vẫn vẹn nguyên. Cho kỷ niệm tình yêu trở nên thiêng liêng đáng lưu giữ mãi trong ký ức.

Đúng là trong đời người ta, có cả những kỷ niệm

buồn, là những vết thương lòng mà người ta cần đến bản lĩnh và nghị lực để quên đi. Nhưng cũng có những kỷ niệm tốt lành, nguồn của hạnh phúc, thúc giục người ta sống đẹp. Những câu thơ tuyệt đẹp đã vĩnh cửu hoá trạng thái kiêu hãnh trong sáng của tâm hồn:

Tôi đã yêu em chân thành quá đỗi;

Đến nỗi cầu mong ai đó yêu em.

Vâng, tôi đã yêu em cực kỳ thánh thiện. Còn em cứ tự do. Văn hoá tình yêu đã đưa khoảnh khắc phù du vào cõi vĩnh hằng các giá trị tinh thần cao quý nhất của con người, vĩnh hằng phút giây thần diệu của nỗi buồn trong sáng.

Tình yêu trong cuộc đời và trong sáng tạo của Puskin bao giờ cũng là niềm đam say kỳ diệu chất chứa sự viên mãn của đời. Đó là niềm say đắm quan trọng nhất, ở mức độ nào đó đại diện được cho mọi niềm say đắm. Có lẽ là thế! Thế thì, với bài thơ này, điều đó còn đúng nữa chăng?

Sức quyến rũ, vẻ đẹp mê hồn của bài thơ được sinh ra từ cội nguồn nào vậy? - Phải chăng từ "lòng kiêu hãnh của thời trai trẻ"? - Tôi cho là thế. Cái năm 1829 ấy, khi Puskin viết bài thơ này, chính Puskin đang còn trong "thời hoa đỏ", "thời yêu đương tha thiết", "thời trai trẻ" của mình, Puskin 30 tuổi. Trai tuổi 30 có nghĩa đương ở cái tuổi đã có từng trải, nhưng còn trẻ trung và thời trai trẻ cũng chỉ thêm được mấy năm nữa. Hôm trước ngày cưới vào năm 1831, nhà thơ đã tổ chức "lễ tiễn biệt thời trai trẻ". Và sâu xa hơn, bài thơ hàm chứa quan niệm này: bản thân kỷ niệm tốt lành về tình yêu đã là hạnh phúc, là khoảnh khắc hạnh phúc hiếm hoi chất chứa tròn đầy cảm giác về sự viên mãn của đời. Ban ơi, thời của tình yêu có thể là hiện tại, cũng có thể là quá khứ hoặc tương lai. Miễn rằng tốt lành. Có lúc nào đó, nó khơi dậy trong ta nỗi buồn, thì đó là nỗi buồn trong sáng, nâng đỡ tâm hồn ta. Văn hoá tình yêu cho con người của tương lai là ở chỗ này chăng? ■

(*) Về bài thơ này, trên báo *Giáo dục và thời đại* số 14 ngày 1-7-1991 với bài "Về một bài thơ tình nổi tiếng của Puskin được giảng ở Trung học phổ thông", tôi đã dịch nghĩa bài thơ từ nguyên bản tiếng Nga (in trong cuốn *Puskin - thơ trữ tình*, Nxb Văn học nghệ thuật Matxcova 1983, trang 177) và phát biểu ý kiến về bản dịch thơ của dịch giả Thụy Toàn.



Nguyên soái Uxtinốp (bên phải), hai lần Anh hùng Lao động XHCN, Anh hùng Liên Xô.

(Tiếp theo và hết)

- Mọi việc được giải quyết ra sao, bởi hồi đó chưa có những "chiếc cặp hạt nhân"?

- Không những hồi đó chưa có những "chiếc cặp" này, mà còn chưa có một trình tự thông qua quyết định về sử dụng tên lửa hạt nhân. Người ta quyết định soạn thảo ra một học thuyết, và sau đó mới định ra chính sách. Sau đó suốt cả đêm Këndút, Uxtinốp, các thứ trưởng quốc phòng phụ trách vũ khí nguyên soái Nicôlai Nicôlaievich Aléôpxép và Trưởng ban của BCH TƯ Xécbin lo chuẩn bị học thuyết. Chủ yếu là do Këndút viết ra. Văn kiện này đã xác định rằng chúng ta sẽ không chỉ giáng trả những đòn trả đũa ngăn chặn, trước hết là trong lĩnh vực thông qua những quyết định. Hệ thống "những chiếc cặp hạt nhân" ra đời trong điều kiện như thế.

- Và sau đó người ta đã chọn loại tên lửa của Yanghen?

- Không hoàn toàn như vậy. Chúng ta quyết định chọn cả hai, cả loại này và loại kia. Trong kỹ thuật tên lửa ngay từ đầu người ta định ra trình tự sau: Trong khi các cuộc thử nghiệm vẫn còn đang tiếp diễn, người ta đã bắt đầu chuẩn bị giai đoạn sản xuất. Công việc này rất tốn kém và lâu dài. Cần phải thiết kế và đóng những bệ phóng, chế tạo các thiết bị thử nghiệm v.v.... Và ngay trước cuộc tranh luận ở Hội đồng quốc phòng hóa ra là cả hai "công ty" đã chuẩn bị đi vào sản xuất. Gần một nửa chi phí dành cho chế tạo tên lửa. Bởi vậy cuối cùng chúng ta quyết định sản xuất cả hai loại tên lửa. Với các loại xe tăng cũng xảy ra trường hợp tương tự. Các cuộc tranh cãi thường kết thúc như sau: cả hai loại đều được đưa vào trang bị.

- Nhưng điều này đòi hỏi phải trả một giá quá đắt...

- Đây là một vấn đề đau đầu đối với Uxtinốp. Dmitry Phêđorôvich cho rằng một nhược điểm lớn nhất của nước ta là không có sự cạnh tranh. Và ông là người luôn luôn chống lại những ý đồ sát nhập, ví dụ, toàn bộ các phòng thiết kế ngành hàng không. Ông thường nói: "Không nên! Khi đó chúng ta sẽ có sự trì trệ của tư duy trong thiết kế. Cần phải tạo cho mọi người có việc làm. Chúng ta chỉ quyết định trang bị loại gì, khi so sánh những mẫu sản phẩm đã có sẵn".

- Nhưng Uxtinốp lại không phản đối một điều rằng các chi phí cho quân sự của Liên Xô càng ngày càng lớn, làm phá vỡ nền kinh tế Liên Xô chưa phải là mạnh nhất trên thế giới...

- Anh hiểu không, mức độ chi phí quân sự còn phụ thuộc vào chính sách của quốc gia. Do ban lãnh đạo của đất nước có một mong muốn đứng đầu thế giới về vũ khí, các chi phí cũng phải tương ứng.

- Năm 1976 Uxtinốp trở thành Bộ trưởng Quốc phòng và ủy viên Bộ Chính trị. Liệu ông ấy có lấy lại lòng tin của Brêgionép?

- Cho đến những ngày cuối đời của Brêgionép Uxtinốp hoàn toàn, thậm chí có thể nói là rất trung thành. Bởi từ những năm cuối cùng của thập niên 70 mọi người đều biết rằng Brêgionép đang suy sụp rõ rệt. Thật kỳ lạ! Khi chúng tôi có mặt ở thủ đô Viên, tại cuộc đàm phán với đoàn đại biểu Hoa Kỳ và để ký hiệp ước về cắt giảm vũ khí, Brêgionép đã rất lóng ngóng. Ông đọc mãi mới xong bài diễn văn, ôm hôn vị Tổng thống Hoa Kỳ G.Catô. Mọi nghi lễ kết thúc tại đây. Và tram trưởng điệp viên Tổng cục tình báo quân sự (GRU) đưa cho tôi một chiếc cặp đựng nhiều tài liệu khác nhau từ các nguồn tin nước ngoài về tình trạng sức khỏe của Brêgionép. Chúng tôi trở về Mátxcôva. Tôi nói với Uxtinốp: "Thưa đồng chí Dmitry Phêđorôvich! Tôi vừa nhận được một cặp tài liệu". Dường như ông ấy đã biết những gì trong đó, ông ra lệnh: "Tôi đã biết cả rồi. Cậu hãy đốt ngay những thứ ấy đi".

Sau này, tôi còn nhớ, người ta bắt ngờ ra lệnh thay đổi toàn bộ phần nghi lễ cuộc gặp gỡ với khách nước ngoài: máy bay được lệnh tiến gần đến nhà ga của sân bay. Cả khách lẫn chủ nhà đã không đi duyệt hàng rào

NHỮNG ĐIỀU ÍT BIẾT VỀ NGUYÊN SOÁI LIÊN XÔ UXTINỐP

E.ZHIIRNỐP

danh dự. Chỉ tiến hành điều binh trong thế, và nghi thức kết thúc tại đây. Giới báo chí phương Tây lập tức có bài viết phê phán. Họ nói rằng trước đó Brêgionép đã không thể đi quá 100 mét v.v.... Và đó chính là sự thật. Tôi cùng với đồng chí trợ lý khác tên là Turunốp đi tới gặp Uxtinốp: "Dmitry Phêđorôvich, - Chúng tôi báo cáo, - Sao lại có chuyện thế này! Cần phải nói thẳng với đồng chí ấy rằng đã đến lúc phải ra đi". Ông bỗng hoảng lên: "Ai nói với các đồng chí điều này?!" - Chẳng có ai khuyên, - Chúng tôi trả lời - Tự chúng tôi thấy điều gì đang xảy ra. Bởi không nên kéo dài thêm nữa. "Các đồng chí sao thế, - Ông hỏi lại, - Chẳng lẽ các đồng chí không hiểu rằng Lêônít Ilích, đó là ngọn cờ của chúng ta! Các đồng chí có thể hình dung, điều gì sẽ xảy ra trong nước nếu đồng chí ấy từ chức?" - "Nhưng sẽ không có điều gì sẽ xảy ra đâu, - Chúng tôi trả lời. - Dù sao đồng chí cũng sẽ ở lại". Ông tỏ ra giận dữ: "Nói chuyện đó đủ rồi. Các đồng chí phải nhớ rằng: đồng chí ấy là ngọn cờ của chúng ta và sẽ ở lại trong cương vị nguyên thủ của đất nước đến khi nào có thể".

- Sau này Uxtinốp nắm vững trên cương vị Bộ trưởng Quốc phòng như thế nào?

- Dmitry Phêđorôvich không thể biết nhiều tình tiết trong quân đội. Không phải ở chỗ là vị tướng nào thuộc về nhóm nào. Ông cố gây áp lực với ban lãnh đạo bộ, bắt buộc họ phải tham gia vào các buổi thử nghiệm vũ khí mới, hoặc đến thăm các phòng thiết kế. Còn họ thì lại mong muốn xuống các quân khu để kiểm tra chuyên gì đó. Dmitry Phêđorôvich giận dữ quát: "Các đồng chí nói tào lao ở các đơn vị như vậy là đủ rồi" - Ông nói to. Ông không hiểu rằng trong hệ thống tuyển quân khẩn cấp hiện hành quân đội chỉ là một trung tâm huấn luyện khổng lồ. Và chỉ có thể giữ vững tinh thần sẵn sàng chiến đấu nếu như mỗi một thủ trưởng quân đội lúc nào cũng có thể kiểm tra cấp dưới và quá trình huấn luyện.

Ông thường tranh luận khá gay gắt với một số nguyên soái về vấn đề kỹ thuật quân sự. Nếu như có người nào đó nói rằng loại súng nào không còn phù hợp với chiến tranh là Uxtinốp hỏi ngay: "Đồng chí thử nói xem những đặc tính của nó". Ông kia bắt đầu nói lắp bắp. "Nghĩa là, đồng chí biết gì về loại súng này, - Uxtinốp lý giải - Hãy đi mà tìm hiểu lấy. Sau đó về và báo cáo cho tôi biết". Có những vị nguyên soái dưới quyền ông thường học gạo các chi tiết kỹ chiến thuật của vũ khí hết như các học viên quân sự. Thế nhưng khi nảy sinh những vấn đề chiến lược lớn, ông bắt đầu phân tích rất nghiêm túc. Ông thích đi sâu vào thực chất của vấn đề, thích đón các nhà quân sự lớn vào thế bí trong các đợt huấn luyện lớn.

- Các vị nguyên soái có thích Uxtinốp?

- Tôi không thể nói là tất cả. Các vị chỉ huy quân sự mà bình chúng của họ có liên quan đến kỹ thuật, như các phi công, sĩ quan tên lửa, sĩ quan thông tin, binh chủng phòng không đã hết lòng đón nhận việc Dmitry Phêđorôvich được đề bạt. Với các tư lệnh các binh chủng hợp thành thì có vẻ phức tạp hơn. Họ có phần thận trọng trong quan hệ với Uxtinốp. Ban đầu nguyên soái Xécgây Phêđorôvich Akhrômép cơ bản đã giúp đỡ ông. Chúng tôi thường liên hệ với ông sao cho những người khác không nhận thấy, và thường bàn bạc những vấn đề khác nhau, như công tác cán bộ, nhiệm vụ trước mắt, các biện pháp quân sự đang diễn ra trong thời gian ấy. Ông thường lập luận một cách dễ hiểu những ý kiến của mình. Ông hiểu tình hình và đưa ra những đề xuất hay. Và tôi thường đề nghị Uxtinốp quyết định sau khi đã bàn bạc chung với nguyên soái Akhrômép. Tôi hay nói câu đại để: "Thưa đồng chí, có một ý kiến thế này" - "Của ai thế?", - Uxtinốp hỏi lại. Tôi trả lời rõ sự việc. "Vậy cậu hãy dẫn đồng chí ấy đến chỗ tôi". Và từ đó trở đi Akhrômép đã trở thành một trong những cố vấn bí mật của Uxtinốp.

- Vì sao lại gọi là bí mật?

- Tại Bộ tổng tham mưu từng xảy ra sự xích mích giữa các nhà lãnh đạo. Và đồng chí Tham mưu trưởng Bộ Tổng tham mưu, nguyên soái Nicôlai Vaxilévich Ôgacốp, không thích khi có một ai đó trong số cán bộ của cơ quan báo cáo hoặc cố vấn cho ai đó về vấn đề gì đó khi chưa được ông cho phép. Vì vậy chúng tôi cố làm sao để Ôgacốp không nhận thấy điều này.

- Và việc đó đã diễn ra như thế nào?

- Theo nhiều cách thức khác nhau. Ví dụ, như công tác chuẩn bị duyệt binh. Mọi người cùng đi tới đó. Chúng tôi đi tách ra một bên và bắt đầu bàn bạc. Tại cuộc gặp mặt các đoàn đại biểu, trong khi chờ đợi, chúng tôi trao đổi ý kiến. Còn khi Akhrômép đã trở thành thủ trưởng của Bộ tổng tham mưu thì chúng tôi trò chuyện mà chẳng phải lo sợ một ai. Còn mối quan hệ của các nguyên soái đối với Uxtinốp thay đổi ngay khi ông vừa mới cách chức một, hai cấp tướng khỏi vị trí của họ. Tất cả những người không ưa ông lặng đi ngay tức khắc. Thành thực mà nói, không phải mọi quyết định về công tác cán bộ của Dmitry Phêđorôvich đều đúng. Chẳng hạn, khi ông bắt đầu tiến cử Ôgacốp. Ông này đã nhiều lần đến gặp Dmitry Phêđorôvich

ngay khi ông bắt đầu tiến cử, ngay khi ông còn làm ở BCH TW và ông bỗng thích ông ta ở một điểm gì đó. Lúc đầu Ôgacốp được cử giữ chức Chủ tịch ủy ban Kỹ thuật quốc gia (Gostechkomisia). Sau này trở thành Tham mưu trưởng Bộ tổng tham mưu. Nhưng khi Ôgacốp có tác phong làm việc rất giống Khorúxtốp... Ông ta thực hiện nhiều cuộc cải cách. Và điều này đã làm hồng công việc chung.

- Nhiều người thường nói rằng Uxtinốp ra đi trong những hoàn cảnh hết sức kỳ lạ. Và họ đã gắn điều này với sự thù ghét của một vài vị nguyên soái. Và hình như chuyện đó được khẳng định rằng đồng thời cũng có một vị Bộ trưởng Quốc phòng của một nước XHCN cũng từ trần...

- Của Tiệp Khắc. Nhưng hoàn toàn không có gì kỳ lạ trong chuyện này. Đó là lễ kỷ niệm Bốn mươi năm nhân cuộc khởi nghĩa ở Xiôvakia (1944). Tất cả các bộ trưởng quốc phòng trong phe XHCN được mời sang. Uxtinốp tham gia phát biểu rất nhiều. Sau lễ mít tinh tất cả được đưa tới vùng núi, nơi đó có tổ chức một bữa tiệc ngoài trời tại một khu dinh thự. Gió lạnh thổi, và Uxtinốp bị cảm lạnh. Hơn nữa, suốt từ đầu đến cuối mọi người ôm hôn nhau, và có thể một ai đó làm lây bệnh cúm cho ông, phải nói là cúm nặng. Bệnh rất nặng, nhưng Dmitry Phêđorôvich đã qua khỏi.

Sau đó tại Bộ Quốc phòng đã tiến hành cuộc tổng kết hoạt động hàng năm. Thường thì Bộ trưởng phải phát biểu tại đó. Chúng tôi bắt đầu thuyết phục Dmitry Phêđorôvich không nên làm việc này, rằng đồng chí Thứ trưởng thứ nhất Nguyên soái Xécgây Lêônítôvich Xôcôlốp có thể làm thay. Thứ trưởng sẽ làm báo cáo, còn đồng chí sẽ phát biểu thật ngắn gọn. Nhưng bản thân ông lại không làm như vậy, thế là xong. Chúng tôi gọi đồng chí Phêđo Ivannôvich Kômarốp - Cục trưởng cục quân y trung ương. Đồng chí này bắt đầu thuyết phục nguyên soái nhưng không có kết quả gì. Thế là Kômarốp liền tiêm thuốc trợ lực, Uxtinốp bắt đầu phát biểu. Ông phát biểu vào khoảng 30 phút. Nhưng sau đó bắt đầu đọc lẫn, tôi nghĩ bụng, vậy là nguy rồi. Tôi bèn tiến gần tới Đoàn Chủ tịch. Mọi người hỏi tôi: "Có chuyện gì vậy?". Tôi trả lời: "Thế các đồng chí không thấy gì ư, sắp có chuyện lớn rồi đấy". Mọi người đến chỗ Xôcôlốp. Đồng chí này đứng dậy và nói, trong khi Uxtinốp lại bắt đầu ngắt ngứ: "Dmitry Phêđorôvich, đến lúc giải lao rồi". Uxtinốp muốn nói một điều gì đó, nhưng tôi nhận thấy rằng ông bắt đầu ngã người xuống. Tôi chạy lại và đỡ lấy bằng hai tay và diu ông ra ngoài.

Kômarốp chạy tới. Mọi người thuyết phục Uxtinốp rằng đồng chí Xôcôlốp sẽ đọc nốt bản báo cáo. Sau cuộc họp đồng chí Chadốp lại mời Dmitry Phêđorôvich đến bệnh viện của BCH TW. Hóa ra là tìm có vấn đề. Và cả tuổi tác, cả việc hoạt động quá sức, và những vấn đề gia đình đã ảnh hưởng tới...

- Nhân đây xin hỏi, ông vẫn chưa kể gì về gia đình của nguyên soái. Gia đình đã đóng vai trò gì trong cuộc đời Uxtinốp?

- Còn phải nói. Ông rất yêu và quý trọng vợ mình, nhưng rất nghiêm khắc. Ông theo dõi để bà không can thiệp vào sự nghiệp của ông. Không khi nào ông nói về công việc ở nhà mình. Khi ông bị ốm nặng và chúng tôi thường mang tài liệu đến nhà hoặc nhà nghỉ mát của ông, ông lập tức dẫn chúng tôi vào phòng làm việc và yêu cầu chúng tôi tuyệt đối không được nói gì về công việc khi có mặt người nhà của ông. Mỗi khi có dịp đi đâu đó vào Mátxcôva, ông tập trung toàn bộ gia đình sau bàn ăn và họ trò chuyện với nhau rất lâu. Ông yêu vô hạn các cháu nội của mình là Đima và Xêrôgia. Và trong thời gian khác Dmitry Phêđorôvich chăm sóc rất nhiều đến gia đình. Con trai của ông khi còn trẻ là một chàng nghiện rượu. Uxtinốp và vợ ông đã tốn nhiều sức lực để cứu cậu con trai. Và cuối cùng họ thuyết phục được cậu ta bỏ rượu. Từ đó trở đi cậu ta chỉ uống "Borgiômi" (một loại nước khoáng), nhưng với số lượng khá nhiều. Sau đó Dmitry Phêđorôvich phải vượt qua cái chết của người vợ một cách khó khăn. Ngay sau đó là sự bất hạnh của cô con gái. Cô ấy vừa kết thúc Nhạc viện, vẫn hát trong dàn hợp xướng, trở thành một nghệ sĩ công huân Cộng hòa XHCN Xô Viết Liên bang Nga. Nhưng cô bị mắc vào một căn bệnh nào đó. Hai chân bị liệt dần dần, và người ta chữa trị cho cô rất lâu.

Nhưng chúng ta trở lại với bệnh tình của Uxtinốp. Tôi được nghe kể, tại bệnh viện của BCH TW người ta xác định rằng động mạch chủ của ông có vấn đề. Cần phải tiến hành phẫu thuật ngay. Nhưng trước khi mổ, trong thời gian trị các bệnh khác, người ta đã cho ông uống quá nhiều thuốc aspirin và anagin. Và máu không thể đông lại. Không có gì là người ta không làm! Khoảng 30 người - đội bảo vệ, nhân viên bệnh viện, những người khác có nhóm máu tương ứng. Người ta truyền máu trực tiếp cho ông. Việc này kéo dài suốt ngày đêm. Cuối cùng rồi máu cũng bắt đầu đông trở lại.

NGỌC ĐIỂN dịch
Theo "Kommercant - Vlast số 46, 2001"



NHỮNG PHÚT CUỐI CÙNG CỦA NHÀ THƠ LÉCMÔNTÔP

Chỉ bốn năm sau cái chết bi thảm của Puskin vĩ đại (1799-1837), người mở đường cho thế kỷ vàng của nền văn học Nga, nước Nga và dân tộc Nga lại phải gánh chịu một tổn thất thứ hai không thể gì bù đắp nổi - đó là cái chết của nhà thơ thiên tài và người sĩ quan dũng cảm Mikhail Lécmôntôp. Ngày 27-7-1841, tức là cách đây 160 năm, Lécmôntôp đã ngã xuống trong một cuộc quyết đấu vô lý và tội ác giữa lúc ông mới có 27 tuổi, để lại bao tiếc thương cho nhân dân Nga từ đó đến nay. Vậy cuộc quyết đấu định mệnh ấy đã diễn ra như thế nào?

Trần mưa miễn núi bắt đầu nặng hạt hơn. Những hạt nước mưa rơi lộp bộp lên cỏ và bắn tung toé khi chạm vào hai nòng súng bằng thép. Cuộc quyết đấu bắt đầu.

Theo luật quyết đấu thì sau tiếng hô "Hãy bước lại gần nhau", hai đối thủ có quyền hạ súng xuống và một trong số những người làm chứng bắt đầu đếm thành tiếng "Một... hai... ba...", mỗi tiếng cách nhau chừng nửa phút. Trong thời gian đó, hai đối thủ có quyền nhả đạn lúc nào tùy ý: tại chỗ, trên đường tiến hoặc lúc đã đến sát vạch ngăn. Nếu người nào bị thương trước, như Puskin chẳng hạn, thì người này có quyền gọi đối thủ đến sát vạch ngăn. Sau khi đếm đến "Ba!" thì cuộc quyết đấu chấm dứt và chỉ bắt đầu lại nếu hai đối thủ đều muốn tiếp tục cuộc quyết đấu.

Nhưng trong cuộc quyết đấu giữa Lécmôntôp và Máctunôp thì diễn biến không hoàn toàn như vậy.

Khi tiếp nhận súng từ tay Vaxinsicôp, Lécmôntôp nói rằng ông "sẽ không bắn gã gốc kia" và khi Glêbôp đếm thì ông vẫn đứng bất động tại chỗ và vẫn chĩa nòng súng lên trời, hiển nhiên là muốn chứng tỏ thiện ý của mình. Còn Máctunôp thì bước nhanh đến vạch ngăn và bắt đầu nhắm súng vào Lécmôntôp.

Tiếng đếm vẫn tiếp tục vang lên. Sau tiếng đếm "Hai!" là tiếp đến tiếng đếm "Ba!", tiếng đếm kết thúc cuộc quyết đấu.

Nhưng sau tiếng đếm "Ba!" vẫn vang lên một tiếng súng. Tiếng súng của Máctunôp. Và Lécmôntôp chết ngay lập tức. Một cái chết mang dấu hiệu của một vụ giết người vì đã vi phạm luật quyết đấu.

Trước uỷ ban điều tra, Máctunôp và các nhân chứng của ông ta đưa ra những lời khai quanh co mờ mờ, chẳng hạn như sau tiếng đếm "Ba!" Lécmôntôp vẫn bắn nhưng súng bị hóc, và Máctunôp cũng nhân đó mà bắn theo... Điều đáng tiếc là hai người làm chứng của Lécmôntôp đã đến chậm, lúc sự việc đã kết thúc. Nhưng một là, Lécmôntôp, như ta đã thấy ở trên, hoàn toàn không có ý định giết Máctunôp, hai là về sau, trong chốn riêng tư, Máctunôp thừa nhận là đã "giết chết" Lécmôntôp.

Với cái chết của Lécmôntôp, nước Nga lại một lần nữa mất đi một trong những người con ưu tú nhất của mình. Tuy qua đời lúc còn rất trẻ nhưng Lécmôntôp đã kịp để lại cho hậu thế một di sản văn học bất tử gồm một số lượng đồ sộ những bài thơ trữ tình có thể sánh ngang với bất kỳ thi hào vĩ đại nào và kiệt tác văn xuôi "Một anh hùng thời đại", một thiên truyện mà cho tới nay vẫn được coi là mẫu mực về mọi mặt. ■

VŨ VIỆT

(Theo "Sao Đỏ", 10/2001)

NỮ VĂN SĨ ELIETTE ABECASSIS VÀ TIỂU THUYẾT TÔN GIÁO

ELIETTE Abecassis 30 tuổi, sinh ra trong gia đình người Maroc gốc Do Thái. Cô đã đến Strasbourg lập nghiệp từ những năm 50. Bố là triết gia và văn sĩ, mẹ là nhà tâm lý học. Cô đã được nuôi lớn trong đức tin Do Thái giáo. Eliette Abecassis là tác giả những tiểu thuyết hình sự bác học dựa trên nền tảng Kinh Thánh Cựu ước và các văn bản tôn giáo cổ xưa khám phá ra từ quanh vùng Biển Chết. Các nhân vật anh hùng trong tiểu thuyết của cô không ai khác hơn là Đấng Messias - vị cứu tinh nhân loại của người Essenien cổ. Họ là những thành viên một giáo phái Do Thái thế kỷ II sau công nguyên. Họ chủ trương lối sống rất khắc khổ, để cao nhu cầu cá nhân trong đời sống thường nhật, ngày đêm cầu nguyện mong đợi đấng Messias đến cứu độ nhân loại, như trong tác phẩm mới nhất, cuốn "Trésor du Temple" (Kho báu đền thờ). Các tiểu thuyết của Eliette Abecassis thường bắt đầu bằng một dự án nghiên cứu khảo cổ rồi lồng vào đó những vụ điều tra sự kiện lịch sử chẳng hạn như, cho đến nay các sử gia hoàn toàn không biết rõ xưa kia các chiến sĩ - tu sĩ đền thờ (Templier) đã có lần nào trực tiếp gặp gỡ người Essenien hay không? Bí mật này được Eliette Abecassis giải toả bằng toàn bộ nội dung cuốn tiểu thuyết trên.

Dáng người thanh mảnh, cao sang, tóc nâu dài, tuy 30 tuổi mà trông chỉ như thiếu nữ 18. Cô được nhiều phóng viên, nhiếp ảnh gia, nhà phê bình văn học nhận định là một phụ nữ đẹp và là người viết giỏi.

Cô cho biết điều ham thích của cô là đọc tiểu thuyết của Alexandre Dumas nhưng không thể nào thưởng thức được sách của Robbe-Gillet và Claude Simon. Cô than trách rằng thực tế ngày nay có quá nhiều nhà văn viết tiểu thuyết mà chẳng chịu tìm tòi, nghiên cứu, điều tra gì trước khi viết. Cô thổ lộ: "Thật lòng mà nói, tôi thích văn học Pháp thế kỷ XIX hơn bởi vì đọc lại các tác phẩm của Zola, của Flaubert và Balzac, ta thấy trong sách của họ luôn có tính báo chí và chính yếu tố này đã lấp thịt đầy vào cái hồn của truyện".

Tháng 8 vừa qua, cô đã trở thành cô dâu trong một đám cưới tổ chức ở Jérusalem. Cô còn là thạc sĩ triết học

và đã từng có thời gian đứng lớp ở khoa Triết và Đạo đức ở Đại học Caen (Pháp). Gần đây, cô đã thực hiện xong một phim truyện ngắn, mở đầu cho một phim truyện dài tiếp theo sau mà kịch bản do cô đồng sáng tác với Gérard Brach, một kịch tác gia tài danh đã nhiều lần làm việc với đạo diễn người Ba Lan nổi tiếng thế giới từ những năm 70 là Roman Polanski. Phim truyện dài ấy có tựa đề là "La nuit de nocces" (Đêm tân hôn).

Đây không phải là đêm tân hôn của một đôi nam nữ bình thường vì hai nhân vật chính trong phim là ông Giuse và bà Maria, tức bố mẹ trần gian của Đức Giesu Kitô trong Đức tin của người Kitô giáo. Vai thánh Giuse và Đức mẹ Maria sẽ được giao cho tài tử Pháp Samuel Le Bihan và nữ diễn viên trẻ đẹp người Bỉ Isild Le Besco.

Theo cô, dùng những từ "tôn giáo", "giáo phái", "đức tin" để nói về Do Thái giáo là hoàn toàn chưa chuẩn xác, vì Do Thái giáo là một nền văn hoá rộng lớn hơn nhiều. Vì thế cô không hài lòng khi người ta gán cho cô cái nhãn "nhà văn tôn giáo" (écrivain religieux).

Trong 6 tháng trời, cô đã sống trong một khu phố Hồi giáo bảo thủ cực đoan nhất ở Jerusalem (Mea Sharim) để nghiên cứu và lấy chất liệu cho kịch bản phim Kadosh của đạo diễn Do Thái Amos Gitai thực hiện vào năm 1999. Cô kể lại: "Tôi đã đến sống trong một gia đình Do Thái có bảy cô gái. Hai cô gái lớn rất hạnh phúc khi được thành hôn với người đàn ông mà họ chỉ một lần trông thấy trên tấm ảnh". Cô cũng kể rằng tác phẩm đầu tay của cô, cuốn "L'or et la cendre" (Vàng và tro) đã được cô miệt mài ngày đêm viết nên trong thời gian sang New York học. "Thay vì soạn luận án tốt nghiệp, tôi lại viết tiểu thuyết. Lúc đầu chẳng có nhà xuất bản nào nhận in và phát hành. Khi nó được in (Nhà xuất bản Ramsay) thì cũng là lúc công ty xuất bản phải trải qua thời kỳ thanh lý tài sản" - cô cho biết thêm: 100.000 ấn bản "L'or et la cendre" đã được tiêu thụ nhưng cho đến nay cô vẫn chẳng nhận được một xu nào! Cùng trong một lúc, tôi đã có tất cả và mất tất cả. Lúc ấy tôi có cảm giác như mình vừa trúng số độc đắc, nhưng ngay sau đó lại đánh rớt mất tất cả vé số". ■

NGUYỄN VĂN TƯỜNG

KỶ NIỆM 180 NĂM NGÀY SINH NHÀ VĂN ĐÓT-XTÔI-ÉP-XKI

Tại Ta-lin (Extônia) lần đầu tiên, giải thưởng quốc tế hàng năm mang tên M.Ph.Đốt-xtôi-ép-xki nhân kỷ niệm 180 năm ngày sinh của ông đã được trao cho nhà văn Valentin Raxputin vì đã có đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển văn học Nga và trao cho giáo sư văn học Tei-rơ Cve-xtô vì sự nghiệp nghiên cứu dịch thuật và phổ biến văn học Nga ra nước ngoài.

Đốt-xtôi-ép-xki là tác giả của các kiệt tác văn học như: "Anh em Ca-ra-ma-dốp", "Tội ác và trừng phạt". Sinh thời, ông đã từng đến Ta-lin, tại đây có anh trai nhà văn cư trú. Ngôi nhà nơi nhà văn từng ở tại đây đã được đặt biển lưu niệm. Tại Ta-lin, cũng đang diễn ra những ngày văn học Đốt-xtôi-ép-xki với nhiều hoạt động phong phú, ghi nhận ảnh hưởng lớn của Đốt-xtôi-ép-xki đối với văn học Extônia.

Nhân dịp này tại Ta-lin cũng khai trương tượng đài Đốt-xtôi-ép-xki, món quà của Thành phố Mát-xcơ-va gửi tặng. Tượng đài đặt gần Trung tâm văn hoá Nga và ngôi nhà Đốt-xtôi-ép-xki từng sống.

TRAO GIẢI THƯỞNG GRAMMY LATINH

Tại thành phố Lốt Angiolét (Mỹ), danh sách các cá nhân được nhận giải thưởng GRAMMY Latinh 2001 đã được công bố. Giải thưởng dành cho album nhạc pop hay nhất giọng nữ đã được trao cho ca sĩ Critixina Aguilera với album mang tên "Mi Reflejo", nhưng thắng lợi lớn nhất đã thuộc về nam ca sĩ Tây Ban Nha Aléxhândrô Xan với 4 giải thưởng, trong đó có giải thưởng dành cho album nhạc Pop hay nhất giọng nam, bài hát hay nhất trong năm và đĩa hát hay nhất trong năm. ■

N.V.T

Số 52 (29 - 12 - 2001)

MỘT THỂ KỶ BIẾN PHÁP CỦA TRUNG QUỐC QUA TIỂU THUYẾT XUÂN NGUYỆT

VĂN CHINH

VĂN học Trung Quốc – một khu rừng nguyên sinh vĩ đại của văn minh nhân loại, luôn cân bằng trong khuynh hướng hiện thực. Nhờ vậy mà giờ đây người Trung Quốc có thể tự hào về sự rành mạch lịch sử của họ qua các tác phẩm của các văn sỹ tài thời nào cũng có. Chẳng hạn nếu không có Lỗ Tấn thì thật khó hình dung quá trình thức tỉnh của một dân tộc ngủ quên lâu trên vàng son dĩ vãng. Và, nếu như ở nửa đầu có Lỗ Tấn là một đỉnh thì đỉnh của nửa sau thế kỷ XX theo tôi, là nữ sỹ Bette Bao Lord – một nhà văn Mỹ gốc Hoa; nửa trước: nét tự thi u mê, nửa sau: sự nhìn nhận cam chịu ghê gớm của tính cách Hoa, nó cắt nghĩa toàn bộ ký tích cũng như bị kịch của dân tộc này. Do đặc điểm đất rộng người đông, Trung Quốc có một đồ biến động rất dày trong tiến trình văn minh, mỗi biến động lại chất chứa rất nhiều sự kiện kỳ lạ. Hơn một thế kỷ qua ở Trung Quốc có hai cuộc cách mạng dân chủ tư sản Tân Hợi và dân chủ nhân dân Kỳ Sửu, chính sử chỉ ghi vắn tắt thế, nhưng trên thực tế còn một cuộc cách mạng nữa có tên là *mở hay đóng cửa*, bắt đầu bằng bà Từ Hy thái hậu quyền biến và kết thúc bởi ông Đặng Tiểu Bình giải Nobel kinh tế. Lỗ Tấn là người trong cuộc của giai đoạn đầu còn Bette Bao Lord thuận tuý khách quan đối với toàn bộ diễn biến một thế kỷ. Bà rời Trung Quốc năm 1946, khi mới 8 tuổi, theo cha là đại sứ của chính phủ Trùng Khánh tại Hoa Kỳ. Sau 1949 bà bị nạn tại đây, học Luật và Ngoại giao ở Đại học Fletcher rồi lấy chồng, ông Winston Baord – một người Mỹ giảng dạy lịch sử Trung Quốc và là cố vấn của H.Kissinger. Ông bà có công đối với việc mở cánh cửa Trung Quốc sét rì cả ngàn năm mà triều đình Mãn Thanh chảy rất nhiều máu nhưng chưa mở nổi nên được Bắc Kinh biết đãi, cho về nước ngay khi cuộc Cách mạng văn hoá đến hồi văn trào, những bí hiểm của nó còn lấy lửa trên các nẻo dẫn về Tô Châu cổ hương. Đó chính là chuyến đi thực tế quý giá để rồi cùng với kỷ ức tuổi thơ, B.B. Lord làm nên kiệt tác Xuân Nguyệt. Nó từng là sách best seller ở Mỹ năm 1982 và đã được dịch ra 15 thứ tiếng, ra tiếng Việt năm 1989 và giờ đây được NXB Phụ nữ tái bản.

Tiểu thuyết Xuân Nguyệt mang tên nhân vật chính của nó trải dài gần hết chặng lịch sử chúng ta vừa nói tới. Xuân Nguyệt – trăng xuân – ẩn dụ một khát vọng của Trung Hoa từ lui tàn dĩ vãng vừa huy hoàng vừa độc đoán khủng khiếp bước ra để hoà nhập với văn minh nhân loại. Nàng sinh ra trong một dòng đại quý tộc mà cơ tầng xã hội không còn là thiết chế vững chắc bảo vệ cho nó, giữa một đồng các bà các cô vô công rồi nghề, giữa ông bố một sách và ông chú bác ăm ắp bởi uy quyền đặc lợi của mình suy giảm và bên cạnh ông nội từng là đại thần đang nằm bệnh trong đại tử đường với rất nhiều đồ thờ tế mang dấu tích oanh liệt. Ông nội – Tộc trưởng ốm yếu và tử đường đồ sộ là một tượng phản hủng vĩ – một trong những ẩn dụ quý hiếm và của văn chương đương đại. Những ẩn dụ như thế cứ trùng điệp trong Xuân Nguyệt. Khi ông nội mất, bác cả Mạnh Tài đang du học bên Mỹ phải về chịu tang và giữ vai trò tộc trưởng theo truyền thống nghiêm ngặt của dòng họ. Ông sớm ý thức được: "Chúng ta cứ nằm ngủ như một tên cu li nằm dưới một dòng suối nhớ bản, bị khinh ghét và đang hấp hối, nhưng vẫn mơ mộng mình làm vua và làm người hiền". Bấy năm học Mạnh Tài chất chứa trong đầu ngồn ngộn điều mới mẻ, so với ngàn năm giáo lý và tập quán văn chưa thấm vào đâu, nhưng đối với cô cháu Xuân Nguyệt thì chừng đó cũng đủ làm cho nàng – một đứa trẻ hiếu động và đa cảm, vốn bị ngâm trong ủa tàn dĩ vãng đã nảy nở bao nhiêu khát vọng. Với Mạnh Tài, Xuân Nguyệt hiểu là ngoài còn trời có trời nữa, bao la hơn, mới lạ hơn. Đó chính là động lực để nàng mê mẩn bên bác, cùng bác làm cải cách trong điển trang cho đến khi chính nàng lại trở thành một động lực khiến ông bác hằng hải hân. Quan hệ bác cháu phức tạp, có cả ruột thịt, cả giới tính nhưng hình như nhà văn yêu đất

nước đến đắm đuối, đã hình dung Trung Hoa của bà qua nàng Xuân Nguyệt đẹp và đa cảm, nó rất xứng đáng bằng mọi giá để có cuộc canh tân.

Nếu như phẩm chất cơ bản của nhân vật tiểu thuyết là tính mâu thuẫn giữa ý tưởng và tập quán, giữa tình cảm và lẽ phải thông thường – nó làm nên vóc dáng, nên cái thật như con người không bao giờ đơn giản; thì Xuân Nguyệt và Mạnh Tài hội đủ phẩm chất ấy. Yêu quý cháu gái, rất hiểu cháu gái là giàu khát vọng đổi thay nhưng Mạnh Tài lại gả cháu cho một người dòng dõi thế gia với sự nghiêm khắc của lễ thời cổ còn nguyên đại nguyên kiên. Bởi ông hiểu giữa mới và cũ ở Trung Quốc là một trận chiến trăm năm mà đời người thì ngắn và đời hỏi nhiều cụ thể hằng ngày. Đây cũng chính là nguyên nhân để Trung Quốc "bước đi mỗi bước lâu lâu lại đứng". Thế rồi cảm thấy cô vợ đẹp của mình đang hướng trái tim về phía khác, Phúc Hứa vốn là bạn của Mạnh Tài, chàng đã khát vọng thay đổi và đã thất vọng, thả tâm hồn chân nân của chàng theo hồi kin và xông pha trường đời rồi chết trận, để lại cho vợ đứa con gái dường như không được ai trong nhà ông quan tâm yêu quý. Đây sẽ là phục tuyền kỳ lưỡng để cô con gái nhà đại gia Ánh Ngọc lớn lên theo Bát lộ quân trong cuộc vận lý trường chinh. Trong bối cảnh gia đình phiêu tán, đất nước rối ren tạo loạn Xuân Nguyệt về ở Thượng Hải với bác Mạnh Tài. Tại đây, mỗi tình non trẻ nhuộm lên từ LƯA MÙA XUÂN từng kim nén trong NHỮNG ĐỒNG TRO TÀN của biến động xã hội và ranh giới đạo lý lại được bùng cháy trở lại trong RƯỢU MÙA HÈ – trong khung cảnh nhiều nhưng mấp mé giữa sống và chết, giữa tình yêu, niềm khát vọng sống, khát vọng cách tân hoà trộn chín muồi và một bên là đạo lý lòng lẻo mà cả ông bác cả nàng Xuân Nguyệt từng cố níu kéo nên đã khiến nàng bất hạnh, họ ngã vào nhau, đứa con loạn luân oan nghiệt ra đời. Vĩnh Hứa được gửi nuôi trong dân gian, rồi sau đó được gửi sang Mỹ du học. Nếu như phẩm chất của nhân vật là mâu thuẫn giữa số phận và khát vọng, thì phẩm chất của tiểu thuyết nằm ở tính tất yếu của tuyên truyền mà các nhà lý luận quen gọi là chân lý nghệ thuật. Người sinh ra có đuôi lợn là bia đặt, nhưng thoái hoá do căn huyết là một thực tế, trong làng Macondo dù lớn hay nhỏ nếu khép kín tất yếu có loạn luân. Nhưng nếu cái đuôi lợn ở Macondo lý giải quá trình nổi loạn của cái cô đơn bị kiểm toả, thì ở Vĩnh Hứa lại dựa con bí mật của khát khao thay đổi, là sự vùng vẫy của số phận trước buổi suy tàn của chế độ phong kiến lỗi thời, sẽ tàn lụi nhưng hiện thời thì chưa. Xin hãy lưu ý giọng văn chậm rãi luẩn quẩn đến sứt ruột của B.B. Lord, rất may là nó rất đẹp, nhiều chỗ đến lòng lay: "...những giọt nước mắt trào ra từ đôi mắt của bà – giọt non tiếp theo giọt kia, mỗi giọt đều rất lễ phép đợi đến lượt mình để nhỏ xuống". Châu tuần quanh cặp nhân vật chính giữ vai trò xương sống của tư tưởng nhà văn là những chùm nhân vật phụ, họ từ các số phận khác nhau mà đến với, mà chịu chung với số phận dân tộc. Câu văn vừa dẫn tả giọt nước mắt của bà Bình Minh, vợ ba Lão Trương, xuất thân bình dân, làm lễ khi 16 tuổi, góa chồng lúc chưa đến 40, con trai duy nhất Quý Tài thì hôn và xác đều gửi ngoài trận mạc, không biết rồi ra có ai thấp nén hương trên ngôi mộ của mình chăng. Nhưng ta không hề nghe bà rên rầm, không nghe được đến cả một câu cảm thán, một tình thần nin nhin gần như bẩm sinh. Chính sức mạnh của sự nin nhin cam chịu đã làm nên vận lý trường thành, nhưng cũng nó là cơ tầng xã hội yên ổn để văn minh Hoa Hạ có được giấc ngủ dài trong tư mẫn, một nguyên nhân dai dẳng của tụt hậu. Tiếng đại bác của liên quân tám nước bắn vào cánh cửa tự mẫn đã đánh thức Trung Quốc và phản ứng đầu tiên cũng rất tất yếu là bà Từ Hy thái hậu ra lệnh đóng cửa lại. Dẫn dắt bà ta ý thức được cần phải mở cửa mới cứu vãn nổi Trung Quốc và đã ra lệnh mở. Nhưng rồi sự khôn ngoan ích kỷ của triều đình – các ông đại thần chỉ có mớ giáo lý quá

đắt làm vốn kinh doanh trên lưng của số đông im lặng đã lại bà đi đến chỗ đóng cửa lại. Cái chết bí ẩn của vua Quang Tự con bà, của những Vũ Phúc Hứa, Quý Tài... có thể coi là ngón tay kẹp giữa những lần đóng mở vội vàng của cánh cửa Trung Hoa. Nó, cùng với hàng triệu nhà cách mạng bị phê đầu trong cách mạng văn hoá sau này đã lấy máu của mình bôi trơn bản lề lịch sử. Hình như khi nhận giải Noben, ông Đặng Tiểu Bình đã quên không nhắc tới và cảm ơn họ dù rằng ông đã cảm ơn nhân dân Trung Quốc nói chung? Bette Bao Lord không là nan nhân trực tiếp, nhưng có người Hoa nào không bị bão của cách mạng văn hoá cuốn đi một thứ gì đó? Có điều là bà đã nhìn nó, đặt nó trong cả tiến trình để nhìn ra được tính tất yếu cũng như cái giá phải trả, trả một lần hoặc trả góp thì cũng thế, cho Trung Quốc hôm nay của bà. Điều ấy cắt nghĩa những trang bà miêu tả vợ chồng Ánh Ngọc trong lao tù oan khuất và cực nhục bằng lời văn thấm đẫm nước mắt, từng chữ đều xót xa nhưng không có mấy may cay động hận thù như có lúc có nơi trong cơn lữ quét văn học cái cách của nước này. Thái độ lễ phép trước thực tế khách quan là một phẩm chất của nhà văn lớn, nó giúp tác phẩm nghệ thuật còn lại sau mọi biến thiên làm cho sự vật hiện ra đúng là nó: Ánh Ngọc đã theo Vận lý trường chinh, làm phải viên bên cạnh Chu Ân Lai tại Trùng Khánh khi Quốc Cộng lập mặt trận liên quân chống Nhật, cùng ông trên Lễ đài Thiên An Môn, đi Paris phiên dịch cho Lưu Thiếu Kỳ... Chồng cô là Quyết Chí vốn là tá điền của họ Trương, được Mạnh Tài vỗ lòng cho về cách mạng, sau trở thành một đảng viên quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Thế rồi họ đều là "xét lại hiện đại", là "phái hữu" tay sai đế quốc... Nhưng không có lấy nửa lời bi lụy từ miệng họ. "Hai đứa đã thận trọng chờ vài phút sau 12 giờ đêm ngày 27-12, không tự sát đúng vào ngày sinh của vị Chủ tịch để khỏi liên lụy đến gia đình". Đó là lời bà Xuân Nguyệt kể với em trai Vĩnh Hứa (thực ra ra là con bà) khi anh về nước, khi: "Trên một sườn đồi thoải thoải ở ngoại vi Tô Châu, cỏ dại đã mọc cao, những nắm cỏ bị bỏ mặc, đá xây đã vỡ và nằm rải rác đó đây". Ông đã đi qua những ánh mắt thù địch và cả sự phỉ nhổ cái vẻ ngoại quốc ở ông, đến nỗi ông không còn chắc bà chị Xuân Nguyệt của mình có dám nhận mình như một người ruột thịt. Nhưng Xuân Nguyệt đã nhận ông, Trung Quốc đã nhận ông dù cho đến phút ly biệt bà không dám để lộ thân phận mình, bà cũng như Trung Quốc của bà đã phải quên đi nhiều điều. Đoạn kết của tiểu thuyết nên lại đến ngọt ngào, phải cao cường lắm mới không để cho cảm xúc cuốn trôi ngòi bút vào bức xúc nhất thời, mới nên được cảm xúc người đọc để nó tự vỡ oà vào lúc buông sách và cuốn họ chìm vào đề mê nghệ thuật, vào thế giới Trung Hoa nguyên vẹn bí ẩn nhưng mừng mảy khoái cảm thẩm mỹ.

Bette Bao Lord nhớ lại cảm xúc của mình năm 35 tuổi khi bà quy cố hương: "Linh hồn của Xuân Nguyệt sống lại trong chuyến đi này, đã vượt lên trên các tiêu đề trên báo, lên trên các khẩu hiệu, lên trên các giá trị tinh thần của phương Tây, cái hồ sâu ngàn cách về văn hoá, sự cô lập và hàng rào ngôn ngữ để đi vào trái tim khối óc của gia tộc tôi (...). Bấy giờ cái cốc của tôi đã nửa đầy, nửa vơi. Tôi sẵn sàng nhập mình vào cảnh sắc của đất nước Trung Hoa". Từng chữ từng ý tưởng của tiểu thuyết Xuân Nguyệt đã ngân lên, đã thấm đẫm tình yêu ấy, nhưng do được viết bởi bút pháp bác thầy, nó vẫn trần ra khỏi cái bày cảm tình, sống một đời sống khách quan của hình tượng nghệ thuật. Cuốn sách, do đó, có giá trị như một khúc tượng niệm mặc dù nó nói về một thế kỷ nhiều biến động, nhiều máu và nước mắt trong đó có máu của anh hùng và nước mắt mỹ nhân. ■

SẼ là một thiếu sót nếu chúng ta bỏ qua mảng văn học thiếu nhi khi nói đến nền văn học đương đại Na Uy.

Như Nordahl Rolfsen đã từng nói: "Ban phải luôn đi tìm những chất liệu và phong cách trẻ thơ đầy thi vị... Thiếu nhi không chỉ mơ ước được vui chơi, các em mong muốn được cảm nhận, được tưởng tượng, được nuôi dưỡng và được trưởng thành toàn diện. Đó chính là khát khao rất đời trẻ thơ... Ban phải tự mình khám phá con đường dẫn đến trái tim các em".

Năm 1990, khi tác giả người Na Uy Tormod Haugen nhận giải thưởng quốc tế lớn nhất (Hans Christian Andersen) về thể loại văn học này thì một năm sau đó, Jostein Gaarder, tác giả của cuốn "Sophia's World (Thế giới của Sophie)" đã mở đầu rất nhiều giải thưởng văn học và những kỷ lục bán chạy. Chính hai sự kiện trên đã làm Na Uy trở nên nổi bật trên bản đồ văn học thế giới.

Văn học Na Uy với các tên tuổi lớn ở thập kỷ 70 như nhà thơ Einar Okland (1940-) nhà văn theo phong cách hình

VĂN HỌC THIẾU NHI NA UY

tượng Tor Ege Bringsværd (1939 -) và nhà văn Tormod Haugen (1945 -) đã đóng góp nhiều cho nền văn học thế giới. Văn học Na Uy những năm 70 và 80 đều tập trung ca ngợi tình yêu trẻ thơ - tư tưởng mới xuất phát từ xã hội đương thời và đã ăn sâu vào phong cách viết hiện đại.

Mảng thơ ca và truyện tranh cũng rất đa dạng. Thơ ca kết hợp với hình ảnh minh hoạ sinh động đã tạo nên một loại truyện tranh độc đáo. Trong tác phẩm "The Blue people and the Caramel Factory" (Người da xanh và nhà máy Caramel), Tor Ege Bringsværd đã kết hợp kể chuyện dân gian với hình ảnh minh hoạ để nhắc nhở trẻ em có ý thức hơn về môi trường xung quanh mình.

Đầu những năm 70, Tormod Haugen đã gây một tiếng vang lớn về thể loại truyện thiếu nhi với những tình huống khó xử của trẻ nhỏ mà người lớn không hiểu hết. Từ tác phẩm "The night birds" (Chim ăn đêm) được viết năm 1975 đến "A

Screaming the Jungle" (Tiếng kêu trong rừng) năm 1989, ông đã được trao Giải thưởng H.C.Andersen. Haugen là người đi tiên phong trong trào lưu văn học chủ nghĩa hiện thực viết cho thiếu nhi của Na Uy.

Chủ đề truyền thống đã làm nên tiền đề cho những cuốn truyện trình thám đấ phiêu lưu dành cho cả trẻ em và người lớn. Torill Thorstad Hauger (1943 -) đã khai thác hai chủ đề hoàn toàn khác biệt là thời đại cướp biển và sự di dân tới châu Mỹ trong thập niên 80 và Mette Mewth (1942 -) đã xoáy sâu vào cuộc sống đầy những bất công và thương tâm giáng xuống người dân bản xứ vùng đất ở Greenland.

Với sự trưởng thành về mặt chất và lượng, vào những năm 70 và 80, nền văn học dành cho trẻ em và giới trẻ những năm 90 tiếp tục phát huy tính đa dạng trong các thể loại. Sự xen kẽ giữa dòng văn học viết cho thiếu nhi và người lớn đã tạo nên tính đặc sắc cho thời kỳ này. Thế

loại truyện người thật việc thật dành cho trẻ em bắt đầu phát triển và được bản trần ngập trên thị trường. Hai tác phẩm thu hút sự chú ý bần về nghệ thuật trải nghiệm "Anne's art adventure" (Cuộc phiêu lưu nghệ thuật của Anne) xuất bản năm 1993 của Bjørn Sortland (1968 -) và Lars Elling (1966 -) và tác phẩm "Hunt for the Truth" (Săn lùng sự thật) của Eirik Newth xuất bản năm 1996 bản về lịch sử ngành khoa học.

Bên cạnh đó, xu hướng mới về những câu chuyện mang nội dung giáo dục nhằm kết hợp khéo léo hiện thực với tưởng tượng. Điển hình là tác phẩm thành công nhất trong lịch sử văn học Na Uy "Thế giới của Sophie" của Jostein Gaarder, một cuốn tiểu thuyết về lịch sử triết học. Cuốn sách này đã được dịch ra tiếng Việt năm 1998. Chính Gaarder từng tự nhận mình là một sản phẩm tự nhiên của nền văn học Na Uy - một nền văn học vẫn luôn mang lại cho trẻ em những nguồn sách phong phú. ■

GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG NĂM 1921

E.A.Karlfeldt, Thư ký thường trực Viện Hàn lâm Thụy Điển.



FRANCE, ANATOLE FRANCOIS (Jacques Anatole Thibault), nhà văn Pháp (1844-1924). Sinh tại Paris, con một người bán sách có tư tưởng bảo thủ. Là người hiếu học và thông minh, đã từng làm báo, xuất bản sách trước khi trở thành nhà văn chuyên nghiệp. Năm 1883, France gả bà Arman de Caillavet, một phụ nữ thông minh, có quan hệ với nhiều bạn bè là những nhân vật hoạt động chính trị và xã hội hàng đầu lúc bấy giờ. Bà là người bạn suốt đời của France, đã đồng viết và làm việc để đem lại tiếng tăm cho ông. Mất tại Tours. Năm 1895, được nhân Bắc đầu bội tinh; được bầu làm thành viên của Viện Hàn lâm Pháp năm 1896. France chủ trương cổ điển, viết văn trong sáng, nhẹ nhàng trau chuốt.

Được trao giải Nobel văn học năm 1921.

Tác phẩm chính: *Thaïs* (1890); *Bông huê đỏ* (1894), *Cái giếng của thánh Clair* (1895), *Đảo Penguin* (1908), *Thiên thần nổi loạn* (1914), *Chú nhỏ Pierre* (1918), *Tiểu sử Jeanne d'Arc*.

ANATOLE France không còn trẻ trung gì vào năm 1881 khi ông giành được sự mến mộ của giới văn học ở Pháp và tiếp đó là trên toàn thế giới văn minh với tác phẩm kỳ lạ của ông, *Le Crime de Sylvestre Bonnard* (*Tội ác của Sylvestre Bonnard*). Đứng sau ông là một chuỗi dài những năm tháng trầm lặng không màng đến tiếng tăm.

Ngôi sao của nhà thơ dường như được chiếu sáng lần đầu tiên trong chòm sao chói lọi mang tên Anatole France. Trong thư viện cũ kỹ của vị cha đáng kính của ông, giữa đám bụi cao quý của những cuốn sách cũ, ông nhanh chóng thấy khao khát tri thức. Cửa hàng sách này, mà bằng hiệu đầy kiêu hãnh "Aux Armes de France" đã gợi hứng cho cả hai cha con đến nỗi họ lấy làm bút danh, là nơi những nhà sưu tập và người mê sách thường lui tới để xem những báu vật mà nhà sách vừa có, cũng như để bàn luận về các tác giả và ấn phẩm. Bằng cách đó, chàng trai trẻ Anatole, luôn là người biết lắng nghe, đã được dẫn vào thế giới huyền bí của học thức uyên bác, một cuộc kiếm tìm mà ông cho là thú vị cao cả nhất của một cuộc sống yên bình. Tôi thích cuộc trò chuyện của chúng hơn là cuộc trò chuyện của con người. Tôi đã tìm thấy rất nhiều cách sống, và tôi cho rằng cách tốt nhất là hiến mình cho học tập, lắng nghe bảo phần mình giữa những thăng trầm đau bể của cuộc đời, và kéo dài những tháng ngày ngắn ngủi của ta bằng cách chiêm quan (sự luân phiên của) các thế kỷ và các đế chế. Tình yêu dành cho công việc trí tuệ là một đặc tính cơ bản trong niềm tin

tôn giáo của riêng Anatole France, và cũng như Tu viện trưởng của ông, ông thích từ tằm cao của tháp ngà tri thức và tư tưởng hướng cái nhìn vào những thời đại và đất nước xa xôi. Ông mải mai thực tại và hiến mình vào quá khứ.

Ngôn ngữ mà ông góp sức hình thành là một trong những ngôn ngữ cao quý nhất; tiếng Pháp là đứa con được ưu ái nhất của tiếng mẹ đẻ La tinh. Nó từng là công cụ trong tay những bậc thầy vĩ đại nhất. Lúc trang trọng, lúc vui tươi, nó có cả sự thanh bình và quyền rũ, sức mạnh và gai điệu. Nhiều lúc, France gọi nó là ngôn ngữ đẹp nhất trên trái đất và không tiếc lời gọi nó bằng những từ ngữ triu mến nhất như với một người đàn bà yêu dấu. Dầu vậy, là một đứa con đích thực của những thời đại cổ xưa, ông mong nó (tiếng Pháp) giản dị hơn, "nhà tinh" (1) hơn. Ông là một nghệ sĩ, dĩ nhiên là một trong những nghệ sĩ vĩ đại nhất, nhưng nghệ thuật của ông là nhằm giữ cho ngôn ngữ của ông, qua việc tinh lọc nghiêm khắc, càng đơn giản đồng thời càng đắt càng tốt.

Trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng *Thaïs* (1890), nhà văn nhiệt thành thâm nhập vào thế giới Ai cập vào cái thời Cơ đốc giáo khổ hạnh đang tàn hại những người sống sót bạc nhược cuối cùng của văn minh Hy Lạp. Khổ hạnh và khoái lạc đều đạt tới tột đỉnh ở đây, những lễ nghi huyền bí và niềm ngất ngây thẩm mỹ bên nhau cùng nở rộ, hóa thân các thiên thần và ác quỷ xúm quanh các Đức cha Nhà thờ và các triết gia tân Hy Lạp để tranh luận về tâm hồn con người. Câu chuyện chìm đắm trong sự hư vô về đạo đức của thời đại đó, nhưng cũng có

những áng văn đẹp chẳng hạn những đoạn mô tả tuyệt diệu về nỗi cô đơn của sa mạc nơi những nhà tu ẩn dật thuyết giảng từ trên đỉnh cột hay gặp những cơn ác mộng trong nhà mồ các xác ướp. Tuy nhiên ta phải xếp *La Révolte de la Reine Pédaque* (1893) (*Hiệu thị quay Hoàng hậu Pédaque*, bản dịch tiếng Anh "At the Sign of Queen Pédaque", *Nơi bằng hiệu Hoàng hậu Pédaque*) lên hàng đầu trong các tiểu thuyết của Anatole France. Chính ở đây ông đã khắc họa một nhóm nhân vật như sống thật, là hoa trái từ nhiên hay hợp logic của tư duy ông, với thế giới riêng đầy màu sắc của họ. Tu viện trưởng Coignard sống động đến nỗi ta có thể nghiên cứu ông ta như một nhân vật có thật vốn chỉ biểu lộ toàn bộ sự phức tạp của mình một khi ta xâm nhập được vào cõi riêng của ông. Có lẽ nhiều người khác cũng có cảm nhận này như tôi.

Thụy Điển không thể quên món nợ mà, cũng như một nước khác của thế giới văn minh, đất nước này chịu ơn từ nền văn minh Pháp. Trước kia, người Thụy điển chúng tôi nhận được những món quà hào phóng của Chủ nghĩa Cổ điển Pháp giống như mùa gặt và hoa trái thơm ngon của thời cổ xưa. Nếu không có chúng, giờ đây chúng tôi ở đâu? Đó là điều chúng tôi phải hỏi chính mình ngay nay. Trong thời đại chúng ta, Anatole France đã là đại diện chính đáng nhất của nền văn minh đó, ông là người cuối cùng trong những nhà cổ điển vĩ đại. Thậm chí, ông còn được gọi là người châu Âu cuối cùng. Và quả thật, trong thời đại mà chủ nghĩa sô vanh, thú vị thức hệ tội lỗi nhất và ngu xuẩn nhất, muốn dùng

đồng đồ nát từ sự đại hủy diệt vừa qua (ý nói Thế chiến thứ nhất, ND) để xây lên những bức tường mới ngăn cản sự tự do trao đổi tri thức giữa những con người, giọng nói sáng đẹp của ông cất cao hơn giọng những người khác, buộc con người hải hiệu rằng họ cần đến nhau. Thông minh, sắc sảo và đôn hậu, người tráng sĩ không hề biết sợ này là chiến sĩ xuất sắc nhất trong cuộc chiến tranh cao cả và không ngừng nghỉ của văn minh chống lại dã man. Ông là thống chế của nước Pháp vào thời đại vinh quang khi Corneille và Racine sáng tạo nên những anh hùng của mình.

Hôm nay, ở xứ sở nguồn gốc Germain cổ kính này, khi trao giải thưởng tâm cơ thế giới của các nhà thơ cho nhà nghệ sĩ bậc thầy nước Pháp này, người tôi tổ trung thành của sự thật và cái đẹp, kẻ kết thừa chủ nghĩa nhân đạo, người nối dõi những Rabelais, Montaigne, Voltaire, Renan, chúng ta nghĩ về những lời ông từng nói dưới chân tượng Renan trong đó chứa đựng trọn vẹn lời tuyên xưng đức tin của ông: "Châm nhưng chắc chắn, tình người biến thành hiện thực giấc mơ của các hiền nhân".

Thưa Ngài Anatole France! Ngài đã thừa hưởng cái công cụ đáng khâm phục đó: ngôn ngữ Pháp, ngôn ngữ của một dân tộc cao quý và cổ điển, được giữ gìn trân quý bởi Viện Hàn lâm nổi tiếng mà bởi có Ngài lại càng thêm rạng danh, được Viện Hàn lâm đó duy trì trong sự thanh khiết đáng ghen tị. Ngài có cái công cụ kỳ diệu sắc bén, xuyên suốt đó, và trong tay Ngài, nó mang một vẻ đẹp lấp lánh. Ngài đã dùng nó một cách tài tình để tạo ra những kiệt tác rất Pháp trong phong cách và sự tinh tế. Nhưng không chỉ nghệ thuật của Ngài mà hoặc chúng tôi: chúng tôi cũng kính trọng thiên tài sáng tạo của Ngài, và chúng tôi bị thuyết phục bởi trái tim đôn hậu, giàu trắc ẩn biểu lộ qua rất nhiều những trang viết kỳ diệu của Ngài. ■

TÂN ĐÓN và TRẦN TIẾN CAO ĐĂNG dịch

(1) Nguyên văn tiếng La tinh: simplex munditiis, có thể hiểu là "giản dị thanh lịch" (elegant simplicity), khái niệm được nhà thơ lớn La mã Horace đặt ra làm quy phạm cho sự tinh tế tột bậc của thị hiếu thẩm mỹ.

CON BÒ CỦA...

(Tiếp theo trang 6)

đuổi nó cong lên cảm kích, rồi từng cục ghèn, lẫn nước mắt chảy ra, nó khóc. Không phải khóc bằng mồm mà khóc bằng trái tim mầu đỏ của nó.

Ông đưa tay sờ khắp người, phát hiện ra một vết loét dưới bụng, ruồi nhặng bám đầy, đuổi không được, chúng cứ lì lợm lẫn vào, khiến ông phải cau gắt chửi đổng.

Một ông lái thấy lạ đến gần hỏi:

- Con bò này trước đây là của bác?

- Phải - nó lang trần - Ông chỉ vào đầu - Bác dắt nó đến đây bán thịt à?

- Phải! Tôi giao bán cho ông ích trong làng - Rồi ông ta nói với con bò - Từ biệt chủ mày lần cuối đi. Hân huyên vậy là đủ.

- Khoan! - Tôi muốn điều này... Điều này... Ông hãy thương tôi, thương nó.

- Điều gì! Được thôi! Ta đi vào làng, uống nước nói chuyện.

Trời xẩm tối, bà mẹ giục con gái bật đèn, dọn cơm. Cô gái hỏi lại:

- Hai hôm rồi. Sao bố về muộn thế mẹ nhỉ?

- Mong làm gì? Bố mày tính đoảng hay là cà. Gì thì gì, tối nay cũng phải về.

Lời mẹ nói, làm con gái yên tâm hơn. Cô dõi mắt ra phía đường cái xa xa, phát hiện ra một bóng nâu nâu, trắng trắng. Một lúc sau, cô reo lên:

- Bố kia! Đứng bố rồi mẹ à!

Cô sung sướng vì đã nhìn thấy bố trước, mắt vẫn chăm chú theo dõi:

- Bố đi với ai nữa, mẹ à, bóng hai người - à... Mà không phải mẹ ơi! - Một con bò, con bò.

Bà mẹ vẫn dán mắt nhìn, và cố đón đợi... Khi ông cùng con bò lộp cộp bước vào sân thì đã hai năm rưỡi. Cô gái chạy ra đón và reo lên:

- Trời! Con bò lang trần cũ mẹ ơi!

Bấy giờ, bà mẹ mới sững sốt thật sự, nhưng cố phớt lờ, nói lảng đi.

- Còn vãi của con nó đâu? Và các thứ khác nữa. Mà cái của nợ này ông còn nước về đây làm gì! Khốn khổ!

Ông ảm à ảm ứ, lúng búng như gà mắc tóc, nói chà thành câu. Còn, con bò chẳng biết mề tề gì, chỉ phờn chí, đi vòng quanh sân một vòng, nghiêng ngó. Khi đến cái chuồng cũ, nó dừng lại rống lên mấy tiếng, rồi hít hít xung quanh, mặc hai mẹ con đang dồn ép chủ nó hàng tràng câu hỏi. Chủ nó rối trí, ngồi sụp xuống bậc thềm, lặng im, vô đầu, tay đỡ cằm lấy cái cằm cho chòm râu khỏi cựa quậy.

- Bối bối ơi! - Con gái nói khi quan sát kỹ con bò trở ra - Bố lẩn thẩn quá chừng, con không thể hiểu nổi.

- Ừ dễ thế thật. Lúc đó bố như người u mê. Nhưng gì thì gì, cũng phải cứu lấy nó, trả ơn nó chứ con! Khốn nỗi, cái lão lái trâu ấy, sắc canh quả, nói mãi lão mới cho chuộc, nên phải cái giá hơi đắt. Thật thà cũng thế lái trâu mà. Còn vãi vốc, các thứ của con, tuần tới thằng anh mày sẽ mang về, vì bố tay xách nách ôm, một lúc sao xuể. Chà chà! Bao nhiêu thứ, một bọc tướng.

Ấy là ông nói dối con. Vì tiền nông đã trút hết vào việc chuộc con bò. Hôm sau ông cũng không ra tỉnh, mà ở lại một ngày, chăm sóc vuốt ve nó. Cơm nước đã có ông lách chèo đãi.

Ông nói nhiều, mà con gái vẫn đứng im, tay bấu chặt bờ tường hoa, ngơ vức. Bà mẹ thông cảm, xen vào, can ngăn:

- Thôi mà con! Sự thế đã thế, thì phải thế! Không lăm mồm nữa. Giàu con út khổ con út, rồi bố mày khắc liều. Đời mày còn dài. Còn khối ngày ra tỉnh. Còn con bò này, gầy nhang, thì chà mấy nữa, sắp đến ngày tận số. Nói làm, thêm bực mình. Dăm ba chén rượu vào là lú lẩn, ruột để ngoài da hết.

Trăm lời búa rìu, ông để cả ngoài tai, vào mâm cơm, cố nuốt trôi mấy miếng, rồi lẩn dưng ra giường, xả cho hết cái mệt mỏi, lẩn dưng trong mấy ngày.

Nằm trên giường, ông trần trọc, thờ dãi. Ông cố nhắm mắt và chỉ chớp được một tý, rồi ngồi dậy, vô đầu, lát sau lặng lẽ ra chuồng. Con bò biết ông đến thăm hỏi, vội vươn cổ, nhai mồm, thè lưỡi liếm bàn tay ông. Ông

sờ vào cái chỗ đau loét của nó, làm nó sợ, vội chồm ngổm đứng dậy.

Con bò nhe răng. Nó cười hay cảm ơn đây. Ông nói với nó: "Thế là hết cả đức buốt, mày sẽ ngủ yên một giấc đến sáng con à! Thôi, nằm xuống ngủ đi, không liếm láp nữa, thuốc độc đấy, nguy hại lắm. Mai sẽ có cỏ non cỏ xanh, cỏ ngọt cho mày ăn".

Sáng hôm sau, ông dậy sớm pha chế một loại thuốc mỡ gia truyền ông học được, trộn với ít thuốc sâu, liều lượng thấp, bôi vào chỗ vết thương của nó, trước khi mặt trời mọc.

Tay cầm thuốc, chân bước vào chuồng nhìn con bò đang nằm, ông bảo:

- Đứng yên nào, tao bôi thuốc cho. Vài lần là khỏi con à! Nào, nào! Dậy đi con.

Nhưng lòng ông bỗng nhũn ra, bởi con bò không bao giờ dậy nữa. Hàm răng trên của nó nhè ra, cắn chặt lấy lưỡi, miệng ứ máu và sùi bọt mép. Nó tự vẫn, đích thị là nó tự vẫn! Có lẽ cả đêm qua, nó quằn quại với cái chết. Thuốc sâu đi-từ-rich, nó liếm sạch, nhưng liều nhẹ, không đủ làm đứt ruột. À! Mà nơi hàm dưới sưng vù lên này! Phải chăng mày đã dùng sức mạnh cái đầu, nhả vào cái then gỗ cái ngang chốt, đánh mạnh, cực mạnh vào chỗ hàm dưới, để cả hai hàm nghiền đứt cái lưỡi. Mày chết! Biết tìm chỗ mà chết! Khôn thiêng vậy ư con! Nhưng đã về với tao thì còn lo nỗi gì? Khó nghĩ quá! Hay mày sợ khổ? Vô lý! Hay mày quyết từ biệt cuộc đời này, để cho tao nhẹ gánh, cho tao khỏi ung đầu, khỏi bị búa rìu cả nhà bổ vào đầu tao, rầy la, trách cứ tao, suốt cả đêm, để không tròn giấc ngủ.

Trời! Vậy ư con?

Ông bước đến gần nó, sờ vào bộ ngực, thấy không còn động đậy nữa. Cái yếm mỏng cũng nằm im, tề buốt cứng đờ. Phía dưới tấm thân gầy, ri nước vàng, lẫn máu. Những đân kiến đen đỏ, bầu quanh xôn rợn, kéo đến mỗi lúc một nhiều. Ông mở to mắt nhìn mà thấy bất lực. Và lòng ông lúc này cũng như tan ra từng mảnh, từng mảnh. ■

T.N.C

NGUYỄN BẢN

NÓI đến bản sắc Việt Nam, trước hết tôi xin trở lại hàm răng đen. Tôi nói trở lại vì từ lâu không ai nói tới nữa, và thật ra tôi đã đụng đến nó trong một bài viết trên tờ *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh* cách đây sáu năm. Hàm răng đen, một nét văn hoá truyền thống, đã từng đi vào ca dao, văn thơ dân tộc một thời, đã từng là nét đẹp của thiếu nữ Việt Nam, đã từng tồn tại hàng nghìn năm lịch sử, cùng với lịch sử trầu cau, nét đặc trưng của phong tục Việt Nam, thể giới hình như không nước nào có, nhìn một thiếu nữ có hàm răng đen lạnh, đều tăm và lấp lánh như những hạt na, người ta biết ngay đó là thiếu nữ Việt Nam, không thể lẫn vào bất cứ ai khác, ấy vậy mà nó đã mai một, mai một một cách hỗn nhiên, đẹp đẽ, không cần ai can thiệp, cũng không ai níu kéo, và nếu có đem thâm dò ý kiến, chắc hẳn trăm phần trăm sẽ cho là đáng mừng, không có gì đáng tiếc.

Cùng với sự mai một ấy, là hàng loạt những sự mai một khác của những phong tục cổ hủ về tang ma, cưới xin giỗ tết v.v... và cũng đều là đáng mừng cả.

Chồng cô, vợ cậu, chồng dì, cả ba thứ ấy ắt thì không tang... giờ đây, người ta không lo phải tham khảo sách Thọ Mai, sợ cô điều thất thổ, sợ bị chê cười. Đại tang, cũng không còn đội khăn bằng be chuối, quần rơm, áo xô gai, đi chân đất, những tang lễ tôn nghiêm đều thường dùng màu đen, màu tang chung của thế giới.

Đám cưới không còn lễ tơ hồng tạ ơn ông tơ bà nguyệt, mà chủ yếu đã qua sự kiểm tra sự rung động của con tim, và sự ổn định cuộc mưu sinh sau khi cưới. Ngày xưa, ngày nhị hỉ, sau đêm tân hôn, nhà trai mang đến nhà gái một con lợn luộc hoặc lợn quay, nếu không may nhà trai xẻo tai lợn, tức con lợn đã mất tai, nhà gái sẽ ăn không ngon ngủ không yên, lo chuyện rước con gái về nhà. Giờ đây, rất nhiều tai lợn được thái mỏng tang, ròn rau rầu, trong những đĩa nộm chua, cay, ngọt các nhà hàng đặc sản, nếu còn tục lệ ấy, qua cũng đáng lo.

Rất nhiều, rất nhiều điều trên các lĩnh vực phong tục tập quán văn hoá nói chung, đã tuân theo quy luật phát triển tự nhiên, giao lưu học hỏi cái hay, cái đẹp và đào thải cái không còn thích hợp, cái dở.

Trở lại hàm răng đen, nó tồn tại rất lâu hẳn có lý của nó. *Cái gì tồn tại, cái ấy có lý.* Cái hạt nhân duy lý đó của Hegel xem ra vẫn đúng ở đây. Cái lớp sơn đen bằng thảo mộc tự nhiên, qua kinh nghiệm thực tế, chắc hẳn có tác dụng bảo vệ răng trước khi được tòn lên thành một nét đẹp. Nhưng chiếc bàn chải răng và xà phòng rồi kem răng xuất hiện, rồi phổ biến ở Việt Nam từ *Eclat d'argent* (Ánh bạc) trước toàn quốc kháng chiến, rồi Hoà bình lập lại là *Ngọc Lan, Hoa Mai*, và đến nay là *P.S, Close up, Colgate v.v...*, thì hàm răng đen đã phải tuyệt đối tuân theo "cái gì thời có lý, thì thời tồn tại".

Con người từ khi còn phải học bò mẹ, học bầy đàn cách kiếm ăn, tránh mưa gió, sấm sét, xuống đất, cũng phải học hỏi nhau cách chế đá làm búa đá, rìu đá, săn mồi, câu cá, đánh lửa, chế biến các món ăn, nung đồ gốm... trong phạm vi và giữa các bầy đàn (nên búa đá, rìu đá, khắp thế giới giống nhau đến thế), rồi học hỏi cách tổ chức xã hội của nhau, giữa các dân tộc và các quốc gia, truyện *Tám Cám* và truyện *Lọ Lem* các nước phương Tây hẳn phải có họ hàng dây mơ rễ má. Chiếc áo dài Việt Nam hiện nay mà thập kỷ 30, Việt Nam gọi là chiếc áo tân thời không hoàn toàn phát triển từ áo tứ thân, hoặc chiếc áo dài của bà Từ Dũ mà không chịu ảnh hưởng của áo dài Thượng Hải mà bà Tống Khánh Linh đã mặc.

Nhân nói đến chiếc áo dài, không thể không nhớ đến bức thư thất điều của cụ Phan Chu Trinh kết án Khải Định bảy tội, ngoài những tội như: *Ham chuộng quý lạ (mình), Sang Tây có chuyện âm mưu...* có tội *Án mặc lối lẳng* tức mặc quốc phục đi ghệt Tây. Các nhà đứng đầu đất nước giờ đây ra nước ngoài complé, cravat như hầu hết các vị đứng đầu các nước khác, đâu có để mất bản sắc Việt Nam, và cũng là điều đáng mừng, chứ lại như một số nước, khăn áo trùm đầu,

trang phục thì dùng bản sắc riêng, mà trong nước lại thi hành một chế độ hà khắc, lỗi thời như Taliban chẳng hạn, phụ nữ không được đi học, không được xem tivi... mới là điều đáng sợ.

Loài người phát triển đến trình độ văn minh hiện nay là nhờ, sự thật đó là quy luật phát triển tự nhiên thôi, luôn luôn, kịp thời học cái hay, thời cái không còn thích hợp, bỏ cái dở. Dân tộc Việt Nam trải qua non một nghìn năm Bắc thuộc, vẫn đứng vững, vẫn có một nền văn hoá riêng, tiếng nói, chữ viết riêng, thì nay sau một nghìn năm nữa, với bao nhiêu chiến công oanh liệt giữ nước, kẻ nào có thể hoà tan nổi. Bản sắc Việt Nam, theo tôi nghĩ là, luôn biết học hỏi, lựa chọn và gạt bỏ, điển hình nhất là chữ viết. Tại sao người Việt Nam chúng ta lại gạt bỏ chữ tượng hình của Trung Quốc đã từng thấm vào tri thức, học văn, văn thơ của tri thức Việt Nam trong suốt gần hai nghìn năm, để tiếp nhận chữ viết hiện nay có nguồn gốc phương Tây, tôn lên làm quốc ngữ, và thật xứng đáng làm quốc ngữ, cũng thật đáng tự hào so với các nước xung quanh. Đó mới là cái bản sắc đáng kiêu hãnh của Việt Nam.

Nói thế để một số vị hiện nay đang lo lớp thanh niên không đến xem cải lương, xem hát tuồng, hát chèo, không thích học hát xoan, hát xẩm, hát trống quân... cũng nên nghĩ lại, đừng như ai đó phát biểu trên tivi đòi đưa vào chương trình giáo dục học đường cả những môn tuồng, chèo, đàn ca tài tử, sợ nếu có ngày sẽ bị mai một, nếu quá vậy thì nặng nề cho trẻ thơ nước ta quá, cho dù chúng mọc nổi thêm vai, hoặc thêm những tế bào neuron kỷ ức.

Xin nói thêm thay cho lời kết, có những di tích văn hoá cả vật thể lẫn phi vật thể, chỉ cần giữ ở các bảo tàng, chứ không thể phát triển, quý hiếm như trống đồng, cũng không thể tiếp tục đúc thêm, để làm gì mới được chứ, cũng như người phương Tây chỉ bảo tồn trong các bảo tàng những bộ giáp binh thời Đế quốc Lamã.■



1-10-1967

ĐƯỜNG đi ra Cách Bắc, cùng đi với đoàn Văn công Tổng cục - Sắp hết mùa mưa - Đường thoắt hây còn bắn - Bùn bắn lên qua những tấm liếp cốt trên đường thỏ - Buổi đầu tiên hành quân sau những thời gian dài nghỉ ở hậu cứ - Ba lô nặng trĩu gặp lại đoàn Văn công - khác đi một ít - một số sút trông thấy. Thế là từ biệt khu hậu cứ đất Hoàng gia và có lẽ không bao giờ quay lại đây nữa - Từ biệt những cô hộ lý 84 vẫn trên đường đi lấy gạo - Từ biệt những dây ghế nghỉ đọc đường thỏ. Cách đây ba hôm bọn mình đã bắt đầu phá nhà để nấu chè. Từ biệt những cuộc liên hoan ban đêm ở hậu cứ - đoàn anh Bắc đi, Quang Thọ ra Bắc trước, một bộ phận diễn ảnh cũng ra trước - Thấy chúng nó xôn xao chuẩn bị, mình đôi lúc cũng thấy nao nao. Trước mắt chúng nó là Hà Nội, trước mắt chúng nó là miền Bắc. Còn trước mắt mình vẫn là những ngọn núi cao của Cách Bắc - Nghĩ đến chiến trường sắp tới, mình thấy vui vui nhưng vẫn thiếu thiếu một cái gì - chắc rồi ngày mai ra Cách Bắc, những người Tổng cục Chính trị - còn ở lại sẽ gặp nhau đây, lại là nguồn vui động viên nhau - Bây giờ đoàn quay phim thẳng thì an dưỡng, thẳng bệnh viện, chán như cơm nếp.

Đường ra phía trước vẫn gặp những xe thổ, những gùi gạo, những vỏ măng bóc bỏ đồng dọc đường - những anh giải phóng khiêng lợn từ hậu cứ lên. Tiếng máy bay vẫn rầm rì - những con đường mới lại mở, những ngôi nhà mới lại vừa làm. Nước các con suối bắt đầu cạn dần

ĐI CHIẾN TRƯỜNG

Trích nhật ký của nhà văn NGUYỄN TRỌNG OÁNH

- những con sông đang trở về dạng những con suối, còn những con suối thì đang trở thành những lòng cát cạn - Mùa lá xanh sắp hết - Đêm qua ngủ ở một tiểu đoàn thổ - Hành quân mệt, ngủ như chết.

3-10

Đến Q7 - con đường mới mở. Những ngôi nhà mới làm - Rừng le và rừng nứa - Nắng một ngày đẹp - nghe tiếng vượt hót. Lâu lắm rồi - Măng - Buổi sáng ngủ dậy lạnh - sáng ngày 3 buổi chiều mưa - Hành quân từ đoàn bộ về tiểu đoàn 4. Những con đường lát nửa chênh vênh trên bờ vực thẳm - Thác dưới chân - lần đầu trông thấy một cảnh hùng vĩ của Tây Nguyên - Thấy một mảng trời rộng - Đoàn 4 ở trên một ngọn đồi - Hơi giống to - lác đác vài cây cau rừng. Nhà mới làm - đường mới mở - bùn lầy - ngồi trên nhà nghe tiếng suối ào ào - mưa lộp bộp - tiếng đàn sáo, tiếng hát của văn công. Đơn vị phạt rừng càng bạt làm sân khấu - cắm những cây nứa làm cọc nền - một chiến sĩ sốt nằm trên võng - mắc tăng giữa trời - không khí càng gần ra tiền phương càng khác - sáng nay, gặp một cán bộ đoàn VQ5 - nói về con đường mới mở trong 10 ngày. Luồn qua những vách đá, bắc qua những con thác - Mai rồi sẽ đi qua - con đường làm cấp tốc phục vụ chiến dịch - lúc đầu tưởng như không thể làm được - không có sa bàn, không có bản đồ - chỉ một mũi dao, đến đâu phạt cây cắm mũi tên làm dấu đến đấy - 100% còn đường lát nứa - 80% còn đường bắc cầu - qua những vách đá tai mèo. Theo những vết chân voi - Đường lên qua cổng giới - gió hút - nhìn xuống thác bạc trắng xóa - con đường mở ra rồi không ngờ mình đã làm được - Thiếu choàng lấy cây bẫy đá - có những đoạn đường đã không sao san được phải bắc cầu - Vẫn bảo có cảm giác như mở đường vượt như - Lạng Sơn. Chiều nay khai thông nốt nửa quãng đường từ Q7 đến Q8 - Bánh xe thổ là bắt đầu lần trên những bờ vực thẳm gầm gào dòng thác - chờ đợi một ngày được hào hứng.

7-8/10; 11-12-13/10

Sau 2 ngày leo dốc - về tiền phương B3 dự định đi K6 thì nhận được lệnh Tổng

cục Chính trị vào ông cụ - Mưa dốc - chỗ ở xuống chỗ ăn leo một trăm bậc - ở tiền phương chỉ có cơm nước luộc - một ngày ba lần lội qua suối - chờ tin tức đi ông cụ. Doãn Nho cùng đi với mình thì lại nhận được điện trở ra - Thế là chúng nó ra hết - Còn lại mình đi vào nữa - Trước khi ra đi không gặp một tay nào trong đoàn Tổng cục Chính trị vào đây cả - Có chút băng khuâng - Nhưng cũng có những con đường mới mở ra trước mắt sáng sủa. Thế là chỉ còn mấy ngày nữa thì qua Gia Lai - qua Đắc Lắc - lại mang ba lô lên đường - Nhiều người gặp mình hỏi chuyện - Họ đều biết mình chuẩn bị ra rồi bây giờ lại chuẩn bị vào. Viết hai lá thư cho vợ và cho cơ quan - cũng chẳng có gì chuẩn bị - Đêm nằm nửa nhớ nhà, nửa nghĩ đến những ngày sắp tới - Thế là thêm một cái tết nữa ăn tết ở chiến trường - Thế là mình sẽ ở lại cho đến ngày thống nhất trên đất miền Nam này - Mình sẽ vào Sài Gòn sau những ngày chiến thắng.

Đêm nằm trên võng, Cách Bắc đã bắt đầu trở lạnh. Buổi sáng ngủ không được - nghe ông Thịnh dậy đốt lửa, cũng dậy, nấu nước súc miệng, nhắc lại chuyện ông bố ngày xưa - nhớ những buổi sáng ông thức dậy đọc thơ, cũng thức con dậy, ôm một ấm chè bột nóng trong lòng - Những buổi sáng như thế thấy con người mình dính đặc ra - giống tư thế của người chủ một gia đình - không xa nữa, cảnh mình chứng như thế thôi, ông Thịnh bảo thế.

Ngày 11 và 12 không mưa. Buổi sáng nghe tiếng vượt hú - nắng đẹp trên đồi - chiều 11 nhận 5 ngày gạo - 1 tháng thức ăn - chuẩn bị - chuẩn bị lại ba lô. Sao mà lần này đi nhẹ nhàng làm vậy - chẳng có gì, mấy hôm nay ban tuyên huấn tổ chức đi lấy măng, bửa lấy lấy rau tai voi, về nấu canh với cá khô và mì chính để liên hoan với nhau.

Mai 13 lên đường.

31-10

Rõ ràng 18 ngày trên đường đi. Đến hôm qua thì hết đất Tây Nguyên - phía trước đã thấy núi rừng Ninh Thuận - Gia Lai nằng - Rừng khộp - Bãi cỏ - Vẫn những ngày đi nặng trĩu vai, vẫn những

trạm giao liên - những bãi khách. Hầu như suốt nửa tháng này tất hết ngọn lửa trong trái tim - Một quả. Đến chỉ biết nằm - lại vẫn những cơn sốt - Đôi lúc trên đường đi nghĩ đến ngày trước gặp Tấn. Ngày được trở về cái không khí văn học - ở Trung ương cục - B3 để lại cho mình ít kỷ niệm.

Đã gặp những đồng chí trạm trưởng người Nam Bộ - Những anh giao liên trẻ tuổi Nam Bộ - Hầu hết ở đây, các trạm giao liên có thái độ thân mật - Trạm trưởng X1 mời bọn mình lên uống trà, phân nân về nội mấ hôm nay không bản được gì - lâu lắm lại được nhìn cái ấm chè và những chiếc chén bé tí - Đi với đoàn toàn bọn thanh niên, có cái sướng mà cũng có cái cực - họ sống thoải mái, vô tư, nhiều lúc tưởng như họ không nghĩ gì đến ngày mai - Đến trạm là quãng lười bắt cá - mang súng đi săn - Tưởng như có thể suốt năm suốt đời họ có thể rong ruổi cuộc trường chinh vạn lý này mãi.

Mấy đêm nghe đài miền Bắc - nhớ Hà Nội - liên tiếp mấy ngày rồi. Bọn địch đánh Thủ đô của ta - Lại nhớ anh em Tòa soạn - không biết bây giờ ở đâu? Làm gì? Đêm qua nằm không ngủ - nghĩ đến những ngày làm việc sắp tới - ngày về Sài Gòn - ngày gặp lại anh em ở Sài Gòn hay ở Hà Nội - thêm một buổi họp mặt có bao thuốc lá, có gói trà. Bấy giờ nhìn lại những người bạn cũ, có người tóc đã bạc, có người không còn trẻ nữa - Chúng ta sẽ ôm nhau thân thiết mà quên hết mọi định kiến vụn vặt, chúng ta sẽ nâng cốc chúc mừng hạnh phúc cho cả nước - Vẫn ở một căn phòng nào đó - Rồi lại nghĩ đến mai đây, gặp các anh em văn nghệ Trung ương Cục, trong một khu rừng, đốt một nhóm lửa - May ra có gói trà - Kể những chuyện ngoài Bắc trong Nam - cái không khí ấy gợi nhớ những ngày ở nhà sàn Việt Bắc.

Nghĩ thế lòng thấy nhẹ nhõm - Bắt đầu muốn làm thơ - muốn ghi nhật ký - Nhớ con - Chắc ngày về chúng nó đã khác lắm - phải qua một vài phút bờ ngỡ chúng nó mới kêu lên: Bố - Ngày đó, không biết cái không khí chiến liên hoan ở gia đình mình có đẹp như sự tưởng tượng của mình hôm nay không - Một bữa ăn thân mật, có anh em bạn bè - Chúng ta nâng cốc chúc mừng cho hạnh phúc của dân tộc, của riêng chúng ta.■

(Còn nữa)

HÈ năm nay có dịp về thăm quê, vợ chồng tôi mới biết "U Hào" đã mất. "U Hào" là quen gọi theo cách của "người ta". Chữ chúng tôi thường gọi thân mật là Di Hào. Di là em họ xa của mẹ tôi. Như mẹ tôi kể thì đã xa đến bốn, năm đời. Được biết bố mẹ di nghèo lắm, làm thuê làm mướn quanh năm mà chẳng biết mất đồng tiền, nên ông bà đặt tên các con đều có hơi hướng đồng tiền để nhắc nhở chúng ngay từ bé phải biết quý trọng tiền và biết cách làm ra đồng tiền. Đầu lòng là cái Chinh, rồi đến cái Hào, thằng Xu, thằng Xềng, con Chúc, con Trầm, thằng út đặt là Nghìn.

Di Hào lớn lên được gả chồng cho làng bên. Có được tìm hiểu yêu đương gì đâu. Một người chồng tương lai còn chẳng biết đầu cua tai nheo làm sao. Về ăn ở với nhau, lưa mà sống. Ban đầu gia đình hòa thuận, yên ấm. Chồng chăm chỉ làm ăn, biết thương vợ, thương con. Di Hào đẻ năm lần, đầu ba, Hai trai một gái. Có nếp, có tẻ. Kinh tế gia đình tạm tạm đủ ăn. Các con đều được học hành. Ở nông thôn thế là tiến bộ, là quý hóa lắm rồi. Nào ngờ, sự đời thật là éo le!

Trở lại đám ma của di tôi. Theo dân làng kể lại, cả làng, xã, huyện nửa chưa có đám nào vừa đông, vừa sang trọng đến nhường ấy. Hàng trăm vòng hoa chữ ít của à. Có người nhấm nhấm, mỗi vòng vị chi là năm, sáu mươi ngàn đồng, tổng cộng dễ đến sáu, bảy triệu chứ chả chơi, cả năm ở nơi đồng chiêm mùa thời này mà có kị cốp đến bao giờ mới kiếm nổi. Lại hàng trăm ô tô to nhỏ đưa đám mời ghé chứ. Tiền mua xăng dầu cũng đủ nuôi hàng chục gia đình cánh dân cày mình trong cả năm chứ chả ít của à. Người đưa đám toàn quan khách ăn mặc sang trọng. Đoàn ông thì com lê cà vạt, chân đi giầy đen bóng lộn. Đoàn bà áo váy đủ màu, đủ kiểu, mặt bự son phấn trông như phượng tướng cả lượt. Họ đi nhớn nhớn, mặt bóng lạnh, chẳng có chút thương cảm. Lại còn cười nói hì hả đủ thứ chuyện. Đám trẻ choai choai, con trai đứa thì đầu húi troc, quần áo đen tuyền như Ăngka, võ sĩ thời trung cổ, đứa thì tóc tai bù xù, râu ria tua tủa, quần bỏ gấu, ống thì nhiều túi to nhỏ như lính Tây trên phim. Đám con gái quần mỏng bó sát như dán vào đùi, vào mông, áo hở rốn, mỗi tím, tóc cắt kiểu con trai, lông mày vẽ, mí giả, cũng đùa cợt không thua kém bọn con trai. Ông chủ tổ về tất bật, cũng chân đất, áo xố, đầu đội mũ rơm, tay chống gậy vòng, mặt rầu rĩ, thiếu não. Chỉ tưng lên đôi chút khi có khách phúng viếng, trên mâm ngũ quả có chiếc phong bì to, sau đấy được lấy ra nhét vào chiếc hòm trước mặt chủ, để ở dưới chân bàn thờ được niềm phong như hòm bỏ phiếu. Mặt hòm có dán hàng chữ đen: CUNG TIẾN LỄ ĐEN KÍNH VIẾNG. Đứng túc trực ngay đấy là hai anh thợ ảnh, thay nhau chớp máy ghi hình những quan khách lúc nhét phong bì vào hòm Cung Tiến... Bà vợ ông ta cũng áo xố, khăn trắng trùm hum, chạy lăng xăng chỗ này chỗ kia báo ban, sai khiến người nhà, người giúp việc đón khách, mời trầu, mời nước sao cho phải phép. Các đứa con của ông bà chủ thì tha hồ trở tài đóng kịch, coi như

được một dịp thỏa thích chơi đùa lạ lẫm độc đáo hiếm có. Vì chúng còn ông bà nội ngoại đầu mà được dịp ma chay như thế này. Chờ đến dịp bố mẹ chúng thì còn lâu. Ông bà bố còn khỏe như vâm. Mẹ được đặt ở phần đất cao ráo đẹp nhất nghĩa trang xã. Nghe nói phải mua ô tô tiễn bạc đầu. Ai cũng mừng cho di Hào. Người ta kháo với nhau: "Đời người ta chẳng biết thế nào, đời bà ấy tưởng khổ hơn kiếp trâu, khi chết lại hóa ra sướng như bà hoàng, cô chúa". Sự thật, ngỡ vực về đám ma của di tôi cũng lắm, nhưng không ai dò tìm được những điều bí ẩn kia. Rồi thời gian và công việc phôi pha dần cái sự rồi rồi ấy. Khi thấy vợ chồng tôi về mọi người như bắt được của, cái đám ma la lung bồng bồng sống động trong trí óc tò mò của bà con ở làng quê này, vốn rất chuộng những sự lạ, túm lấy, vây lấy chúng tôi mà hỏi han, mà yêu cầu giải đáp. Chúng tôi cũng mù tịt, cũng thấy thật là lạ. Về đến đây chúng tôi mới biết di Hào chết cơ mà.

Đời Di Hào, chúng tôi biết rõ lắm. Di bị đuổi khỏi cái gia đình tưởng hạnh phúc, đầm ấm kia là sau khi con trai cả lập gia đình, rồi đất riu nhau đi lập nghiệp ở vùng kinh tế mới tân trong Nam. Cô con gái thứ hai đi lấy chồng. Sau đó cũng theo chồng lên xây dựng nông trường ở một tỉnh miền núi phía Bắc xa lắc nào. Anh con trai út lớn lên đi bộ đội. Bố ở nhà điện về cưới cho cô vợ không biết mặt mà chỉ qua thư từ và tấm ảnh 3 x 4. Một tuần sau ngày cưới, anh về đơn vị rồi bắt tin tức chẳng thư từ gì. Cô vợ trẻ ở nhà ngao ngán, đàn diu với bố chồng. Di tôi bị chồng hắt hủi, đánh chửi từ đấy. Căn răng nuốt nước mắt mà chịu cũng không được. Không thể chịu cảnh con dâu ngang nhiên ăn nằm với bố chồng, ngang nhiên thách thức, ghen ngược, coi thường mẹ chồng, Di tôi bỏ nhà lên tỉnh cho khuất mắt, tìm mẹ tôi, nhờ cậy giới thiệu cho nơi tử tế để giúp việc, nương tựa.

Mẹ tôi rất thương tình cảnh di, bà giới thiệu với những gia đình tử tế, cần người giúp việc. Ít lâu sau, người chồng phụ bạc bán hết cơ nghiệp cùng với cô con dâu bụng chứa vượt mất, không còn mặt mũi mà trông thấy làng xóm nữa, tếch đi biệt xứ nào không ai biết. Di tôi thành người vô gia cư, bơ vơ nơi đô hội xô bồ, sôi động cái hay cái dở đan xen khó lường, thành con sen, kẻ hầu lần lốc hết nhà này sang nhà khác kiếm bát cơm manh áo cho qua ngày. Hồi mẹ tôi còn sống, chủ nhà nào Di cũng đến chơi. Hai bà quần quýt nhau lắm, ngồi nói chuyện với nhau cả buổi. Tôi thấy Di không vui mà chỉ sụt sùi khóc. Lấn nào mẹ tôi cũng giữ Di ở lại ăn cơm, tự tay gấp nhiều thức ăn ngon cho Di và ép Di ăn nhiều. Lại còn san xẻ những chiếc áo, chiếc quần còn mới cho Di nữa. Di mặc quần áo đẹp vào trông cũng không đến nỗi chán quê, mà còn đầy đặn phúc hậu nữa. Di chăm làm, cần thận, sạch sẽ, lời nói lại nhẹ nhàng, chân thật nên chủ nào cũng quý cũng thương.

Buồn một nỗi, Di không làm được ở đâu lâu. Đám bữa nửa tháng lại mất việc. Ngày ấy coi như cấm, không được mướn người làm thuê vì như vậy là làm ông chủ bóc lột



Minh họa của VŨ HUYỀN

Kiếp người

Truyện ngắn của ĐẶNG TIẾN HUY

người khác. Thế là phải mướn chui. Ai biết có người lạ trong nhà thì phải nói dối là: "Bà con ở quê lên chơi, thấy nhà neo bốn quả, ở lại trông cháu hộ ít ngày". Ngặt một nỗi, tất cả người có nhu cầu thuê người giúp việc đều neo đơn và đều là cán bộ công nhân viên Nhà nước, lương thấp, thu nhập kém nên kinh tế không dư dật lắm, phải tính toán chặt bóp, dè xén. Vì vậy họ ngại thuê người già cỗi, ốm yếu, sợ mang vào thân, không những không giúp được việc gia đình lại phải chăm sóc, thuốc men tốn kém thêm. Chẳng may cụ tích ra đấy lại phải ma chay phiền phức trăm bề. Tuổi Di tôi, cái già thì cứ sống sộc chạy tới, đã có biểu hiện mắt mờ, chân chầm, tai nghễnh ngãng. Họ chỉ thuê Di theo khoán công việc hoặc thời vụ. Có hồi Di đến ở nhà tôi hàng

tháng vì mất việc. Thường Di dậy thật sớm, dù ngủ thật muộn, thu vén việc nhà giúp chúng tôi. Mẹ tôi không bằng lòng để Di làm như thế. Coi Di như khách. Đến khi tìm được việc làm, Di trả tiền ăn, mẹ tôi vừa không lấy vừa mắng Di là khách sáo. Di thấy tủi, chỉ khóc. Anh con trai út mấy lần tìm đón Di vào Nam, nơi anh lập nghiệp đã có vợ con nhà cửa vườn tược, để đoàn tụ gia đình, nhưng Di kiên quyết không đi đâu cả. Di bảo sống nhờ và bà con, chết về quê hương bản quán.

Hôm mẹ tôi chết, Di khóc rất lâu, rất thảm thiết, đưa ra tận mộ, ở lại thật lâu mới về. Rồi sau đó, Di ít đến chơi. Đời khi gặp Di ở ngoài đường tôi trách, Di chỉ cười buồn. Có một lần trông thấy Di vui lắm. Tôi chưa thấy mặt Di rạng rỡ, nụ cười tươi tắn hiển hiện, và đôi mắt lại đầy đẹp thế bao giờ. Di nói ngắn gọn với tôi: "Cháu à, cái nhà ngày xưa mà Di bỏ việc ấy, vừa cho người tìm Di mời trở lại làm. Họ bảo sẽ đảm bảo việc làm cho Di đến hết đời. Chết sẽ lo chu tất về tận quê". Tôi to ra rất vui, chúc mừng Di. Di lặng lẽ chép miệng: "Giá còn mẹ các cháu thì còn hỏi han được đường đi nước bước, đường này... Thôi thì Di cũng liều nhắm mắt đưa chân một phen xem sao"...

Lại thế nữa, Di từng mong có nơi nương tựa, nhờ vả cả đời cơ mà, nay là dịp hiếm có mà Di lại... Tôi an ủi Di như vậy, cũng không làm cho Di vui. Tôi không hiểu tâm trạng, lòng và hoàn cảnh trắc ẩn của Di. Chỉ có mẹ tôi là hiểu được Di mà thôi. Tôi chưa phải là người Di có thể tâm sự, dãi bày. Tôi hôm ấy tôi vui về nói lại chuyện của Di với vợ tôi, cô ấy không vui mừng cho Di mà còn dấy nẩy lên:

Thôi chết... Di lại dấn thân vào cái nhà xô lá ấy ư? Đời Di rồi lại khổ đấy. Để mai em gặp Di xem sao.

Sao cái gì? Em biết điều gì rồi à? Người ta hứa có việc làm phù hợp cho Di cả đời. Ốm đau sẽ chăm sóc. Họ còn lo cả đại sự cho Di nữa. Di bảo bây giờ họ làm cán bộ to, giàu có chắc là sẽ khác trước.

Vợ tôi thông thẳng đứng đưng, lạnh lùng hiềm thấy, nói: Bản chất con người thì đổi khác làm sao mà nhanh thế được. Càng nhanh tiến bộ, càng giàu có thì càng xảo quyệt tinh vi, ai lường được.

Và rồi công việc bốn bề cuốn hút tôi quên phắt những điều trên. Hôm sau không biết vợ tôi có dịp gặp Di không, sự việc diễn biến thế nào tôi cũng không hỏi lại. Và vợ tôi cũng không hề nói gì cả. Di cũng không đến nhà tôi chơi lần nào nữa. Tôi thường đi qua chỗ Di châu hay gặp nhau cũng không gặp lại Di. Chờ đến hôm vợ chồng tôi về quê mới hay Di đã mất. Và được nghe người làng kể về đám ma của Di, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên, chẳng còn hiểu ra làm sao cả. Vợ tôi không nói năng gì cứ nước mắt ngấn nước mắt dài thương Di. Chúng tôi ra viếng mộ Di. Thế mà hơn một năm đã trôi qua, cỏ xanh đã lan kín phần mộ. Tấm bia bị lùn nghiêng ngã, đất lấp hết phần ngày tháng. Tôi bối đất dựng lại tấm bia ngay ngắn mới hay ngày 12 tháng

trước là giỗ đầu. Thế mà phần mộ chẳng có dấu tích sửa sang hoặc hương khói gì. Như một nấm mộ hoang, vô chủ. Tôi tìm kiếm quanh mộ cũng không còn thấy vết tích gì của đám ma to hơn trăm vòng hoa. Tôi vào làng mượn cuộc xềng, vợ chồng hi hục đắp lại mộ cho Di cao to như những nấm mộ khác. Chúng tôi hương khói khấn lạy Di. Trước khi về vợ tôi nói: "Từ giờ trở đi chúng con xin phép được chăm sóc phần mộ Di. Xin Di tha thứ cho sự vô tâm của vợ chồng chúng con. Chúng con sẽ tin cho các em được biết để về tạ tội trước Di. Mong Di an tâm nghỉ".

Một hôm có một bà lão khoảng trên bảy chục tuổi tìm đến nhà tôi. Bà tư giới thiệu là bạn hàng xóm của Di tôi. Bà tìm đến đưa một sổ kỹ vật mà Di tôi nhờ bà gửi đến cho

chúng tôi trước lúc làm chung vài ngày, trước khi bà bay sang Đức thăm vợ chồng thằng con. Tưởng đi ngày một ngày hai thì về. Ai dè bọn chúng cứ giữ mãi đến hơn một năm mới về được. Bà về mới biết Di tôi đã mất, vội tìm đến chúng tôi ngay. Tôi gọi vợ tôi lên tiếp bà. Bà đưa cho vợ tôi một cái gói nhỏ, được gói cẩn thận bằng cái khăn mùi xoa và bảo: "Chỉ mở ra đi, tôi cũng không biết trong đó có gì đâu, hai mặt một nhời để tôi khỏi áy náy". Vợ tôi mở gói ra, trong đó có một lá thư, bên trong gói một đôi khuyên vàng. Vợ tôi đọc thư cho cả bà và tôi nghe, thư viết vắn vắn mấy dòng: "... Cả đời Di làm lưng dành dùm được có ngần này, con cái thì bạc bẽo, Di gửi nhờ hai cháu hương khói cũng giỗ giúp Di". Vợ tôi bật khóc. Bà cụ cũng bật khóc. Và tôi cũng không tài nào cầm được nước mắt. Hồi lâu, bà cụ nói: "Cô người nhà ở đây mà bà lão kín tiếng thế đấy. Đời tôi cũng có đàn khổ, bà lão còn khổ gấp trăm. Lúc đầu tôi cứ tưởng bà lão là mẹ đẻ của cái nhà ông cán bộ to ở cạnh nhà tôi cơ. Ông ấy nói với mọi người là mời đón cụ ở quê lên. Một điều U Hào hai điều U Hào ngọt xớt. Những đứa con cũng nheo nhéo U Hào, U Hào suốt ngày. Lắm lúc tôi thấy lạ. Bố mẹ gọi U Hào, những đứa con cũng gọi U Hào như sai bảo, đôi lúc lại mắng té mắng tát. Bà lão được cái tài nhìn, cảm nói một lời. Tôi thắc mắc hỏi các con, chúng nó chỉ cười mà bảo: "Ồi dà, mẹ kệ người ta. Bây giờ u thật ư giả nhan nhản biết đâu mà lẫn". Thỉnh thoảng bà lão ra cổng gặp tôi nói đàm ba câu chuyện. Hôm nào không có ông bà chủ ở nhà tôi mời mời được bà vào nhà chơi. Cũng chỉ chân ướt chân ráo, uống vội chén nước, ngồi chưa kịp bả trầu đã xin phép ra về. Một hôm bà ấy sang chơi tôi lâu hơn. Bà bảo vợ chồng nhà ấy đi nghỉ ở nước ngoài nửa tháng, thằng con trai kéo bừa: bẻ về nhà nhậu nhẹt, đuổi khéo bà đi chơi. Bà nói giọng meo meo, mắt rần rần nước, khuôn mặt sáu nào tối tối: "Đi ăn ở cho người ta nhục hơn con chó. Ăn thì cơm thừa canh cặn. Làm thì quần quật suốt ngày, toàn những việc không tên. Quan họ dẫn dây đi thốt, làm thật ăn giả. Thế mà có được yên thân đâu, vẫn bị mắng chửi nhiech móc. Mặc thì toàn đồ bỏ đi, thừa thãi của bà chủ. Thôi thì đủ màu đủ kiểu trông như đồng bóng mà không dám chế. Liều, nhắm mắt mà mặc, không thì bà chủ mắng té tát mất mặt. Lũ trẻ tha hồ trêu trọc gọi bằng đủ cái tên: "mẹ đốp", "mẹ mìn", "mẹ phường chèo"... cần rằng, nuốt nước mắt vào trong mà nhìn nhục. Quần áo của mình không được mặc để khỏi mang tiếng trong nhà sang trọng thế mà chứa chấp con mẹ nhà quê. Vô phúc có khách trông thấy lại vu cho bôi xấu, chát gio chát trấu vào nhà họ. Nhục một nỗi là, mặc loại quần áo ấy vào chẳng dám vác mặt đi đâu, tình chẳng ra tình, quê chẳng ra quê. Điên dở cũng không ăn mặc thế. Đành quanh quẩn số nhà, góc vườn, làm việc này việc nọ cho qua ngày. May mà còn bó quần áo rùng rúc, bà ban cho kiểu nhà quê nên nã đao để có phải để dành. Cần đi đâu làm mới mặc, về lại thay ngay giấu vào đáy tay nài đụp treo ở đầu giường. Ở thì trong

PHẢI ĐỔI MỚI QUẢN LÝ GIÁO DỤC

NGUYỄN CẢNH TOÀN



Ảnh: PHAN HỮU ĐỒ

THỦ tướng Phan Văn Khải đã nói (*): "Để phát huy được mọi khả năng và nguồn lực của đất nước, một yếu tố quan trọng và quyết định là phải đổi mới sự quản lý của Nhà nước". Sau đây, xin bàn về sự đổi mới quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

Xã hội nông nghiệp tiến lên bằng kinh nghiệm nên tiến rất chậm. Trong lĩnh vực sản xuất, xã hội đó giỏi lắm chỉ đào tạo ra được các "lão nông tri điền". Kinh nghiệm làm ruộng của các cụ đó, trong những hoàn cảnh lịch sử nào đó, rất đáng quý, nhưng không thể làm cho xã hội tiến nhanh như các xã hội công nghiệp mà sức đẩy lên là khoa học chứ không phải kinh nghiệm. Có thêm sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, thông tin, xã hội tin học càng tiến nhanh hơn. Nước ta, từ một xã hội nông nghiệp mà đi lên, muốn đuổi kịp các nước khác phải vừa công nghiệp hoá, vừa hiện đại hoá. Kể từ khi có chủ trương đổi mới, chúng ta đã có những bước tiến đáng kể về khoa học & hầu hết các lĩnh vực. Tuy nhiên, đã có một sự chậm trễ của khoa học quản lý khiến cho quản lý chưa phát huy hết tiềm năng phát triển của các lĩnh vực khoa học khác. Nói riêng trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo thì các khái niệm về quản lý, về khoa học quản lý, về tư duy quản lý, về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ quản lý được đặt ra khá muộn và sau khi được đặt ra cũng tiến triển rất chậm chạp. Các trường cần bộ quản lý giáo dục (CBQLGD) ra đời chậm hơn nhiều so với các trường sư phạm. Từ khi có các trường CBQLGD ở Trung ương rồi ở các địa phương, người ta chưa thấy rõ tác dụng của chúng đến chất lượng quản lý trong ngành. Nhiều người nói: "QLGD ngày nay chẳng khác gì làm sổ với-ba, bốn chục năm trước đây". Không ai phủ nhận những cố gắng của các trường CBQLGD và cấp trên của các trường đó, chỉ có điều là những cố gắng đó không nằm trong một lộ trình thực hiện một chiến lược nâng cao chất lượng QLGD. Thiếu chiến lược, thiếu khoa học nên mới xảy ra những chuyện vô lý như giáo viên được đề bạt làm CBQLGD thì lại tụt lương, hai trường CBQLGD Trung ương muốn đào tạo cao học thì không được phép (vì chưa phải là trường Đại học) mà phải gửi đào tạo ở các trường Đại học sư phạm là nơi không nghiên cứu, không giảng dạy về khoa học quản lý giáo dục. Có một vi, nguyên là hiệu trưởng trường CBQLGD Trung ương II ở phía Nam, đã từng nói khi ông còn tại chức: "Trường chúng tôi là trường "sức nhỏ", nghĩa là lâu lâu cấp trên mới sức nhớ ra rằng có trường đó ở trên đời".

Đã mấy chục năm qua mà bây giờ người CBQLGD phổ biến vẫn dùng tích lý bằng kinh nghiệm để quản lý, theo kiểu "lão nông tri điền". Có thể có nhiều gương CBQLGD tận tụy, liêm khiết, năng động nhưng rất ít tấm gương biết tìm tòi, nắm bắt những quy luật khách quan rồi dùng phương pháp luận khoa học để sử dụng chúng như những người giúp việc đắc lực nằm trong tay sức mạnh của sự "tất yếu", mà lại không phải trả lương. Nếu vi (một cách khập khiễng) sự nghiệp giáo dục như một toa tàu hoả, các mục tiêu cần đạt đến như các nhà ga thì các quy luật có thể vi như đường ray. Đặt được toa tàu lên đường ray thì đẩy nó đi dễ dàng đến đích. Chưa đặt được nó lên đường ray thì đẩy nó đi khó khăn vô cùng, có khi nó l ra, thậm chí lao xuống hố.

Sự quản lý của cấp trên đối với cấp dưới là "ngoại lực" đối với cấp dưới đó. Ngoại lực đó sẽ có tác dụng tối đa khi nó tạo được sự cộng hưởng của các nội lực ở cấp dưới. Con đường để thống nhất yêu cầu nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của cấp trên và yêu cầu phát huy nội lực của cấp dưới là: chủ trương của cấp trên phải phù hợp với các quy luật khách quan và cấp trên phải làm cho cấp dưới cũng nắm vững các quy luật đó. Các quy luật khách quan chính là cơ sở để trên, dưới nhất trí, để cấp dưới không cảm thấy bị quản lý mà được tự do phát huy nội lực. Được như vậy thì kỷ cương sẽ bền mà cấp dưới lại phát huy được sáng tạo.

Khi nói đến "hiện đại hoá quản lý" thì điều đầu tiên phải nghĩ đến là nắm và sử dụng các quy luật khách quan rồi sau đó mới nghĩ đến sử dụng công nghệ tin học hiện đại để chuyển đổi những thông tin quản lý. Nếu không đạt được yêu cầu thứ nhất thì yêu cầu thứ hai chỉ còn mấy ý nghĩa, thậm chí còn có hai giống như dùng xe tải tải tốt để chuyển chở các phế phẩm.

Nói như trên vẫn còn trừu tượng, chung chung. Dưới đây sẽ xem xét thực tiễn quản lý giáo dục từ trước tới nay để làm rõ tầm quan trọng của việc tôn trọng các quy luật khách quan cùng phương pháp luận để vận dụng chúng.

1. Các quy luật về mối quan hệ giữa kinh tế và giáo dục. Hiện nay, ở nước ta đang có vấn đề "thừa thầy, thiếu thợ". Nếu có lập giáo dục ra mà xét thì sẽ đi đến những biện pháp như "hạn chế phát triển Đại học để tạo thuận lợi cho việc phân luồng học sinh đi học trung cấp công nhân. Nhưng hạn chế phát triển Đại học là đi ngược quy luật sau đây của thời đại kinh tế tri thức; đó là sự thống nhất giữa đào tạo công nhân và đào tạo Đại học

(giữa lao động trí óc và lao động chân tay) dẫn tới nhu cầu đại chúng hoá Đại học rồi phổ cập Đại học. Mà rồi cũng chả giải quyết được vấn đề gì cho đào tạo công nhân. Lấy năm 2001 mà xét thì với hơn 2 triệu thí sinh thi vào Đại học, chỉ có 160.000 được nhận vào học, còn lại ngót 2 triệu, họ đi đâu? Cứ cho là có nửa triệu lo học để sang năm thi lại thì cũng còn ngót triệu rưỡi. Vậy, lý do thiếu người đi học công nhân không phải là do Đại học thu hút vì có ngót triệu rưỡi không được vào Đại học, cũng không học để sang năm thi lại. Phải tìm lý do thiếu người đi học công nhân ở chỗ khác, ở ngay bản thân việc đi học công nhân và ở bản thân nền kinh tế chưa tạo ra đủ công ăn việc làm nên tốt nghiệp Đại học hay công nhân đều khó kiếm việc làm. Chính luật doanh nghiệp đã làm sáng tỏ vấn đề: mới ra đời được năm rưỡi nó đã nhân lên gấp 5 số doanh nghiệp và huy động thêm được ngót 30.000 tỉ đồng vốn. Điều đó chứng tỏ rằng tiềm năng tạo công ăn việc làm trong xã hội còn lớn và đó là cái gốc để trên cơ sở đó vẫn phát triển đào tạo và vẫn lo đủ thợ.

2. Các quy luật về chất lượng giáo dục. Căn cứ vào chính sách phân biệt đối xử hiện nay với các bằng cấp "phi chính quy" thì phải rút ra kết luận rằng quy luật về chất lượng là: "Chính quy" tất yếu có chất lượng và phi chính quy tất yếu không có chất lượng. Nhưng thực tế không chấp nhận điều đó vì cũng có không ít người học phi chính quy rất có chất lượng. Chỉ có thể nói rằng "chính quy" có nhiều điều kiện khách quan thuận lợi để tạo ra chất lượng. Còn có chất lượng thực sự không thì phải vận dụng quy luật sau đây: "Trong những hoàn cảnh, điều kiện khách quan nhất định, người quản lý và người dạy nếu tạo được sự cộng hưởng của nội lực tự học ở người học thì sẽ tạo ra chất lượng giáo dục, đào tạo cao nhất". Những ai không nắm được quy luật trên đây thì sẽ không giải quyết được mâu thuẫn giữa số lượng và chất lượng, sẽ không giải nổi bài toán "đuổi kịp" vi muốn đuổi kịp các nước trong vùng về giáo dục thì ta phải giải quyết được cho số đông người học có chất lượng. "Khởi đầu nói lực tự học, tư nghiên cứu" là kim chỉ nam để "đa dạng hoá các hình thức đào tạo" nhờ vậy mà xây dựng xã hội học tập trong đó ai cũng được học bằng hình thức này hay hình thức khác và học có kết quả.

Hiện nay, giáo dục từ xa của nước ta chưa phát triển mạnh vì vẫn còn nhiều người nghĩ rằng phải là những người đặc biệt thông minh hay ít ra cũng là những người đã thất vọng với tư học thì mới học từ xa được. Nhiều thực nghiệm đào tạo từ xa thắng lợi ở nước ta đã chứng tỏ quy luật sau đây, gọi là quy luật năng động thích nghi:

Một người bình thường, chưa quen với tư học sẽ học từ xa thành công nếu có ba điều kiện sau đây:

- Người ấy đủ trình độ để học (ví dụ để học Đại học phải có trình độ từ tài thực chất - không rơm).
- Người ấy có chí học.
- Người quản lý và người dạy tạo được những điều kiện tối thiểu (tài liệu in, chăm bẵm, giải đáp thắc mắc) cho người học và không chần chừ về chất lượng trong thi cử.

Nắm chắc quy luật này thì sẽ dám phát triển mạnh đào tạo từ xa, một hình thức đào tạo rất kinh tế, rất dân dã, là vũ khí giáo dục của những dân tộc nghèo và hiếu học.

3. Các quy luật về rèn óc thông minh sáng tạo và gắn nhà trường với đời sống đào tạo nhân tài. Bây giờ ta đương đương cao ngạo có "rèn óc thông minh sáng tạo" và "nhà trường gắn với đời sống".

Lộ trình phải theo để thực sự gương cao được ngọn cờ đó dựa vào các quy luật sau đây:

a) Tự học nghiêm chỉnh tất yếu dẫn tới nghiên cứu khoa học (tư học nghiêm chỉnh sẽ phát triển tư duy độc lập, từ đó có tư duy phê phán, có năng lực phát hiện vấn đề).

b) Mọi con người bình thường đều có tâm lý thích sáng tạo. Ở nước ta, nhờ vận dụng các quy luật trên nên đã đưa được công tác nghiên cứu, thực nghiệm khoa học vào các trường Sư phạm trung cấp (1983-85) và vào các trường phổ thông, nhờ vậy đã phát hiện thêm các quy luật sau đây.

c) Lao động nghiên cứu, thực nghiệm khoa học có tác dụng rèn tư duy sáng tạo và tác phong công nghiệp hơn lao động dạy và học.

d) Cơ cấu Đại học - Phổ thông - cuộc sống sẽ hình thành nếu tiến hành sự phân công như sau trong lao động nghiên cứu khoa học: Đại học chủ trì, phổ thông cộng tác.

đ) Phải đưa nghiên cứu khoa học vào việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên ở tất cả các cấp thì mới hy vọng giáo viên biết cách rèn trí thông minh.

e) Dấu hiệu của nhân tài thể hiện trước hết ở năng lực phát hiện vấn đề; nhân tài phát hiện ra vấn đề ở những nơi, những lúc mà người khác không thấy có vấn đề gì cả. Đào tạo nhân tài phải đi con đường cá biệt hoá. Không

(Xem tiếp trang 19)

gian chuồng nhà chủ trước kia nhốt chó béc giê, được sửa sang, quét vôi lại trước khi đón bà về, lại nằm kế dưới chân cầu thang, lối xuống nhà tắm và nhà vệ sinh nên hơi hám tối om om. Đêm ngày muỗi như trấu, dưới gầm giường chuột chủ cắn nhau chỉ chồm hôi rình rích. Những đêm không ngủ được bà ngồi chồm hổm trên giường cầu trời khẩn phật cho bà nhanh chóng rời khỏi nơi địa ngục trần gian này. Nhưng kiếp bà còn nặng nợ, còn bị đọa đầy. Chỉ khi ốm liệt giường bà mới được đưa lên nằm ở ô nhà trên để khách khứa đến thăm, đẹp mắt ông bà chủ. Ai ra về cũng có lời tấm tắc khen - "Ông bà đối với mẹ tận tình chu đáo quá đấy. Thật là có hiếu".

Bao nhiêu tiền của, cái ngon vật lạ khách đem biếu kẻ ốm cũng là dịp tỏ bày tình cảm với ông bà chủ; khách chưa ra khỏi cổng mọi thứ đã thu vén đem tốt lên phòng bà chủ". Kể đến đây rồi bà xin phép ra về. Trông đáng đi lom khom thiếu não, yếu lắm rồi của bà, tôi ái ngại quá.

Ngày hôm sau nhà bên ấy ầm ầm, tiếng mắng chửi bà thậm tệ. Bọn con cái nhà ấy vu cho bà quên đóng khóa cửa để đem trộm vào lấy mất cái xe máy. Chúng đã trình báo công an. Công an có đến hiện trường xem xét khá lâu, rồi đến gặp bà hỏi vấn vẹo một hồi. Vờ chống ông bà ấy đi nước ngoài về, bên ấy lại ầm ĩ cả lên. Những ngày tiếp đó khách khứa nướm nướp chia buồn. Xe máy, ô tô đồ đạc cả cổng, cả đường phố. Hôm bà sang gửi tôi lá thư này trông bà yếu lắm, nhưng tôi không dám quở. Bà bảo: "Có gì bà để ngoài tai cho nhé, tiếng là bảo mất xe máy chứ có mất đâu, thằng con nghiện hút đem đi cảm nộ, ấy thế mà vừa được tiếng, vừa được miếng, họ đến biếu xén cả bằng hai ba cái xe máy ấy chứ. Tôi chỉ là u hờ thôi. Tên tục tôi là Hào con. Trước là con ăn ỉu ở nhà này. Cái đàn nhà bên ấy còn nghèo, ông bà chủ là cán bộ thường, lũ con ăn như phá. Hôm bà ấy đưa lũ trẻ về quê, ở nhà chỉ còn tôi và ông ta. Sau bữa cơm chiều, ông ta cho tôi một bánh xà phòng thơm (hồi ấy loại này hiếm lắm) bảo tôi đi tắm cho mát. Tôi thấy làm là nhưng không dám trái lời ông chủ. Ai dè, lúc tôi đang tắm ông ta gọi cửa rồi đẩy tung xông xướng vào ôm chặt lấy tôi ngấu nghiến cấu xin. Hồi ấy tôi còn trẻ, khỏe, lấy hết sức đẩy đưa thoát khỏi vòng tay nhầy nhụa của ông ta chạy lên buồng đóng chặt cửa lại. Cứ thế đứng run lấy bầy rồi khóc. Ông ta đuổi theo đứng ngoài cửa nói ngon ngọt dỗ dành, lúc lâu về ăn năn, xin lỗi, hứa để tôi yên. Ngày vào hồi nửa đêm về sáng, ông ta gọi giật giọng, thẳng thốt: "Nhà Hào đâu đây, dậy mau, nhà như có trộm".

Ông ta sai tôi xuống nhà dưới kiểm tra các cửa xem đã đóng khóa, chốt kỹ lưỡng chưa. Tôi đang lúi húi kiểm tra từng ổ khóa, bỗng điện phụt tắt. Cả nhà tối om om. Nhìn sang hàng xóm thấy sáng trưng. Tôi linh tính thấy điều chẳng lành, tóc gáy cứ dựng cả lên. Thình lình ông ta ôm chặt lấy tôi, sặc sụa mùi rượu. Toàn thân ông ta chẳng thấy có quần áo, nhầy nhụa mồ hôi. Tôi kiên quyết chống cự. Một cuộc vật lộn khá lâu. Lúc hẳn thở dốc định buông tay xé rách quần áo tôi, tôi nhanh cúi gầm người xuống hất mạnh cho hẳn ngã. Hẳn chới với tay, túm được ống quần tôi kéo mạnh. Quần tụt. Tôi tuột khỏi hai ống quần lẫn vào xô tối, khe khẽ lặn mò về phòng đóng xập cửa lại. Chết chết. Hẳn đứng ngoài cửa, ôm cái quần của tôi, hậm hực chửi đổng: "Đồ nhà quê, làm bộ làm tịch. Tưởng danh giá lắm đấy. Rồi có lúc ngứa ra xin chắt chắt nào nó thêm". Chờ bà chủ về lấy có thằng con út đến tìm, tôi xin phép về không đến làm nữa. Bẵng đi đến hơn chục năm, khi ông ta giàu có lại tìm đến tôi xin lỗi, hứa phụng dưỡng tôi suốt đời, với điều kiện tôi làm u nuôi của ông bà và phải đổi tên là U Hào, có giấy tờ đăng hoàng. Giữa lúc tôi không có việc làm, chồng con bạc bẽo bỏ đi hết, thân cô thế cô, người ta cũng nghĩ lại, tôi bằng lòng. Ai dè chỉ là cái bình phong cho họ bòn rút tiền của người khác. Chả là cả ông lẫn bà không còn bố mẹ nữa. Tôi ốm đau người ta cũng ừ ừ kéo đến thời thì đủ loại quà cáp, phong bì. Nhưng tôi có được hưởng, được biết tí gì đâu. Đường sửa lủ trẻ ăn uống không hết nhờ người bán. Tôi chỉ được uống của thừa cốc cạn. Không biết lúc tôi chết họ còn bày vẽ thế nào đây. Tôi gửi bà gói này phòng khi có mệnh hệ gì bà gửi giúp cho cháu tôi theo địa chỉ đây. Bà thương tôi bà giữ kín hộ nhé. Tôi thương bà lão quá. Sau lần ấy bà ốm nặng. Tôi nhiều lần định sang thăm bà, nhưng ngại vì nhà bên ấy kín cổng cao tường lại khách khứa lu bù, rất cuộc, bà ấy mất mà chị em tôi không gặp được nhau. Khi về nhà nghe bà con lối phố kể về đám ma phúng viếng những ba bốn ngày, vòng hoa, ô tô đưa đám không đếm xuể. Tôi vừa mừng vừa xót xa cho bà. Mừng vì bỗng dưng bà được hưởng bà vinh hoa khi nhắm mắt. Xót xa vì thân phận bà bị người ta coi như một món hàng để lừa người, lừa dối mưu lợi riêng. Kiếp người ta cũng ba bảy đường thế đấy anh chị ạ.

Bà lão ban đi Hào ra về một lúc lâu rồi mà vợ chồng tôi cứ lảng đi.

Đến lúc vợ tôi thôi sụt sịt, nói trong tiếng nấc dài, chua chát, tôi mới càng trách mình đã ngu lâu quá.

Đã bảo mà, có sai đâu, hôm ấy em gặp Di gần thể nào cũng không được. Chân chà nói lại với anh nữa. Đời người ta sao lắm oái oăm, ngang trái thế. Cái gì đời được son son thiếp vàng trung ra trước thiên hạ, còn cái thật, cái tốt thì cứ bị lợi dụng cho đến lúc chết cũng không buông tha.

Câu chuyện về Di Hào tôi (hay người ta đổi thành U Hào để lợi dụng đi chẳng nữa), tưởng chúng tôi chẳng dính líu gì, hóa ra rồi cuộc lại là người được hưởng quyền chăm sóc mộ phần, và cúng giỗ Di tôi, theo di chúc Di để lại.

Vợ chồng tôi có dự định, khi nào mãn tang xin phép bốc mộ Di về đất cạnh mộ mẹ tôi để hai bà già gần gũi nhau tâm tình như thuở hai bà còn sống ở đời. ■

Đ.T.H.

(Tiếp theo trang 1)

mẹ tôi vào giờ làm việc chiều, chỉ có mẹ tôi ở nhà. Đọc thư, trong lòng chộn rộn quá mẹ tôi vội gọi điện thoại đến cơ quan tôi báo về nhà gấp. Cả buổi chiều hai mẹ con đọc đi đọc lại gần như thuộc lòng bức thư. Đọc thư. Bàn chuyện đi Cao Lãnh. Lại đọc thư. Ngay đêm đó mẹ tôi viết thư cho má Ngàn. Đêm đã khuya mẹ tôi còn lẩm rầm khấn vái trước ảnh thờ bố tôi.

Chuyến đi Cao Lãnh được mẹ tôi và vợ chồng tôi hoạch định tối hôm đó. Người đi: Mẹ và tôi. Chồng tôi phải ở nhà với đứa con đang đi học của chúng tôi. Ngày đi: Tôi thu xếp công việc để có thể lên đường vào thời gian sớm nhất. Có một chuyện nhỏ nhưng tôi rất nhớ là trước hôm tôi đi mua vé xe lửa, mẹ tôi thấp hươg hỏi bố tôi rằng ông ơi, tôi và con gái vào thăm ông rồi đón ông về nhà? Nếu ông đồng ý thì phù hộ cho mẹ con tôi đi đường may mắn. Cả ba lần mẹ tôi gieo đồng xu cổ xuống đĩa, lần nào cũng có một đồng tiền sấp một đồng tiền ngửa! Mẹ tôi ngẩn ra suy nghĩ rồi lẩm bầm: Thế là thế nào hả ông? Ông chưa về được hay sao? Thôi, mẹ con tôi cứ vào thăm ông đã. Vào trong đó rồi tình sau vậy, ông có đồng ý không? Lần này thì cả hai đồng xu đều ngửa! Thế là bố tôi đồng ý đấy.

Chúng tôi lên đường vào mùa bão lụt miền Trung. Vào đến Quảng Bình, đoàn tàu của chúng tôi đụng phải cơn bão lớn. Nhiều đoạn đường ray như hai sợi dây điện chênh vênh vắt qua miệng vực. Mẹ con tôi cùng cả mấy trăm khách đi tàu phải rời tàu tìm nhà trọ chờ ngành đường sắt sửa đường, nhanh cũng phải cả tuần. Mẹ tôi lại thấp hươg kêu cầu bố tôi. Một lần nữa bố tôi lại linh ứng giúp mẹ con tôi. Ra quán ăn cơm tôi gặp được người quen lái xe tải vào Đà Nẵng nhận hàng. Chiếc xe tải đưa mẹ con tôi đi theo những cung đường Trường Sơn tránh con đường số một đang ngập sâu trong nước. Từ đó mẹ con tôi không gặp trở ngại nào trên đường nữa.

Tôi vừa đi xuống bước xuống ô tô ở bến xe Cao Lãnh thì một cô gái ào đến xoắn xuýt.

- Má Hà! Chị Hai!

Hai mẹ con tôi sững lại, trố mắt ngạc nhiên. Không ngờ mẹ tôi lại nhạy bén hơn tôi, bà lập bập nói:

- út Phước đó con?

Sau tiếng "ạ" nhẹ của út Phước, mẹ tôi rần rần nước mắt.

- Sao con nhận ra má?

út Phước liu riu:

- Con đoán. Và con cũng nhận ra được những nét

hao hao với bức hình của má treo ở nhà con. Tính ngày đi đường, con ra đây đón má và chị Hai ba hôm nay rồi. Hôm nào con cũng chờ đến chuyến xe cuối cùng ở Sài Gòn về không thấy má và chị Hai, con mới về nhà.

Tôi quệt những chấm mồ hôi trên má út, nói:

- Thư em chỉ đường rõ thế là chị và má tự tìm về nhà được rồi, đón làm chi cho cực, út! Không ngờ em gái của chị xinh quá! Má có khỏe không em?

út Phước xinh thật! Tôi buột miệng khen út rất thật lòng làm cho hai má út đỏ lựng và đôi mắt càng sáng lên lấp lánh, vẻ đẹp của út càng mặn mà, tươi tắn. út Phước riu rít:

- Dạ, má khỏe. Má ở nhà đang ngóng má Hà, chị Hai đó!

út Phước vợ gọn mấy túi đồ xách trên hai tay, nói:

- Còn phải đi một chặng xe nữa đấy, má có mệt không?

Mẹ tôi giã nải:

- Má không đi ô tô nữa đâu! Uống ngụm nước sâm cảm hơi, lên ô tô cũng ỏi hết rồi! Nếu không xa lắm thì đi bộ cũng được. Mấy ngày bố chân trong tàu xe rồi, bây giờ được đi bộ một đoạn cũng dễ chịu.

út Phước nhẹ nhàng:

- Đường còn khá xa, không đi bộ được đâu, má! Không phải chui vào ô tô nữa mà đi xe lôi mũi trâu, mát lắm. Vào Đồng Tháp má phải đi xe lôi cho biết. Không ở đâu có xe lôi như Đồng Tháp đâu! Xe kia má!

út Phước vậy chiếc xe lôi lại, xếp đồ lên rồi đỡ mẹ tôi lên xe. Tôi và út Phước đã ngồi gọn trong thùng xe, người lái ngồi phía trước liến gò lưng đạp. Đặt chân đến Cao Lãnh, vật đầu tiên làm cho tôi phải tò mò ngăm nhìn chính là chiếc xe lôi. Đó là chiếc xe đạp ba bánh, thùng chở khách đặt trên hai bánh xe song song phía sau.

Đường phố Cao Lãnh còn mang dáng vẻ nửa phố nửa làng nên tiết tấu cuộc sống khá thông thả, bình lặng. Ra khỏi thành phố, con đường càng yên tĩnh hơn. Một dòng nước trong xanh không biết là dòng sông hay dòng kênh chạy song song với con đường. Cảnh sắc hiền hòa, êm đềm như ở đây chưa từng có bom đạn, chết chóc. Nếu bố tôi không ngã xuống đây thì tôi không thể tin rằng mảnh đất này vừa trải qua những năm dài chiến tranh khốc liệt. Tôi lại ngăm ngùi xót thương cho bố. Xe chạy ngang qua một nghĩa trang liệt sĩ. Những bia mộ đóng hàng đôi ngũ. Tôi muốn hỏi út Phước về phần mộ của bố. Nhưng điều hệ trọng thiêng liêng ấy không thể là câu chuyện trên đường nên tôi chỉ hỏi út Phước về những người đang sống, về má Ngàn, về út Phước...

Không như sự hình dung của tôi, má Ngàn cao dong, khô gầy, tóc cắt ngắn, bạc trắng từng vệt. Má mặc bộ

18.vn

đồ lụa xanh và trên đôi vai gầy không có tấm khăn rằn. Nhìn thấy mẹ tôi, má hấp tấp đi lại. Hai bà mẹ của tôi ôm lấy nhau nghẹn ngào. Má Ngàn lên tiếng:

- Tôi kêu chị là chị Tư như trước đây tôi kêu anh Tư Đức vậy nghe!

Mẹ tôi vẫn nắm tay má Ngàn lắc lắc:

- Mọi người đều kêu tôi là Hà và tôi cũng đã quen với cái tên đó rồi. Nhưng thôi, đi muốn kêu tôi tên gì cũng được! Chị em còn được gặp nhau thế này là quý rồi! Sao tóc đi đã trắng như mây thế này? Di còn kém tôi một tuổi kia mà!

- Đời em cực lắm chị ơi! Chị ngồi đây em quạt cho hết mồ hôi rồi chị ra tắm rửa cho mát. Ở đây chưa có điện, chưa có nước máy, chị chịu cực với em ít ngày.

- Di đừng làm thế, tôi tự quạt được mà!

Mẹ tôi định cầm chiếc quạt trong tay má Ngàn nhưng má Ngàn không chịu, cứ quạt lia lịa cho đến khi út Phước dẫn mẹ tôi ra nhà tắm.

Tắm rửa xong, mẹ con tôi vào nhà thì thấy má Ngàn lại bảo:

- Em đã chuẩn bị đồ cúng. Phải kêu anh Tư về chúng kiến chị em mình gặp nhau để ảnh chia vui với chị em mình.

Má Ngàn thấp nhang, đưa cho mẹ tôi ba cây:

- Chị vái anh trước rồi mới đến lượt em!

út Phước cũng đưa cho tôi ba cây nhang. Tôi cầm nhang trong tay cứ đứng lặng ngăm nhìn bố tôi trong bức ảnh trên bàn thờ. Bố tôi mặc quân phục, trên cổ áo là cấp hàm trung úy. Bức ảnh bố tôi chụp khi còn đóng quân ở ngoài Bắc. Ở Hà Nội, mẹ tôi cũng thờ tấm ảnh này. Mắt bố tôi nhìn thẳng vào tôi chăm chú còn miệng bố tôi như đang vui mừng hỏi chuyện tôi. Ngày bố ra mặt trận, chị em con con bé xiu chưa biết đến nỗi buồn, nỗi mất mát của việc cha con phải li biệt, xa cách. Đến lúc con biết thêm khát có bố thì con chỉ có bố trong ảnh. Di hai ngàn cây số tìm bố, con cũng chỉ được gặp gương mặt bất động của bố. Trong ảnh, bố vẫn là người lính!

Chợt câu chuyện của hai bà mẹ làm tôi chú ý. Hai bà đã dẫn nhau ra ngồi ở giường. Tiếng má Ngàn:

- Chị Tư à, hồi đó bom đạn rần trời, sống chết chẳng có khoảng cách! Giữa sự sống và cái chết ấy, tụi em chỉ có tình thương dành cho nhau để chống đỡ bom đạn, để biết mình còn sống! Thế nên em trở thành có lỗi với chị! Lẽ ra em phải ra ngoài gặp chị nhận lỗi rồi xin chị cho em được nhận chị, cho con em được nhận anh, chị của

Đất phương...

nó. Nhưng em chưa đi được thì chị đã vào với em. Thế là em đã được chị nhìn nhận, em đã được chị thương rồi.

Mẹ tôi cũng rì rầm giải bày:

- Sao đi lại nói đến tội lỗi cho nó nặng nề! Mọi chuyện đều do chiến tranh cả! Vì chiến tranh anh Đức phải xa mẹ con tôi. Vì chiến tranh anh Đức được gặp di. Có đi chăm sóc, chia sẻ, anh Đức bớt đi được một phần sự đau đớn về thể xác và bớt đi cả một phần sự cực khổ, thiếu thốn về tinh cảm! Tôi hiểu điều đó chứ. Anh Đức mất đi đã là mất mát quá lớn của cả tôi và di. Cái còn lại là chúng ta phải cư xử sao cho không để mất mát thêm. Vào đến đây tôi càng thấy anh Đức là một người thông, người cha trọn vẹn, minh bạch. Cả tình cảm di dành cho anh Đức, cho mẹ con tôi cũng nói lên điều đó. Vì thế, vào đến đây tôi như được về nhà mình. Thế là tôi được thêm chứ không mất thêm! Phải không di?

- Dạ!

- Tôi vào đây để chị em mình nhận nhau, để chị em chúng nó nhận nhau rồi tôi xin di cho tôi đón anh Đức về ngoài đó.

- Chị không đón được anh Tư ra ngoài, em rất khổ tâm. Nhưng anh Tư không thể trở về với chị được đâu, chị Tư à!

Tôi giật mình khi nghe má Ngàn nói như thế. Má Ngàn muốn giữ ba Đức lại, không cho mẹ con tôi đón bố tôi về? Tôi thấy mẹ tôi cũng sững lại. Mẹ tôi như hốt hoảng, không biết nói gì nữa, chỉ nhìn má Ngàn như cầu khẩn, như van xin, trông thật tội nghiệp! Má Ngàn cũng bối rối không kém! Má Ngàn à, con biết tình cảm má dành cho ba Đức thật sâu nặng nhưng ba Đức còn là người dân ông của họ tộc. Từ ngày biết ba Đức nằm lại ở Cao Lãnh, không ngày nào ông nội con không nhắc đến việc đi đón ba Đức. Ông đã chọn chỗ cho ông và ba Đức ở mảnh đất quê nhà. Ở cõi linh thiêng ấy của gia tộc, ba Đức không thể trống vắng! Xin má cho mẹ con được đón ba Đức về!

Má Ngàn than thở:

- Chị mới một lần mất mát! Em đã mất mát đến hai lần! Hai lần là vợ liệt sĩ Chồng trước của em cũng không tìm được hài cốt! Cứ nghĩ đến lại thấy khổ tâm, bất an trong lòng! Em hiểu nỗi mong mỏi của chị! Nhưng biết làm thế nào được, chị à! Cuộc chiến tranh mà chị em mình phải chịu đựng khốc liệt quá!

Một người đàn ông lập cập bước vào nhà, giọng nói ầm ầm như sóng đập vào đá:

- Chị Tư vô rồi hả! Trời ơi, chị để chúng tôi ngóng hoài!

Má Ngàn giới thiệu:

- Chú Chín cùng đơn vị với anh Tư đó, chị Tư à! Mấy hôm nay, ngày nào chú Chín cũng từ trên huyện về hỏi chị Tư đã vô chưa?

Một chân chú Chín cứng đơ. Chú ngập ngừng bước lại ngồi xuống chiếc ghế nhựa do út Phước mang đến. Đang ồ ào hỏi thăm sức khỏe và cuộc sống của mẹ con tôi, bỗng chú nhìn quanh rồi kêu lên:

- Trời ơi, suốt mấy chục năm trời chị em mới gặp nhau mà ngồi nói chuyện nhạt thế này đâu có được! Con út sao không vô bếp mà còn ngồi đây hóng chuyện!

Má Ngàn vẫn nhẹ nhàng:

- Chú Chín cứ ngồi nói chuyện với chị Tư đi rồi đâu có đó! Đàn ông gặp nhau mới cần đụng ly, cụng chén! Đàn bà gặp nhau chỉ cần nói chuyện! Chị Tư đang muốn nghe chuyện. Bây giờ có dọn đồ ăn ra, chị Tư cũng chỉ chống đũa ngồi nghe!

Tiếng sóng lại ầm ầm đập vào đá.

- Chuyện lúc nào nói chẳng được! Còn ăn thì phải có bữa! Chị có biết mấy giờ rồi không?

Mẹ tôi lên tiếng:

- Chị em tôi đang đổi chuyện chứ không đổi cơm! Chú Chín cùng đơn vị với anh Đức, biết nhiều chuyện về anh, chú kể cho mẹ con tôi nghe với.

Má Ngàn:

- Chú Chín là người có mặt trong trận chiến đấu cuối cùng của anh Tư và là người duy nhất sống sót trong trận đó. Chú Chín đến thật đúng lúc! Tôi đang nói với chị Tư về ảnh trong trận đó.

Chú Chín nhấp ngụm nước rồi lặng nhìn mẹ tôi bằng ánh mắt thương cảm, chia sẻ. Sự im lặng nặng nề quá! Tôi định lên tiếng hỏi thì chú Chín lại tiếp:

- Giữa lúc bom đạn, mọi cảm giác như tê liệt, không thấy sợ. Trận bom qua rồi mới thấy khủng khiếp quá! Đến lúc không còn thấy đất rung bần bật nữa, tôi rũ đất ngóc dậy, sờ nắn khắp người. Thật kỳ lạ là mặt đất quanh tôi tơi tả, không còn một ngọn cỏ lành lặn, thế mà tôi lại nguyên vẹn. Chiếc máy bay rớt đã bị đánh bay phi tang. Gò đất chỗ anh Tư núp bây giờ là một hố bom rộng trống hoác còn phả hơi nóng và mùi đất ngai ngái. Đoàn trình sát chín người. Tôi gom lại được sáu thi thể lành lặn. Tính cả tôi là bảy! Chỉ tìm thấy bảy người, còn hai người nữa không thấy đâu!

Tôi bỗng rú lên "Bố ơi!". Mẹ tôi cũng bật khóc gọi tên bố tôi. Hóa ra cảm giác cô cút thiếu vắng bố, tôi vẫn mang bấy lâu nay như một cảm, như một cảm nhận, đến lúc này mới thật rõ ràng. Con đã mất bố thật rồi! Tôi bỗng nín lặng khi chợt nghe tiếng khóc của mẹ tôi. Sự mất mát của mẹ tôi mới thật lớn! Tôi mất bố nhưng tôi còn có gia đình riêng của tôi, tôi còn có chống để nương tựa, chia sẻ. Mẹ tôi đã thực sự không còn bố tôi nữa rồi! Bình thường mẹ tôi vẫn gọi bố tôi là "ông Đức!", lúc này mẹ tôi lại gọi bố tôi như thời trẻ trung:

- Anh Đức ơi, anh mất đau đớn quá! Quả bom rơi trúng chỗ anh thì còn gì nữa, anh Đức ơi!

Mẹ tôi đã nhắc đến điều khủng khiếp mà tôi không dám nghĩ đến. Như còn một chút hy vọng, mẹ tôi cố nén nghẹn ngào, hỏi:

- Không tìm thấy một chút gì của anh Đức sao, chú Chín? Một chút thôi, một phần nhỏ nào thôi cũng không còn à?

Tiếng chú Chín không còn ầm ào nữa. Khi chú Chín nói nhỏ nhẹ như mọi người lại trở thành không bình thường:

- Không còn gì cả chị Tư à! Anh Tư và một chiến sĩ trinh sát quê ở Cao Bằng đã tan vào đất đai Cao Lãnh rồi!

Mẹ tôi kêu:

- Sao ác nghiệt thế trời! Đã lấy đi cuộc sống còn lấy đi cả hình hài thân xác chống tôi? Di Ngàn nói rằng tôi không thể đón anh Đức về được là vì thế, phải không di Ngàn?

- Dạ! - Má Ngàn trả lời.

Tôi lại liên hệ tới hôm mẹ tôi hỏi ý kiến bố tôi về việc đón ông về quê, cả ba lần xin âm dương để biết ý kiến ông thì lần nào cũng có một đồng tiền sấp, một đồng tiền ngửa! Đến bây giờ tôi mới hiểu vì sao lại như thế. Thì ra đó là điều bố tôi nói rằng ông rất muốn về nhưng không thể về được!

Ngay chiều hôm đó mẹ tôi đòi ra thăm nơi bố tôi nằm lại. Chỗ hố bom, nơi bố tôi trở về với đất đai, sau năm 1975, má Ngàn và chú Chín đã vun đất lên thành một gò cao và đặt lên đó một miếu nhỏ đúc bê tông. Chú Chín nói rằng trong quy hoạch đã được phê duyệt trang cổ hoang này sẽ là một khu dân cư, chỗ "Miếu anh Tư" sẽ là một bệnh viện! Đến lúc ấy thì miếu chẳng còn mà gò cũng bị san phẳng! Ý nghĩ ấy làm cho tôi xót xa! Trong khi mẹ tôi quỳ trên gò khấn vái thì tôi hí hục móc đất ở gò cho vào một bịch ni lông nhỏ. Không mang được hài cốt bố về thì con mang về nắm đất đã thấm máu bố vậy! ■

P.D.T.

Số 52 (29 - 12 - 2001)

ĐÀO CẢNG – NỤ CƯỜI KHÔNG BỎ QUÊN

VŨ TỬ TRANG



Có thể lớp nhà thơ bây giờ không biết đến Đào Cảng, nhưng lớp nhà thơ thời chống Mỹ hẳn chưa quên Đào Cảng – nhà thơ của đất Cảng Hải Phòng.

Tôi quý anh, khi đọc thơ của anh trên các báo. Rồi một bữa xuống công tác Hải Phòng, tôi bắt đi tìm gặp anh. Con người với những câu thơ về đề tài công nghiệp vạm vỡ đất cảng, lại là người có vóc dáng nhỏ thó, gầy guộc. Anh có thói quen vừa nói chuyện, tay vừa bẻ tóc.

Ngày vui nhất là ngày đi học thơ/Hoa phương reo, hoa phương đỏ trên không/Gói cơm nếp đùm theo thơm dọc phố. / Lúc tỉnh mơ báo động chưa kịp ăn.

Những câu thơ đơn hậu như con người anh. Anh là người không quen nói to, cứ rủ rỉ mà đi vào lòng người. Trong thơ Đào Cảng bắt gặp những con tàu, bến cảng, những xà lan xù xì, những ánh hàn chớp lóe... Bên cạnh đó, lại có cái nhìn tinh tế, non tơ, ấm áp tình người khi viết về thiên nhiên, đất nước. Có khi là cái nhìn sắc lạnh.

Hai giờ đêm/Biển đang đau những nỗi đau u nhọt.

Rồi anh lại viết:

Gió mơ màng trắng cát/ Nắng chập chờn vàng rỏi.

Trong chuyến đi thực tế ở Sa Pa, anh có khổ thơ đáng yêu:

Ngược dòng người xuống, chúng tôi

lên / Những bông hoa lay đôn đầu thắm sáu/ Mọc rải rác trên đồi như bướm đậu / Như những nụ cười ai bỏ quên.

Những năm đầu của cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, Hải Phòng là mảnh đất thu hút nhiều anh em làm thơ viết văn. Phương tiện giao thông ngày đó còn khó khăn, nhiều anh em đã đạp xe từ Hà Nội về Hải Phòng. Hải Phòng vốn là thành phố công nghiệp, thành phố cảng và thành phố thơ. Một loạt các nhà thơ trẻ ra đời ở Hải Phòng, đã có đóng góp và ảnh hưởng tới phong trào sáng tác đó ấy. Đó là: Thanh Tùng, Thi Hoàng, Hoàng Hưng, Văn Long, Nguyễn Tùng Linh, Trần Lưu, Vũ Châu Phối... và trong đó có Đào Cảng!

Đào Cảng từng làm thơ, rồi làm cán bộ phòng lao động tiền lương ở cảng, công việc rất bận rộn. Những chuyến tàu vào, tàu ra, rồi từng công-ten-nơ hàng, công-ten-nơ đạn dược, thuốc men... phục vụ cho thời chiến. Giặc Mỹ ném bom xuống cảng. Cửa cảng với những đêm phòng thủ, rồi tàu đi phá thủy lôi, rồi cảng trắng với anh em thơ thuyền quạnh mình. Đây là những đêm trực chiến thẳng cảng và áp sát cái sống với cái chết. Con người nhà thơ và con người công dân được quyền chất, rèn luyện, thử thách. Những vần thơ thật lòng, không khách sáo, không hoa mỹ của anh ra đời từ hoàn cảnh đấy. Bài thơ đầu tiên của anh in trên báo Văn nghệ là Bài thơ của số, năm 1966. Bài thơ có những khổ thơ xúc động:

Lúc con đi đã xa / Bông mẹ còn đậm in trên cửa sổ / Một khung cửa / Đẹp như màu mắt đợi chờ.

Anh em kể lại, khi Đào Cảng nhận được tờ báo in bài thơ đầu tay của mình, anh cảm động đi khoe khắp anh em công nhân ở cảng, nước mắt ràn rụa sung sướng.

Đào Cảng rất quý bạn bè sáng tác ở Hà Nội xuống. Dù bận rộn mấy, anh vẫn thu xếp thời gian đưa bạn bè đi thăm thành phố cảng của anh. Đã nhiều lần, tôi được anh đưa đi dọc bờ sông Lấp, ngắm phố Tam Bạc với những lá buồm nâu xòe ngang ở cửa. Rồi lang thang ra vườn hoa Đưa Người, qua nhà thờ Tháp Chuông... Cứ mỗi lần đi, anh lại phát hiện ra cái đẹp mới của thành phố cảng của anh. Chúng tôi qua phố Cát Dài, Cát Cụt, Cầu Đất... và trở về Mễ Linh, đây phố nhỏ ở đó có nếp nhà nhỏ gia đình anh sinh sống. Căn nhà nhỏ ấy, là nơi giao tiếp bạn bè bất kể đối no. Chị Hạnh – vợ anh, rất quý khách của chồng. Chị nặng nề lo

mọi việc đời sống, để anh dồn sức làm thơ.

Thế rồi, hàng tuần, hề cứ đến chủ nhật là anh lại nhảy tàu hỏa lên Hà Nội. Dao đó, anh hay đi với Nguyễn Tùng Linh. Hai nhà thơ Hải Phòng này thường đem theo xe đạp lên tàu, để có phương tiện đi lang thang "Ba sáu phố phường". Tôi còn nhớ cái xe đạp Phương Hoàng nam màu xanh cánh chài lớp mòn, kéo kẹt chở hai chàng thi sĩ đất cảng lượn quanh khắp phố nọ phố kia của Hà Nội. Hai nhà thơ ăn vận tuấn toàng, cái xe đạp cao tầng, ghi đồng xe treo lủng lẳng cái túi vải bạt cũ bẩn, trong đó có mấy số tay chép thơ, hề gặp bạn bè thơ, lại giở ra đọc cho nhau cùng nghe. Không khí văn chương đạo đó thật đẹp. Bạn bè viết khảo khát gặp nhau. Gặp nhau là đọc cho nhau nghe dù chỉ là bài thơ đang dở. Khi đọc thơ, Đào Cảng vẫn cái giọng nhỏ nhẹ, đôi khi bực, anh cổ gào lên. Rồi lại chúng xuống. Rồi lại lũng tung, lại lũng lể bẻ tóc.

Năm 1974 Hải Phòng in cho anh cùng Trần Quốc Minh tập thơ Thành phố những con tàu, tập thơ đầu tay của anh. Rồi sau, Nhà xuất bản Lao Động in tập thơ Buồn trong phố – Tập thơ được tặng thưởng Văn học công nhân, phần thưởng xứng đáng cho mấy chục năm anh cầm bút. Năm 1985, tập thơ Thời yêu thương (in cùng Chấm chậm tôi mình của Trúc Thông) Nhà xuất bản Tác phẩm mới ra đời. Tập thơ mở ra những đề tài mới, đây là Bút ký ngày mưa, Mưa lửa, Ghi chép ở rừng, Con mưa vùng mỏ... là những địa danh mới Sa Pa, Chùa Hương, Nha Trang ngày trở lại... và một loạt bài viết về người thân; bà, mẹ, người vợ thân thương... Những bài thơ như bổ sung cho mảng đề tài công nghiệp mà xưa anh hằng quan tâm. Tâm hồn anh được mở ra cùng những vùng trời, vùng đất, khoáng đạt, đa cảm, chất thi sĩ trong anh được biểu lộ rõ hơn. Bài thơ Vùng quê tuổi nhỏ là bài thơ cảm động.

Chuẩn chuẩn kim thuở trước/ Nói cùng ta những gì. / Ta lạc vào tuổi tác / Đến nay quên lối về.

Lời thơ hay là lời thẳng thốt của anh với tuổi thơ, với quê hương, và nó như vịn vào anh trên con đường đi tìm cái đẹp, con đường đi vòng của luân hồi kiếp người, trở về nơi có hương của mình...

Con người hăm hở đến vậy, thế mà trời bắt đầu bệnh. Đào Cảng gánh bệnh bao năm. Thế rồi bao bệnh đánh gục anh khi tuổi còn xanh. Buồn thay, bao năm anh ao ước được lên Hà Nội, để làm việc

một cơ quan gần văn chương hơn, để làm văn chương được nhiều hơn, khi có nơi tiếp nhận, thì cũng là lúc anh phải ra đi...

Ngày tang lễ anh, tôi đang bận công tác xa không về được. Nghe bạn bè kể lại, đám tang anh được gia đình và Ban lãnh đạo Cảng Hải Phòng tổ chức long trọng. Gia đình, họ hàng, bạn bè thân hữu, các quan chức ở cảng, cùng hàng trăm công nhân cảng tiễn đưa anh – họ tiễn đưa một nhà thơ của đất cảng tới nơi yên nghỉ cuối cùng. Tối ngày chôn cất – vợ anh, lo đổi áo sang cất cho anh, tôi về mấy bạn bè ở Hà Nội về dự. Cái buổi sớm nhất nhòa sương khói tại nghĩa trang đất cảng, tôi nhìn nắm xương nhỏ thó bạn tôi xếp gọn trong tiểu sành, cái cảm giác thương tiếc và buồn vô hạn, nghĩ về kiếp người vốn ngắn ngủi và mong manh khôn cùng.

Năm 1977, nhà thơ Võ Văn Trực hồi đó là biên tập Nhà xuất bản Thanh niên, có thân tình tập hợp bốn tác giả: Đào Cảng, Sỹ Hồng, Khánh Nguyên và tôi để in tập thơ Nắng lên cao. Tập thơ hơn trăm trang, mỗi người hơn chục bài thơ, nhưng ngày đó là niềm vui lớn. Cả bốn tác giả, người sớm người muộn, cũng đã là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Ngày giờ tập thơ giấy đã ố vàng, chợt rùng mình vì hai tác giả đã ra đi: Đào Cảng và Sỹ Hồng! Cả hai ra đi khi tuổi còn trẻ. Mà lạ thế, những người tốt sao lại thường phải ra đi sớm?! Người còn lại, dù có chút quyền chút tiền gì đó, nhưng xem ra vẫn nhiều đau dứt, khổ đau, lận đận với nghiệp con chữ.

Giở đọc lại Vùng quê tuổi nhỏ (Nxb Hải Phòng, in năm 1988) tập thơ như hệ thống lại đời thơ Đào Cảng; tôi càng thương tiếc một tài năng thơ bị ngắt đoạn. Sinh thời, anh có dự định viết trường ca dài về cảng Hải Phòng, nơi gắn bó gắn cả đời anh, anh muốn tra nghĩa với tập thể mà anh từng gắn bó, thì anh không còn thực hiện được nữa.

Kèn sâu bằng đã hạ / Gọi ta suốt tháng hè/ Chờ ta, chờ ta nhé / Một vùng quê tuổi thơ.

Khổ thơ trong bài thơ của anh, được gia đình khắc lên mộ chí, như nỗi niềm thương yêu da diết của anh với mọi người.

Văn chương có thể cứu vãn con người? Tôi thấy đây là điều xa xôi. Chỉ biết, nhờ văn chương đã cho tôi biết Đào Cảng. Văn chương, đã cho Đào Cảng nhiều hoài bão. Và Đào Cảng có một vị trí riêng trong cõi văn chương. Nhà thơ Đào Cảng, mãi đắm trong tôi một con người với niềm khao khát khôn cùng.■

Tháng 11-2001

PHẢI ĐỔI MỚI...

(Tiếp theo trang 17)

nên đi con đường tổ chức lớp riêng để nhồi tui.

g) Tư duy biến chứng là cốt lõi của tư duy sáng tạo nhưng việc học triết học DVBC hiện nay trong các nhà trường chưa thành công vì học không đi đôi với hành, hành "gần" trước, hành "xa" sau. Hành "gần" là ứng dụng ngay vào việc học hàng ngày thông qua các bộ môn khoa học. Phải nghiên cứu để ứng dụng, phát triển phương pháp luận các bộ môn.

4. Các quy luật về "định hướng xã hội chủ nghĩa". Định hướng xã hội chủ nghĩa trở thành một quy luật trong chế độ ta. Tuy nhiên quy luật này khá trừu tượng nếu không làm hiện ra thành những quy luật thứ cấp, cụ thể hơn. Đó là:

a) Quy luật về sự bình đẳng trong quyền lợi học tập giữa người giàu và người nghèo, giữa thành thị và nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa. Thực tế hiện nay đang có một sự bất công trong việc hưởng quyền lợi giáo dục. Vận dụng các quy luật ở phần 2 liên quan đến chất lượng giáo dục thì sẽ thanh toán đến các bất công đó, tạo ra một xã hội học tập trong đó ai cũng có điều kiện để học và biết học một cách thông minh, ai cũng đóng góp theo khả năng của mình cho giáo dục, ai cũng khuyến học đối với chính mình và đối với người khác.

b) Quy luật về sự chủ đạo của các trường công lập. Chủ đạo phải trên cơ sở bình đẳng về tất cả các mặt trước pháp luật của "công lập" và "dân lập", "tư thục". "Chủ đạo" như vậy không thể ép từ trên xuống mà phải từ trong lòng "công lập" mà ra. "Công lập" sẽ phát huy tác dụng chủ đạo bằng "chất lượng" là chủ yếu, chứ không phải bằng "số lượng". Hiện nay "công lập" đang là số đông, "dân lập" đang là số ít nên nhiều vấn đề chưa bộc lộ ra đầy đủ. Nhưng cũng đã thấy một số mặt "yếu" của công lập và những mặt yếu này, nếu không khắc phục sẽ gây trở ngại cho vai trò "chủ đạo".

- Nhiều giáo viên công lập "chân ngoài dài hơn chân trong", chạy theo "thu nhập", chưa hết tâm trí để dạy và để tự học mà tiến lên.

- Hiệu trưởng trường công lập ít quyền hạn hơn hiệu trưởng trường dân lập và vì vậy, dù có năng lực cũng bị bó

tay trước nhiều việc. Ví dụ, dù có năng lực cũng khó có hiệu trưởng công lập nào dám nhận những học sinh hư, học sinh kém để giáo dục như hiệu trưởng trường Đinh Tiên Hoàng ở Hà Nội.

Cho nên, phải có nhiều thay đổi trong việc quản lý các trường công lập thì các trường này mới duy trì và phát triển được vai trò "chủ đạo".

c) Quy luật về việc chủ nghĩa Mac-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của chế độ ta.

Triết học duy vật biện chứng phải trở thành vũ khí tư duy của mọi người. Muốn vậy, việc học triết học duy vật biện chứng phải đưa lại hứng thú cho người học bằng việc vận dụng có hiệu quả vào những việc "gần" trước, việc "xa" sau như đã nói ở phần 3. Đối với khu vực quản lý thì triết học DVBC cũng góp phần đắc lực vào việc vận dụng các quy luật một cách có hiệu quả nhất, chuyển hoá được khó khăn thành thuận lợi, để phòng được thuận lợi chuyển hoá thành khó khăn.

5. DT bất biến ứng vạn biến. Thời đại "bùng nổ thông tin" đưa đến khó khăn sau đây: số năm học không tăng mà kiến thức nhân loại tăng lên vùn vụt. Phải tìm ra cái "bất biến" để ứng với cái "vạn biến" của kiến thức. Đó là cách học: chủ động tìm học, tự học, tự nghiên cứu. Chỉ có với "cách học" này, người ta mới luôn cập nhật được sự phát triển của khoa học. Trong phạm vi kiến thức, thì kiến thức cơ bản lâu hoặ chậm (thuyết tương đối ra đời đã gần 100 năm vẫn là một nền móng của vật lý hiện đại) nên có thể coi là bất biến, còn công nghệ là "vạn biến". Nội khoa phải khắc sâu cho được kiến thức cơ bản còn ngoại khoa phải bám cho được sự phát triển của công nghệ, đó là cách để "đi bất biến ứng vạn biến" xét trong nội dung.

Ngành giáo dục đã đề ra 20 năm (tính từ 1981) để thay chương trình, thay sách liên miên, không chú ý đến phương pháp và đến nay vẫn chờ có chương trình, sách giáo khoa mới rồi mới đổi mới phương pháp, trong lúc hoàn toàn có thể tận dụng sự độc lập tương đối của phương pháp đối với nội dung để bắt đầu sớm việc đổi mới phương pháp, như vậy cũng là sai quy luật thời đại thể hiện ở câu nói: "Học là học cách học, dạy là dạy cách học".

6. Thống nhất trong đa dạng. Đất nước ta đã thống nhất nhưng là thống nhất trong sự đa dạng. Chương trình, phương pháp, kế hoạch dạy học đều phải có một lối cốt thống nhất nhưng phải chứa lẽ cho sự đa dạng của các địa

phương vì thiên nhiên và xã hội của các địa phương đều thống nhất là thiên nhiên, xã hội Việt Nam nhưng lại đa dạng theo địa phương. Ví dụ, "vùng lũ" thì nên thay "nghỉ hè" bằng "nghỉ lũ", vùng núi cao rét mướt thì nên thay "nghỉ hè" bằng "nghỉ đông". Muốn quản trị cái đa dạng cho hợp lý và cho sâu thì phải có nghiên cứu khoa học tại chỗ. Hy vọng rằng, vận dụng phần 3, trong một tương lai gần mỗi trường học đều vừa là trung tâm giáo dục, đào tạo vừa là trung tâm khoa học (tỉ ra là đối với phường, xã).

7. Kết luận chung. Rất cần đổi mới quản lý giáo dục để giải phóng thêm nhiều nội lực tiềm ẩn. Thực chất của các nội lực tiềm ẩn chính là sức mạnh của sự "tất yếu" ẩn trong các quy luật khách quan và trong cách vận dụng chúng. Trong cách vận dụng này phải lấy phương pháp luận DVBC làm cốt lõi, nhìn mọi sự vật đều là sự thống nhất của các mặt đối lập với khả năng chuyển hoá từ mặt đối lập này sang mặt đối lập kia. Ví dụ "học chuyên môn thấy là một thuận lợi thì phải để phòng tư tưởng ý lại vào thấy", í phát huy nội lực. Học xa thấy là một khó khăn thì có thể chuyển khó khăn đó thành thuận lợi "khó ý lại vào thấy".

Bộ máy quản lý hiện nay quá công kênh mà kém hiệu lực vì nghiên cứu yếu, thanh tra yếu mà lại hơi thừa chỉ đạo. Nên xây dựng các trường Đại học và các trường cán bộ quản lý giáo dục thành những trung tâm nghiên cứu mạnh về các khoa học trong đó không chỉ nhấn mạnh đến tin học, vật liệu, năng lượng, công nghệ sinh học mà phải nhấn mạnh cả khoa học tư duy và khoa học quản lý giáo dục. Trên cơ sở nghiên cứu tốt và thanh tra đánh giá uốn nắn bồi dưỡng cán bộ, còn việc chỉ đạo thì nên bớt đi vì dạy học vừa là một khoa học, vừa là một nghệ thuật, các tình huống sự phạm biến động khôn lường, sự chỉ đạo không cần thân nhiều khi lại gây trở ngại cho sáng tạo. Có thấy giáo nổi tiếng đã nói vui, nửa đùa nửa thật, với các đồng nghiệp trẻ: "Ngày xưa, số đi tôi dạy giỏi vì chả ai chỉ đạo tôi cả, tha hồ phát huy sáng kiến". Câu nói vui này có phần cực đoan nhưng nhìn lại quá khứ, quá không thiếu những ưu trí cũng nhắc trong chỉ đạo dạy và học như chỉ đạo "nắm bước lên lớp", "bổ các chứng minh đảo trong các bài toán quỹ tích" (trong lúc mà "thuận, đảo" dạy cho học sinh biết tư duy kín kẽ).■

N.C.T.

(*) Xem báo An ninh thế giới cuối tuần, số 7, ngày 25-11-2001, trang 3.

BẠN ĐỌC VỚI VĂN NGHỆ

LẠI CHUYỆN SÁCH GIÁO KHOA

(Trào đố thêm về một số chi tiết trong sách giáo khoa Văn trung học sơ sở)

1 Phần Tiểu dẫn bài *Hịch tướng sĩ* - Trần Quốc Tuấn (sách giáo khoa Văn 9 tập I) có viết: "... Về già, Ông xin nghỉ hưu ở Vạn Kiếp, nay thuộc Chí Linh, Hải Hưng, sau mất ở đây, nay vẫn còn đền thờ".

Viết như trên là không chính xác. Bởi lẽ Trần Quốc Tuấn đảm trách Quốc công Tiết chế đến hơi thở cuối cùng. Và lại, dùng chữ "nghỉ hưu" ở đây là thời hiện tại. Thứ nữa, viết như trên người đọc có thể hiểu về già Trần Quốc Tuấn mới về Vạn Kiếp. Thực tế địa danh Vạn Kiếp có từ cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Từ cuộc kháng chiến lần thứ hai Trần Quốc Tuấn chọn làm phủ đệ của mình (vừa là nơi ở vừa là tổng hành dinh).

2. Đoạn trích "Kiếu ở lầu Ngưng Bích" (Văn 9 tập I) với câu thơ: "Tấm son gột rửa bao giờ cho phai", sách bài soạn Văn 9 - Vụ trung học phổ thông - Bộ Giáo dục xuất bản 1996 có gợi ý như sau:

"Nỗi đau đớn của nàng là nàng phải từ bỏ tình yêu, từ bỏ tấm lòng son dành cho mỗi tình đầu, Tấm son gột rửa bao giờ cho phai? Bao giờ thì nàng mới có thể nhạt phai được tình cảm với chàng Kim mà không nhạt phai được thì nàng còn đau khổ đau khổ".

Ta thấy hiểu như trên là rất nông, thậm chí còn sai tinh thần của câu thơ. "Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?" là một câu hỏi tu từ theo lối khẳng định tấm lòng chung thủy của nàng Kiều đối với Kim Trọng. Tuy nhiên không phải trả lời hỏi bao giờ thì gột rửa được lòng son này để khơi dẫn vật đau khổ như ý của câu gợi ý trong sách Bài soạn...

Phải hiểu nỗi đau khổ dẫn dắt của Thuý Kiều là ở khía cạnh khác: Nàng thất thân với Mã Giám Sinh, bao giờ mới gột rửa được nỗi nhục ấy để xứng đáng với người yêu. Hiểu như vậy, có lẽ mới xứng được tấm lòng cảm thông của Tổ Như với Kiều.

3. Câu 2 đề II (Đề thi tốt nghiệp THCS tỉnh H, năm 1998-1999 - Môn Văn - Tiếng Việt) có nêu:

Chép lại theo trí nhớ hai câu luận bài "Thương vợ" của Trần Tế Xương. Cách biểu đạt của Văn học dân gian được nhà thơ vận dụng như thế nào trong hai câu luận?

Học sinh đều dẫn được hai câu:
Một duyên hai nợ âu đành phận
Năm nắng mười mưa dám quản công

Và đều trả lời tác giả vận dụng từ thành ngữ "Năm nắng, mười mưa" nhưng đến "Một duyên hai nợ" bắt nguồn từ bài ca dao nào thì cách trả lời không thống nhất. Song biểu điểm chấm lại hướng dẫn: câu thơ "Một duyên hai nợ âu đành phận" là vận dụng từ câu ca dao: "Một duyên hai nợ ba tình". Nếu chỉ nêu câu ca dao như vậy nghĩa là chưa nói được điều gì. Duyên nào? Nợ nào? Và tình nào? Nếu lục lại tất cả các bài ca dao có câu "một duyên hai nợ ba tình" thì bài ca dao đó như sau:

Một duyên hai nợ ba tình
Chiêm bao lần quất bên mình năm canh
Năm một mình, lại nghĩ một mình
Ngon đèn khêu tỏ bóng huỳnh thấp cao
Trông ra nào thấy đâu nào
Đám mây vô vấn, ngôi sao mập mờ
Mong người lỡ làng, nghĩ ngẩn ngơ.
Phải nói ngay rằng bài ca dao không ăn nhập gì với

câu thơ của Trần Tế Xương. Ở đây có một duyên: duyên vợ - chồng; hai nợ: nợ chồng, nợ con và ba tình: tình nghĩa vợ chồng và còn tình những ai khác?... Bài ca dao dùng một tâm sự cô đơn, một mong đợi ngoại tình, khác xa với phẩm chất thủy chung hy sinh của bà Tú.

Sách hướng dẫn Bài soạn Văn 9 (Vụ Trung học Phổ thông - 1996) lại viết: "Duyên may có một mà nợ những hai, nhưng bà Tú không kêu ca, không phàn nàn, bà chỉ âm thầm chịu đựng: 'Âu đành phận'. Sao lại coi đây là 'duyên may'? Ông Tú bảo bà Tú lấy được mình là duyên may ư? Thực ra vợ chồng đủ hạnh phúc hay bất hạnh đều gọi là 'nhân duyên' thế thôi.

Rõ ràng viết như trên là vói vằng. Giáo viên sử dụng sách Hướng dẫn Bài soạn nếu không nghiên cứu kỹ cứ nói lại nguyên si thật rất nguy. Thần thái tinh tú văn chương nhiều khi bị bóp méo hiểu lệch một cách dung tục thô thiển quá chừng!

Vậy Ông Tú đã vận dụng bài ca dao nào? Chỉ có một bài ca dao duy nhất sau:

Chồng con là cái nỏ nắn
Thà rằng ở vậy nuôi thân béo móm!

4. Về Truyện thuyết Hồ Gươm (sách Giáo khoa Văn 6 tập I) có chi tiết Lê Thần kéo lưỡi nhất được gươm ở sông nơi Thanh Hoá sau gươm về tay chủ tướng Lê Lợi làm nên sự nghiệp đánh đuổi quân Minh giải phóng đất nước. Sau đó kiếm lại được trả ở hồ Tả Vọng nơi Thăng Long. Nếu có học sinh hỏi: Tại sao nhân kiếm một nơi lại trả một nơi và cách xa nhau thế, e rằng giáo viên khó trả lời một cách chu đáo.

Giải thích điều này cần vận dụng quan niệm về thế giới trong tín ngưỡng dân gian. Thế giới này bao gồm bốn phủ. Mỗi phủ có một mẫu (Đức Mẹ) cai quản. Đó là phủ nước (Thủy phủ thường đọc chệch là thoát), phủ đất (địa phủ), phủ trời (thiên phủ), phủ rừng núi (nhạc phủ). Tuy nhiên vận còn sự pha tạp giữa tín ngưỡng của bản địa Nam (Việt Nam) với bản địa Bắc (Trung Quốc) nên việc cai quản một số phủ nhiều khi cũng là những Đức Ông (Long vương, Diêm vương...). Vậy nên dù sông ngòi, hồ, biển... ở đâu cũng chung một phủ (lãnh phận). Rùa thần sứ giả của Long Vương vẫn có thể đổi được gươm mặc dù ở cách rất xa nơi cho mượn.■

NGUYỄN KHẮC THỦ
Trưởng THCS Thành Nhân
huyện Ninh Giang - Hải Dương

ĐỊNH HƯỚNG CHO DÒNG NHẠC TRẺ - CẦN CÓ THỜI GIAN

Thị trường băng, đĩa nhạc vài năm gần đây sôi động hẳn lên không phải là không có sự đóng góp tích cực của nhạc trẻ. Tuy nhiên nhiều ý kiến - nhất là giới nhạc sĩ lão thành "lên tiếng" dữ dội hiện tượng ào ạt xuất hiện nhiều ca khúc - nhất là trên sóng *Làn sóng*

xanh FM 99,99 MHz, của Đài Tiếng nói Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Và từ đó hai chữ xuất hiện khá nhiều trên tất cả thông tin đại chúng, đó là "náo tình". Quả thật, sự xuất hiện nào cũng có tích lịch sử của nó. Ví như trong văn học, sự ra đời các nhóm như *Tự lực Văn đoàn*, *Thơ mới*, *Văn học hiện thực phê phán*, *Văn học Cách mạng* (từ khi Đảng lãnh đạo)... là tín hiệu lạc quan góp phần tổ ấm không khí văn chương, nghệ thuật. Và được đón nhận đông đảo từ phía quần chúng nhân dân không phân biệt giai cấp... Duy chỉ có nhóm *Tự lực Văn đoàn* do sai lầm về đường lối chính trị nên chững lại trong lòng độc giả vốn yêu thích văn chương lãng mạn. Nhưng đến nay nó dần khẳng định lại vị trí của mình trên diễn đàn văn học.

Về mặt đời sống âm nhạc, có thể nói không quá đáng rằng nhạc trẻ hiện nay được xem là trào lưu của nền âm nhạc hiện đại, có nhiều cách tân nhưng, cũng cần khẳng định rằng, vẫn khó vượt qua dòng nhạc tiền chiến, dòng nhạc cách mạng vốn đã vượt cả thời gian và không gian. Nhưng như đã nói trên, sự xuất hiện một trào lưu mới nào cũng cần có thời gian để khẳng định vị trí và vai trò của nó. Nếu nói quá lên rằng nó làm mất đi nét văn hoá - nhất là văn hoá nghe - nhìn thì làm sao số đông công chúng vẫn tiếp nhận và tiếp nhận một cách nồng nhiệt, ào ạt, nhất là giới trẻ. Thứ bình tâm nhìn nhận, hàng tuần *Làn Sóng Xanh* vẫn đón nhận số đông yêu cầu nhạc trẻ. Và hệ chương trình nào xuất hiện nhạc sĩ trẻ - ca sĩ trẻ - ban nhóm nhạc trẻ... thì ở đó lên "cơn sốt về".

Điều đáng mừng là dòng nhạc trẻ hiện nay đã tạo được tiếng vang xa, lấn át cả dòng nhạc hải ngoại mà những năm trước thập niên 90 (mặc dầu bằng, đĩa cassette!), từ đó trên thương trường băng, đĩa nhạc Việt Nam chiếm lĩnh và tạo nên một sự sôi động, đa dạng và phong phú, nhiều tên tuổi mới xuất hiện... Qua thực tế vẫn còn nhiều vấn nạn, đó là băng, đĩa lậu xuất hiện tràn lan trên thị trường mặc dầu có chấn chỉnh, báo chí đã lên tiếng... Tình hình này đến nay tuy có dịu xuống nhưng vẫn còn cái gốc vì nó phù hợp túi tiền của đa số người bình dân, vì có "cầu" ắt có "cung".

Dòng nhạc trẻ xuất hiện, ngôn ngữ trong ca từ cũng xuất hiện mới lạ... làm nên tiếng nói trong âm nhạc giàu hình ảnh, đa dạng âm thanh, phong phú sắc màu... Tuy nhiên cũng có một số nhạc sĩ trẻ sáng tác "chụp giựt" nên câu thả là điều đáng phê bình. Vì muốn nhanh "nổi" nhất là được thấy tên tuổi của mình xuất hiện trên sóng phát thanh *Làn sóng xanh* và được giới trẻ biết đến... Nhưng cũng có một số nhạc sĩ trẻ khác sáng tác vì nghệ thuật nên có chỗ đứng lâu dài. Nhiều ý kiến lên tiếng phê bình một cách gay gắt vì cho rằng ca từ trong một số ca khúc quá dễ dãi, không trau chuốt, chọn lọc nên có nhiều cặn bã (?). Bảo vệ ca từ là bảo vệ ngôn ngữ, bảo vệ tiếng mẹ đẻ vốn được xem là giàu và đẹp. Chúng tôi cho rằng, nhạc sĩ trẻ cần nhìn nhận, rút kinh nghiệm nhân ra những thiếu sót để sửa chữa những khuyết điểm, không nên mặc cho ai đó phê bình, góp ý vì cho rằng đã có số đông ủng hộ. Vì như đại thi hào Nguyễn Du đã khuyên: *Mà trong lễ phải có người có ta*.

Định hướng cho dòng nhạc trẻ để có vị trí xứng đáng trong nền âm nhạc Việt Nam hiện đại, cần chỉ ra chỗ đứng, vạch ra những chỗ sai lầm để cùng nhau "vực dậy" nền âm nhạc Việt Nam. Gần đây công chúng và cũng là số đông bạn trẻ lại ưa chuộng nhạc Thái Lan mà trước kia là nhạc Hoa, Hàn, Âu Mỹ... cũng nên bình tâm xem lại vì đa số nhạc trẻ hiện nay sáng tác xoay quanh nhiều về đề tài tình yêu. Mà tình yêu thời nào cũng là đề tài "nhạy cảm" nhất là trong lĩnh vực sáng tạo, sáng tác văn học nghệ thuật. Nhưng đối với các nhạc sĩ trẻ cũng cần nên "để tâm" đến đề tài Trường Sơn - con đường đang được các bạn trẻ - những trai thanh gái lịch đang từng ngày từng đêm chung tay chung sức xây dựng, mà con đường Trường Sơn với chiến dịch Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử mà đỉnh cao là chiến thắng mùa xuân 1975, giải phóng Sài Gòn. Và cũng thật đáng hoan nghênh việc Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức *Diễn đàn âm nhạc, Giai điệu trái tim, Trại sáng tác ca khúc để tài công nhân, Liên hoan Ban nhạc và Ban trẻ*,... làm cho không khí không chỉ riêng thành phố mà còn là của cả nước thêm phong phú và đa dạng, góp phần tổ ấm bản sắc văn hoá dân tộc hiện đại.

Định hướng cho dòng nhạc trẻ về lâu về dài cũng cần thời gian và không nên phủ nhận sự đóng góp tích cực của một số nhạc sĩ trẻ - ca sĩ trẻ - ban nhóm nhạc trẻ mới xuất hiện. Thiết nghĩ, định hướng âm nhạc hiện nay từ sáng tác, đến biểu diễn (ở đây chúng tôi chưa đề cập đến việc ban nhóm múa minh họa ăn theo bài hát một cách nhố nhăng, ăn mặc hở hang...) cho đến thị hiếu thường thức, tiếp nhận cũng cần có sự phối hợp của các cấp các ngành, nhất là ngành mũi nhọn, đầu tàu như là Văn hoá - Thông tin, cần kiểm tra, kiểm duyệt những ca khúc, chương trình biểu diễn trước khi cho ra mắt công chúng.■

NGUYỄN TÝ
(T.P Hồ Chí Minh)

BÀI HỌC LÀM THUÊ, truyện ký của HOÀNG THÁI SƠN, VĂN NGHỆ SỐ 48 (1-12-2001)

ĐẤT nước mở cửa. Nhiều nhà máy có giám đốc người nước ngoài được mở ở nước ta. Có giám đốc tốt, có giám đốc độc ác. Tên Đờ Lê Xô độc ác với công nhân đã được Hoàng Thái Sơn thể hiện trong truyện ký: *Bài học làm thuê*.

Hình ảnh của Dũng, một đứa cháu và một người con hiểu thảo được truyền khắc họa rõ nét. Bố Dũng chiến đấu rồi hy sinh ở Tây Nguyên, mẹ tái giá, Dũng ở với bà. Lúc còn nhỏ, Dũng theo bạn bè chơi bời, lêu lổng, nhưng khi vào nhà máy làm việc thì nó thương bà lắm. Công chúng gì qua thư từ nó cũng kể cho bà nó biết: "Bởi với Dũng, ngoài bà nội ra thì hồi còn ai trên đời này nữa mà nó không nói hết mọi chuyện cho bà rõ kia chứ". Dũng cũng là một người con có hiểu, nằm mơ thấy bố, tình đầy Dũng "nhớ ngày hai tám tối đây là ngày giỗ bố". Dũng quyết định về ngay.

Hình ảnh ông giáo Thân, một ông giáo làng nghĩ hưu được cụ Thọ tin cần nhờ đọc thư, mỗi khi có thư của Dũng gửi về, thấy giáo Thân cũng rút kinh nghiệm khi đọc thư cho bà cụ. Có lần thấy đọc nguyên văn bức thư như chuyện nó mất cấp tiến hay đi chơi bị người khác chà khia "khiến bà cụ mất vui". Giờ ông rút kinh nghiệm là đọc trước một lần nắm bắt ý tứ trong thư, cái gì nên đọc, cái gì nên lướt qua, cái gì bỏ. Lần này, nó viết thư về cho bà báo tin nó nằm viện bị lão giám đốc Đờ Lê Xô đánh bị rạn xương sườn. Ông phải "cầm thư ra thêm, ôm ngực khạc nhổ như thực quân bị mắc xương" để tìm cách đọc trạch tin đó nhưng vẫn có ý nghĩa, đại ý: "Công việc dạo này cũng khá vất vả. Công nhân có khi bị giám đốc nước ngoài nạt nộ, dọa đánh, cháu cũng có lúc họ dọa nhưng mà họ làm gì được mình". Những lần đối thoại với Dũng, chúng tôi ông rất am hiểu tình hình.

Cuối cùng là bài học làm thuê. Trước tình hình đó phải có luật lao động chặt chẽ, buộc bọn chủ phải chấp hành luật. Luật của ta còn có kẻ hở là nó ranh ma nhân ra và tìm cách vượt qua. Rồi phải có công đoàn, thanh tra, công an... nghĩa là các cơ quan chức năng phải làm việc bênh vực người lao động, trị tội loại giám đốc độc ác. Rồi biết cách làm việc, biết cách đình công. Lại phải học, nắm đủ mọi luật lệ của nhà máy, làm việc bao giờ cũng có lý, không để thất lý.

Những bài học đó là kinh nghiệm là xương máu đã đúc kết qua thực tiễn nhà máy. Đoàn cuối khi lấy ý kiến của ông giáo Thân để kết luận: "Phải học con a, dù sau đó trở lại làm chân coi kho cho Đờ Lê Xô". Tôi nghĩ câu kết này đã hạ thấp vai trò của người công nhân và giá trị nhân thức của câu đối thoại này có bị hạn chế không? Phải học và phải học nữa, học mãi là đúng, là chân lý. Học để hiểu đầy đủ trách nhiệm của người công nhân, và cũng biết bảo vệ quyền lợi vật chất và giá trị tinh thần của người công nhân trên đất nước Việt Nam độc lập. Nhưng nhất thiết không "trở lại làm chân coi kho cho Đờ Lê Xô" vì nó độc ác, phải cầm giân nó mới đúng. Và cũng phải giác ngộ những người làm trong nhà máy có giám đốc người nước ngoài, không thể để cho họ truyền khẩu: "Ràng đi làm thuê, thì phải chịu nhục vì bất công mạnh áo. Làm cho tư bản thì phải hiểu chân lý thuộc kẻ nằm đồng tiền, đừng làm người ta mất lòng".

Ngòi bút của Hoàng Thái Sơn qua truyện ký này sắc, tinh, suy tư dứt khoát, có kể, có đối thoại, có tưởng tượng. Một truyện đi vào đời sống xã hội bằng tác phẩm của mình lý giải những vấn đề nóng bỏng của đời sống. Vì thế truyện ký này rất đáng quý.■

CAO TIẾN CỎN
(Lam Sơn - Đồ Lương - Nghệ An)

VỀ TÌM LẠI BÓNG MÌNH - Truyện ngắn của HÀ KHÁNH LINH (SỐ 44/3-11-2001)

CHUYỆN tỉnh của lính trong chiến tranh là một mảng đề tài rất hấp dẫn của nhiều nhà văn. Truyện ngắn "Tìm lại bóng mình" của Hà Khánh Linh là một câu chuyện tình thú vị và hấp dẫn bạn đọc.

Những năm tháng dài của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầy gian khổ mà hào hùng, có biết bao người lính đã thấp lènh những ngọn lửa tình bạn, tình đồng chí và đặc biệt là tình yêu vô cùng trong sáng và lãng mạn. Nết và Phú đều từ làng quê đã nhập ngũ và trở thành chiến sĩ quân giải phóng. Họ đã tìm thấy tình yêu trong chiến đấu. Tình yêu của họ thật thà, giản dị và kín đáo. Nết và Phú không ở cùng một đơn vị chiến đấu, nhưng tình yêu cứ dạt dào, sôi nổi. Đáng quý hơn cả là lúc nào họ cũng giữ gìn được tính kỷ luật trong quân đội. Suốt 10 năm họ yêu nhau mặn nồng, thắm thiết như thế, nhưng chưa bao giờ tình yêu vượt quá giới hạn.

Đến khi chiến tranh kết thúc, mỗi tình của Nết và Phú cũng đã 10 năm - Vẫn thủy chung, trong sáng, tuyệt vời. Ngày Phú trở về thăm mẹ. Mẹ anh đã già yếu quá. Trước ngày mẹ Phú mất, bà cụ dặn lại anh: Mẹ đã chọn lựa cho anh một cô gái xinh đẹp, nết na và khỏe mạnh. Mẹ đã có coi trầu đàm hỏi, cũng đã hơn 10 năm. Nghe Phú kể lại, Nết cũng khuyên anh nghe lời mẹ là phải lễ. Ngày bà cụ qua đời, Nết về thăm viếng. Phú phải cưỡi chạy tang. Cả Phú và Nết đều khóc nức nở, nghẹn ngào! Chi tiết ấy khiến tôi cũng ngẹn ngẹn, xa xót thực sự.

Nết bị lê loi và đau khổ. Nết lao vào học tập và công tác để lấp bớt khoảng trống cô đơn, bằng giá ấy. Bước sang tuổi 36, cái tuổi phải được làm mẹ. Nết quyết định tìm gặp Phú và bí mật xin Phú một đứa con (không chấp nhận lời cầu hôn nào). Chỉ non một tháng sau là Nết có thai. Nết yêu cầu Phú chấm dứt đi lại để bảo vệ tổ ấm gia đình của Phú. Vậy là Nết khá chín chắn và khôn khéo, biết đứng lại đúng lúc để ven cả đôi đường. Nết một mình vừa công tác vừa nuôi dạy con khôn lớn. Thế mà vẫn có mấy đám đến cầu hôn, Nết đều từ chối: "Một khi lòng mình chỉ có anh Phú. Hàng ngày mình vẫn soi mặt vào nửa tấm gương còn lại ấy, trong gương mình thấy khuôn mặt của anh rất rõ, thấy cả những năm tháng đầy kỷ niệm của chúng mình ở Trường Sơn...". Điều đó chứng tỏ Nết vẫn giữ trọn lời hứa với Phú với cả lòng mình cách đây hơn 20 năm vì Nết giữ trọn lời hứa với Phú. Phải chăng, đó là một đặc tính chung thủy của người con gái Việt Nam từ ngàn xưa?

Câu chuyện tình cảm của hai người lính được khép lại ở đó có nhiều ẩn tượng đẹp. Ẩn tượng đẹp nhất vẫn là Nết: một người con gái nết na, đảm đang, trung hậu. Vẫn vẹn nguyên chất lính Trường Sơn! Tôi yêu chất văn chương của Hà Khánh Linh, rất nữ tính nhẹ nhàng, sâu sắc và nhiều trải nghiệm. Có điều hơi tiếc ở phần cuối truyện - Chị chưa cố gắng đẩy kịch tính lên cao. Làm được như vậy, tôi tin chắc truyện ngắn của chị sẽ còn thành công hơn nữa.■

NGUYỄN VĂN CHỈ
(Thạch Đống, Thanh Thủy, Phú Thọ)

HÀ QUANG THIẾU

Trở lại Huyền Sơn

Ba mươi năm trước, tôi là lính
Lấn cò dựng trong rừng dễ gai
Tập trận, nhọc nhằn leo núi Gốm
Nặng táp vào thu, nương sẵn khoai...

Huyền Sơn ngày ấy rừng trùng điệp
Da diết hoa sim, tím chiều chiều
Mơ trâu lóc cóc, mòn xe quệt.
Xóm vắng, nhà thưa, xa hắt hiu...

Tưởng chẳng có ngày quay trở lại
Ký ức, thời gian chảy xa rồi
Nào có ngờ đâu, xe vẫn chạy
Huyền Sơn giờ đã đến trong tôi.

TỔNG MINH HÙNG

Nỗi niềm sông Lục

Đây núi Huyền vẫn xanh mãi
màu xanh
Một bến đò vẫn bốn mùa đợi khách
Một dòng sông vẫn thì thầm
tiếng hát:
"Về Lục Nam đi em!"

Sông Lục mùa này con lũ dâng cao
Khắp bờ bãi ngập tràn thương nhớ
Là những lúc sông gọi em về đò
Ở nơi nào em có biết không em?

Ở nơi nào em có biết không em?
Một đêm trăng bên dòng sông
em hứa
Sông lặng nghe, sông như ngừng thở
"Em sẽ gắn cả đời mình với
sông Lục của anh"

Trên lối mòn xưa, đường đã mở
Núi Gốm nằm nghiêng, cỏ phơi màu
Đôi hồ nước gợn, gương lồng bóng
Thung lũng, mùa chiêm, ôm ấp nhau

Làng quê, giờ đã tò đắp lại
Chẳng thấy rào găng, lũy tre già
Chỉ thấy lô xô vườn trầu quả
Ngôi hồng, tường gạch, đất thù hoa.

Làng quê, giờ đã tò đắp lại
Vất vèo cầu thang, trẻ tan trường
Bốn chôn, đầu núi, trăng lối hẹn...
Người cũ... giờ đâu... vai đắm
sương...

Bên dòng sông vẫn còn những
địa danh
Đây làng Đọ kia làng Tràng
làng Khâm
Đây Già Khê kia Huyền Sơn, Vũ Xá
Cùng âm vang tiếng hát gọi em về

Về đi em với sông Lục một lần
Một lần thôi để rồi nhớ mãi
Để dòng sông thôi chờ mong
khắc khoải
Nhớ em nhiều sông cũng hoá gầy đi

Ồi dòng sông một đời nghĩ suy
Một đời khát khao, một đời tràn trở
Một đời gọi em dài trong nỗi nhớ
Ở nơi nào em trở lại đi em !...

ĐOÀN NGUYỄN

Nhớ chị

Tặng chị Đoàn Thị Tào

Rượu ngon rót cạn cả bầu cho ai?

Trên rừng em chỉ lấm gai
Trắng vỏ mài lá người ngoại tiếng gà
Tay em trót vịn rừng già
Niu lòng em sợi biển xa biển gần

Em thương nỗi biển bao lần
Chị ngồi nhuộm sóng tím dần
chiều buông.

Chị về với biển Đồ Sơn

Cò nghe rừng thoảng từng cơn
gió gầy

Thương em đom đóm lạc bấy
Để mùa hoa gạo rụng đầy tháng hai

Chị về sông trắng bờ vai
Gót vàng dấu cát nắng mai gọi dấu
Yêu thơ chị lãnh sang giầu

TRỊNH KIM HIỀN

Cây

Vẫn tay lần tìm vẫn gỗ

Thương rừng bao gốc lặng câm
Rừng đau, rừng thôi xào xạc
Cây đau - đau cả cõi âm.

Đây rồi, vòng mưa vòng nắng
Đây rồi, trắng tỏ, trăng lu
Và đây: Những đường đang dở
Nét đông, hạ, nét xuân, thu.

Cây lớn cả khi người ngủ
Mê mãi xanh ngày xanh đêm
Sao nữ chặt vào ngọn suối
Sao nữ chặt vào tiếng chim.

Chữ rằng: Tháng năm lần lửa
Ngày xưa quả báo còn chầy...
Người biết hay là không biết
Cây nào có sống cho cây.

TÂN QUẢNG

Trái lờ thi

Vô tình ngày tháng qua đi
Giàn bầu một trái lờ thi để quên
Có người đánh tiếng hỏi xin
Về làm chiếc nệm giữ men
rượu nồng



Đo độ bền kết cấu đường bằng
Máy Rời chấn động hiện đại

VIỆN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ GTVT

Research Institute for Transportation Science and Technology

Địa chỉ: 1252 Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Tel: 84-4-8.347.980; 84-4-7663.404 - Fax: 84-4-7663.403

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG 2 KỶ NIỆM 45 NĂM THÀNH LẬP VIỆN (1956-2001)

1. Chủ trì đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc chương trình KHCN-10
2. Ứng dụng rộng rãi các công nghệ hiện đại trong kiểm tra, đánh giá chất lượng cọc móng công trình như: PDA, PIT, siêu âm
3. Chủ trì thực hiện các dự án lớn về đánh giá tác động môi trường cơ sở hạ tầng GTVT
4. Làm chủ công nghệ sửa chữa, nâng cấp cầu BTCT bằng phương pháp dự ứng lực ngoài
5. Thiết kế và được Bộ GTVT cho ứng dụng một số kết cấu điển hình cầu GTNT như: Dàn thép 15-30m, dầm "Super T 6-12m"; Cầu treo 80, 100, 120m
6. Ứng dụng công nghệ tiên tiến của Vương quốc Anh, lập trạng thái ban đầu (trạng thái "0") cho các công trình cầu mới đưa vào khai thác
7. Tư vấn KHCN và tư vấn giám sát thi công nhiều công trình cầu đường ứng dụng công nghệ mới
8. Giải quyết thành công phòng chống sụt lở taluy mái dốc đường vào thủy điện Yaly, QL-27, QL-49, QL-4D, khu vực đèo Hải Vân, Phú Gia, Phước Tượng (QL-1A)...
9. Ứng dụng những máy móc thiết bị hiện đại trong khảo sát và kiểm tra đánh giá chất lượng đường ô tô, đo cường độ, độ bằng phẳng IRI, độ nhám mặt đường...
10. Chế tạo thành công gối cầu cao su tổng hợp Neopren và khe co giãn bằng cao su cho mặt cầu
11. Chế tạo các hệ sơn để bảo vệ kết cấu thép công trình GTVT ở khu vực chịu xâm thực mạnh
12. Ứng dụng thành công công nghệ nổ mìn phi điện để phá đá ngầm dưới nước (Luồng vào Cảng Cái Lân)
13. Tiến hành thử nghiệm và thi công nhiều đoạn đường gia cố chất liên kết hữu cơ/ vô cơ ở các vùng nông thôn, miền núi
14. Đào tạo kỹ sư tư vấn giám sát chất lượng XD CTGT, tổng số trên 1600 kỹ sư TVGS
15. Tham gia hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ, tập huấn, hội thảo và nhiều dự án quốc tế.

NGÔ QUANG NAM, ĐÔI ĐIỀU CẢM NHẬN

ĐẶNG TRẦN SƠN



Khúc giao duyên.

Tranh: Ngô Quang Nam

TRONG những ngày cuối năm 2001, họa sĩ Ngô Quang Nam cùng con trai là Ngô Quang Dương đã trưng bày gần 60 bức tranh sơn mài, sơn dầu, màu nước tại Viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Đồng đạo các quan chức, văn nghệ sĩ, bạn đồng nghiệp, thân hữu gần xa đã về chung vui, chúc mừng.

Cũng xin kể lại rằng, tôi đã gặp gỡ, quen biết họa sĩ Ngô Quang Nam lần đầu tiên ở nơi "đất khách quê người", đó là thành phố Praha, thủ đô của Tiệp Khắc. Hồi ấy (1986), "Những ngày văn hoá Việt Nam" được tổ chức ở Đông Âu. Tôi và họa sĩ Công Đức Viên chịu trách nhiệm mang những tác phẩm chọn lọc về hội họa và thủ công mỹ nghệ của Việt Nam sang triển lãm. Lễ khai mạc long trọng và đầm ấm, có Bộ trưởng Văn hoá của hai nước cùng nhiều quan chức, văn nghệ sĩ đến dự.

Trong các hoạt động phối hợp và hưởng ứng "Những

ngày văn hoá Việt Nam" có Triển lãm tranh của họa sĩ Ngô Quang Nam, lúc ấy anh đang là nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Mỹ thuật Praha, được giáo sư, họa sĩ, nghệ sĩ nhân dân, viện trưởng Fantisek Iroudek trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo. Phòng tranh của anh được trưng bày trang trọng trong một Cung văn hoá. Buổi khai mạc gây nhiều ấn tượng đẹp trong tôi. Tuy trời có mưa nhưng rất đông quan khách và đồng nghiệp đã có mặt. Theo tập quán của nước bạn, phần hoà nhạc trước lễ khai mạc với nhiều nhạc phẩm tiêu biểu của Việt Nam và Tiệp Khắc. Tiến sĩ ngôn ngữ học Vasilep là người giới thiệu và phiên dịch cho họa sĩ Ngô Quang Nam. Ông thông thạo 14 ngoại ngữ, đã dịch "Ngục trung nhật ký" của Hồ Chủ tịch sang tiếng Tiệp Khắc. Những tác phẩm của họa sĩ Ngô Quang Nam được mọi người chăm chú xem và tỏ ra rất trân trọng, cảm mến. Anh được đào tạo cơ bản hoàn toàn ở nước bạn.

Tôi cũng được đến thăm khu cư xá Kajetenka dành cho các nghiên cứu sinh của Việt Nam. Bữa tiệc hôm ấy, gặp lại những món ăn của quê nhà và có bàn tay chế biến, nấu nướng của nghệ sĩ Piano Tôn Nữ Nguyệt Minh.

Ngô Quang Nam là cháu của danh nhân Ngô Quang Bích (tức Nguyễn Quang Bích). Anh là một người rất đa cảm. Bạn của anh kể rằng, năm 1969, khi anh đang học năm thứ nhất tại Viện Hàn lâm Mỹ thuật Praha thì được tin Bác Hồ đi xa. Anh đã khóc nhiều.

Tháng 12 năm 1993, như có duyên trời và sự đồng cảm, tâm đắc, tôi và họa sĩ Ngô Quang Nam đã bày chung một phòng tranh về đề tài lịch sử và chiến tranh cách mạng tại Nhà triển lãm của Hội Mỹ thuật Việt Nam.

Cũng tháng 12 năm nay, anh cùng con trai ra mắt công chúng một phòng tranh phong phú và chủng chặc. Sơn dầu của anh khoẻ khoắn, mạnh bạo; sơn mài của anh chứa đựng nhiều ý tưởng sâu xa, nhiều nét tâm linh cùng sự nhuần nhuyễn về sử dụng chất liệu cổ truyền có nhiều sáng tạo mới; màu nước của anh khoáng đạt, tinh tế. Anh vẫn nặng lòng với quê hương như anh thổ lộ: "Còn mắc nợ với đất nước... làm bao nhiêu cũng vẫn thấy chưa đủ..." qua những tác phẩm: Những

linh hồn bất tử, Đường mòn Hồ Chí Minh, Sơn Mỹ, Người mẹ cầm súng, Hà Nội 12 ngày đêm v.v... Những đề tài ca ngợi quê hương đất nước cũng được anh biểu hiện bằng tất cả cảm xúc nồng nàn và sự sung sức của mình như: Thuyền sông Hương, Thu Hà Nội, Bên bờ suối vắng, Khúc giao duyên v.v...

Tuy đã 2 lần tổ chức triển lãm riêng ở Tiệp Khắc, 1 lần ở Achen-tina vậy là triển lãm này, anh vẫn không khỏi lo lắng, hồi hộp. Anh đang tìm tòi trong phương pháp biểu hiện, sao cho tác phẩm mang tầm triết học mà hình thức phải mang tính thời đại, hiện thực có, siêu thực có, trừu tượng có... Và, trong sự tìm tòi cái mới, cái lạ đâu dễ gì được mọi người đồng cảm. Anh hồi hộp, âu cũng là lẽ đương nhiên.

Với trách nhiệm và cương vị Vụ trưởng Mỹ thuật, một cơ quan với chức năng quản lý Nhà nước, ngổn ngang công việc phức tạp. Nào là quy chế về hoạt động mỹ thuật, về xây dựng tượng đài, về triển lãm mỹ thuật và nhiếp ảnh, quy chế định giá tác phẩm. Nào là tổ chức Triển lãm mỹ thuật toàn quốc (1995-2000), tổ chức các đợt thi vẽ hàng năm "Mỹ thuật Việt Nam - ASEAN" do hãng Philip Morris tài trợ, các đợt vận động thi vẽ của thiếu nhi với các nước v.v... Làm sao anh vẫn dành được nhiều tình cảm, tâm huyết để vẽ được nhiều tranh đến thế. Ngoài ra, anh còn xuất bản được 8 đầu sách, trong đó có tập tiểu luận về nhà thơ Bút Tre cùng 2 tập thơ: *Duyên một vắng trăng* và *Lời nguyện thế kỷ*.

Ngô Quang Dương cũng theo nghiệp bố, cũng từng thâu đêm suốt sáng, quên ăn quên ngủ vì tranh. Mới là sinh viên năm thứ tư Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội mà đã có nhiều tranh trưng bày. Lốp trẻ đang ham tìm tòi, sáng tạo cái mới. Với bút pháp khoáng đạt, tung tẩy; với cách nhìn tổng thể, bao quát sự vật; với những bố cục lạ mắt cùng những ý tưởng mạnh bạo, người xem cũng cảm nhận được ở Dương đã lấp ló nhiều dấu hiệu của một năng lực nghệ thuật. Tuy nhiên, cũng cần nhắc nhở thêm rằng, sự rèn luyện, trau dồi kiến thức cơ bản cho thật vững vàng, thấu đáo bao giờ cũng là cái nền vững chắc, là cơ sở không thể thiếu cho mọi sự phá cách, tung hoành. ■

BẢN QUYỀN ÂM NHẠC - MỘT THỰC TRẠNG NHỨC NHỐI

Nhà thơ - nhạc sĩ NGUYỄN TRỌNG TẠO

SAU khi Luật Quyền Tác giả (trong bộ Luật Dân sự) được Nhà nước ta công bố ngày 9-11-2001 và có hiệu lực từ ngày 1-7-1996, giới sáng tạo trí tuệ nói chung và giới nhạc sĩ nói riêng hết sức phấn khởi trước sự bảo hộ của Nhà nước đối với các quyền lợi sáng tạo của mình trên những công trình, tác phẩm công hiến cho nhân dân, Đất nước. Nhưng mấy năm đã trôi qua, chế độ thù lao, nhuận bút vẫn chưa đưa ra được những chuẩn mực thoả đáng sự xâm hại đến quyền tác giả vẫn diễn ra hàng ngày một cách nhức nhối mà chưa có những biện pháp xử lý hữu hiệu. Báo chí trong cả nước đã nói nhiều về vấn đề này. Riêng tạp chí *Âm nhạc* của giới nhạc sĩ dành hơn cả một năm để thảo luận, trao đổi về vấn đề quyền tác giả, đặc biệt là quyền tác giả đối với các tác phẩm âm nhạc. Có số tạp chí đã đăng một lúc gần chục bài viết và phát biểu của các nhạc sĩ (như số 1 năm 1998 tạp chí *Âm nhạc*) phát đi nhiều tín hiệu SOS, báo động về tình hình "loạn nhuận bút" và sự bất công trong đối xử với các tác phẩm âm nhạc. Tạp chí *Âm nhạc* cũng đã đưa ra những mô hình của những hiệp hội bảo vệ quyền tác giả tiên tiến trên thế giới và khu vực, nhằm kêu gọi thành lập hiệp hội bảo vệ quyền lợi cho nhạc sĩ. Những bài báo, những ý kiến được đăng trên trên tạp chí *Âm nhạc* đã có tác động nhất định tới nhận thức của nhạc sĩ, ca sĩ và các nhà kinh doanh âm nhạc. Nhưng nói chung, cũng chỉ dừng ở mức "nhận thức" mà thôi.

Tình hình rối ren này là có thật, đặc biệt là đối với các tác phẩm âm nhạc, những sản phẩm được khai thác sử dụng rất sôi nổi trên thị trường hiện nay.

Chỉ trong vòng 20 năm qua, nhuận bút một ca khúc ở ta có độ co giãn vô cùng thoải mái từ 20 đồng (tiền cũ) đến 5 triệu đồng (tiền mới). Đây là một thực tế mà nhạc sĩ nào cũng biết. Thời điểm 1980, nhuận bút một ca khúc in trên báo là 20 đồng, in sách 40 đồng, thu thanh ở Đài Phát thanh và Truyền hình 30 đồng. Thời

điểm 1990, ca khúc in báo, in sách hưởng 50 ngàn đồng, thu thanh, phát sóng ở Đài phát thanh và Truyền hình 100 ngàn đồng, thu bằng âm thanh 120 ngàn đồng. Và những năm gần đây, một ca khúc được sử dụng xuất bản từ báo chí đến băng video, đĩa CD, VCD có nhuận bút từ 100-500 ngàn đồng. Trong khi đó, mỗi ca khúc viết theo đơn đặt hàng của các địa phương hoặc các đơn vị Nhà nước thường được thù lao từ 1-5 triệu đồng. Sự co giãn một cách lộn xộn như vậy, chứng tỏ một sự lộn xộn giá trị đang diễn ra mà không có những chuẩn mực cơ bản để điều chỉnh.

Chúng tôi rất lấy làm lạ là với một ca khúc, người ca sĩ mỗi lần thể hiện nó đều được nhận thù lao, nhưng nếu ca khúc đó được phát đi phát lại nhiều lần trên sóng phát thanh hoặc truyền hình thì tác giả không được nhận thêm một đồng nào cả ngoài nhuận bút cơ bản ban đầu hết sức khiêm tốn (200 ngàn đồng như hiện nay). Chính vì thế mà nhạc sĩ Thuận Yến đã phải kêu lên rằng: "Nhuan bút bài 'Chia tay hoàng hôn' nổi tiếng, trong 10 năm qua chỉ thu được 1 số tiền không bằng 1/5 thù lao một suất diễn của 1 ca sĩ nổi tiếng. Còn nhạc sĩ Phó Đức Phương cho biết: anh phải trả 2 triệu đồng cho ca sĩ khi nhớ họ hát 1 bài hát của anh, còn ca sĩ thì trả lại cho anh 200 ngàn đồng gọi là "tiền nhuận bút tác giả" của bài hát ấy. Một nghịch lý như vậy đã được coi là một hành động "hữu hảo"! Nhiều ca khúc nổi tiếng của giới nhạc sĩ Việt Nam suốt hơn nửa thế kỷ qua, những năm gần đây được các nhà xuất bản, các nậu sách khai thác tài bản dưới đủ các hình thức để kinh doanh như in các bộ tuyển tập chọn lọc, in nhạc bướm, có loại in cả nhạc và lời, có loại chỉ in riêng lời ca, nhưng tác giả không được hưởng nhuận bút, thậm chí không được biết. Nếu "phát hiện" được các ấn phẩm có in bài của mình thì tự bỏ tiền ra mua để giữ làm kỷ niệm. Nếu đòi tiền nhuận bút thì có khi chỉ được trả 15-30 ngàn đồng/bài. Một ví dụ cụ thể là từ năm 1993 đến năm 1997, Nhà

xuất bản Âm Nhạc Việt Nam đã cho xuất bản 182 tập ca khúc chọn lọc cùng với băng âm thanh cassette cho 182 nhạc sĩ bằng tiền trợ cấp của Nhà nước, mỗi tập sách nhạc 12 bài chỉ được trả 300 ngàn đồng, và băng cassette được trả 1,8 triệu đồng. Số tiền nhuận bút này chỉ đủ để nhạc sĩ tự mua lại một số sách và băng nhạc của mình để tặng bạn bè. Trong khi đó, nhuận bút một bài báo Tết có khi được trả tới hai, ba triệu đồng. Đưa ra một so sánh như vậy để thấy rằng, những người sáng tác âm nhạc không thể tự nuôi sống mình bằng tác phẩm, nếu như tình hình loạn nhuận bút vẫn không được điều chỉnh khẩn cấp trong thời gian tới.

Theo tôi được biết thì ở nhiều nước tiên tiến, những tên tuổi nổi tiếng, những tác phẩm âm nhạc nổi tiếng đều được trả tiền rất hậu khi khai thác sử dụng tác phẩm của họ. Một nữ nhạc sĩ trẻ Nhật Bản chỉ có 1 ca khúc nổi tiếng trong vòng 5 năm nay, đã tuyên bố với đồng nghiệp Việt Nam là: "Nhờ bài hát đó, tôi không sợ thiếu tiền". Còn 1 nhạc sĩ Thụy Sĩ cho biết, nếu họ có một vài tác phẩm được ưa chuộng trong vòng 10 năm thì họ đủ tiền để sắm nhà lầu, xe hơi và những chuyến du lịch xuyên quốc gia. Đây là nhờ sự bảo vệ của luật pháp, nhờ các hiệp hội bảo vệ quyền tác giả cùng với một nền văn minh nhuận bút phát triển ở trình độ cao. Ở họ không có sự gian lận, ăn quít tiền tác giả vô lối khi mỗi lần khai thác sử dụng tác phẩm. Ở họ, không có sự ngang nhiên chà đạp lên quyền tác giả đã được luật pháp bảo hộ.

Chính vì thế mà tôi kiến nghị Nhà nước, nhà kinh doanh âm nhạc và chính cả những nhà sáng tác, biểu diễn âm nhạc nên có những biện pháp hữu hiệu để bảo vệ quyền lợi cho những người sáng tạo và phổ biến âm nhạc ra toàn xã hội. Một số kiến nghị của tôi như sau:

1- Nhà nước nên có một chế độ nhuận bút, với các khung nhuận bút cơ bản thật ưu việt đối với các công trình và tác phẩm sáng tạo bằng lao động trí tuệ và tâm hồn; để từ đó người ta có cơ sở thoả thuận các

hiệp đồng ký kết với các nhà kinh doanh tác phẩm.

2- Tất cả các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là các Đài phát thanh và Truyền hình phải có chế độ trả nhuận bút cho các tác phẩm âm nhạc mỗi lần phát lại trên sóng của mình ngoài nhuận bút cơ bản ban đầu. Có làm như thế mới khuyến khích được những tác phẩm hay.

3- Tất cả các đơn vị kinh doanh, các nhà kinh doanh phải có hiệp đồng thoả thuận với các tác giả khi sử dụng, khai thác tác phẩm của họ vào mục đích kinh doanh.

4- Các tác giả nên tham gia vào các hiệp hội bảo vệ quyền tác giả, hoặc đăng ký uỷ quyền về quyền tác giả ở các công ty bảo vệ quyền tác giả. Đặc biệt là Nhà nước nên tạo điều kiện để thành lập các tổ chức, các hiệp hội bảo vệ quyền tác giả trong nước, và có liên hệ chặt chẽ với các tổ chức quyền tác giả quốc tế.

5- Nhà nước cần xử lý nghiêm minh những hành động xâm phạm quyền tác giả theo luật pháp hiện hành. v.v...

Trong tình hình thực hiện Luật quyền tác giả mơ hồ và rối ren như hiện nay, chúng ta không nên phê phán các món tiền lớn của đơn vị hay cá nhân đặt hàng tác giả, hoặc các số tiền cát sê cao đối với ca sĩ, nghệ sĩ biểu diễn, mà điều đó chỉ phụ thuộc vào các nhu cầu và mục đích cụ thể của phía chi trả thù lao hay nhuận bút. Điều đáng quan tâm là chúng ta không có một khung chuẩn thật sự đúng mực cho thù lao nhuận bút mà các văn bản cũ đều quá lạc hậu, thậm chí là dở dẩn, buồn cười. Một vấn đề nữa là ngay cả các tác giả cũng không giám sát được các tác phẩm của mình được khai thác sử dụng trên thị trường đầy xô bồ và biến động hiện nay. Cho dù Luật quyền Tác giả đã ra đời 6 năm rồi, nhưng chưa thực sự tham gia vào đời sống thực tế. Hy vọng các nhà quản lý, các nhà kinh doanh chất xám, các nhà sáng tạo nổi tiếng và mọi công dân nói chung ngày càng thêm nhún nhường nữa về Luật Quyền Tác giả, để cùng nhau tạo nên một văn hoá mới trong đời sống xã hội, đó là Văn hoá Bản quyền. ■

ĐỜI SỐNG VĂN NGHỆ

• **HỘI THẢO KHOA HỌC "VĂN HỌC VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP"** nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày Toàn quốc kháng chiến vừa được Viện Văn học tổ chức đúng vào ngày 19-12. Phần lớn người dự là các nhà văn từng trải qua kháng chiến chống Pháp: Vũ Tú Nam, Vũ Cao, Hữu Mai, Hồ Phương, Nông Quốc Chấn, Tô Hoài, Nguyễn Xuân Sanh, Hoàng Cầm, v.v... Một số nhà lý luận, phê bình văn học, một số giáo sư trong và ngoài Viện Văn học đã dự. Các nhà văn và giáo sư đã nói lên những suy nghĩ của mình về văn học thời kỳ kháng chiến chống Pháp, khẳng định thành tựu chung, ôn lại kỷ niệm, trình bày kinh nghiệm sáng tác của mình. Hội thảo này là một phần việc của Viện Văn học nhằm hoàn thiện những công trình khoa học hoặc chuẩn bị thực hiện những công trình mới từ năm 2002 trở đi. (P.V)

• **BẢO TÀNG QUÂN ĐỘI** đã triển lãm 78 tranh sơn dầu của 54 tác giả trong tổng số 161 tranh của các họa sĩ hiện được bảo tàng này lưu giữ. Đây là những tranh gốc được sáng tác trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong số các tác giả, có nhiều họa sĩ quân đội như Quang Thọ, Đỗ Sơn, Nguyễn Cường, Bằng Lâm, Huy Toàn... nhiều họa sĩ khác đã trực tiếp tham gia chiến đấu tại các chiến trường miền Nam. Các bức tranh với chủ đề ca ngợi phẩm chất cao đẹp của anh Bộ đội Cụ Hồ, tình quân dân và sự hy sinh chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc của các chiến sĩ. (P.V)

• **NHẠC VIỆN HÀ NỘI** đã kỷ niệm 45 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất. Nhân dịp này Nhạc viện đã tổ chức một đêm trình diễn tại Nhà hát Lớn Hà Nội - Tham gia trình diễn có dàn nhạc truyền thống, các giảng viên, các tài năng trẻ của Nhạc viện đã từng đoạt giải quốc tế. Quỳnh Trang, Hoàng Phương, Trọng Tấn, Đặng Dương, Phương Nga, Mỹ Hương... Dàn nhạc được dàn dựng và chỉ huy bởi Nhạc trưởng Nguyễn Thiếu Hoa. (P.V)

• **15 THANH VIÊN CLB HOẠ SĨ TRẺ** (ảnh) gồm: Đồng Nguyên Anh, Ngọc Diệp, Lê Minh Hà, Nguyễn Thu Hà, Đặng Lưu Hạnh, Phạm Minh Hằng, Lê Thanh Liêm, Hồ Tuấn Linh, Trần Bình Minh, Lê Hoàng Nam, Thẩm Cẩm Phương, Thẩm Khánh Toàn, Nguyễn Trường Thanh, Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Trung Việt đã có tác phẩm tham dự "Triển lãm tác phẩm hội họa" tại 93 Đinh Tiên Hoàng từ ngày 20 đến 30-12-2001. CLB Họa sĩ trẻ này được hình thành cách đây vài năm thuộc Cung Văn hóa Hữu nghị Việt Xô dưới sự đỡ đầu, hướng dẫn của một số họa sĩ có tên tuổi, là một hình thức tập hợp và bồi dưỡng nghệ thuật hội họa đáng chú ý. Triển lãm này đã thu hút được sự quan tâm của giới họa sĩ và công chúng yêu hội họa ở Thủ đô. Sắp tới, Triển lãm sẽ được trưng bày tại Thành phố Hồ Chí Minh vào đầu năm 2002. (P.V)



• **TRIỂN LÃM TRANH PHONG CẢNH VIỆT NAM** của nữ họa sĩ TOBAMIKA hiện là giảng viên Trường Đại học Mỹ thuật TOKIO (Nhật Bản), đã giới thiệu 23 bức tranh khổ lớn có bức lên tới 5-6 m², hầu hết được sáng tác theo phong cách "Kata-Zome". Phong cách này thể hiện nghệ thuật nhuộm truyền thống trên giấy Kata rất tinh xảo của Nhật Bản. Đây là lần đầu tiên những bức tranh của chị được ra mắt công chúng yêu nghệ thuật thủ đô, đồng thời cũng là một sự thể nghiệm về một phong cách sáng tác mới đối với ngành Mỹ thuật Việt Nam. (THU HÀ)

GÓC HÀI HƯỚC



Ma túy học đường

HOÀI BÍCH

Ma túy, xì ke ở học đường
Gây ra làm chuyện rất tai ương
Con trai hết thuốc đi chôn chĩa
Bé gái thêm bị phải đứng đường...
Sự nghiệp tan tành theo mây khói
Tương lai gần bó với ma vương
Học hành đang dở, thành con nghiện
Bố mẹ, anh em cũng chán chường...

"Mái hiên di động"

SĨ HỒ

"Di động" sao mà vẫn đứng yên
Trò này công diễn giữa thanh thiên
Mái xanh mái đỏ sao mà rồi
Cái thấp cái cao ấy mấy phiền.
Hè thoáng đường thông sao chẳng nhớ
Gọn nhà sạch phố lại hay quên
Mong nhà chức trách rà xem lại
Nếu phải trò ma, "tốp" "tốp" liền!

Dính HIV dễ dàng

TRẦN NHI

Gái bán bia ôm cũng lắm năng
Nhìn vào cô vẻ rất là sang
Xe để, điện thoại trông đầy đủ
Áo mỏng, vải thưa thấy hở hang
Tối tối bán dâm nhằm kiếm bạc
Đêm đêm trao rốn để mua vàng
Một tuần phục vụ hàng trăm lão...
Nên H.I.V dính dễ dàng...



Không lời



Không lời

Tranh : ĐÀO KÍNH

Biểu diễn võ thuật ▶

THU GIANG sưu tầm

Ka ra... Ô kè

(Suy ngẫm đời thường)

VĂN SỬU

Đến đâu... cũng thấy người ta
Ka Ra... tuy hưởng mở ra ăm ào
Mấy anh "mêu"... nhẩy tốt vào
Đôi em tôi tả đôn chào... "ô kè"
Xây nhà... "nửa tình nửa quỷ"
Tháng ngày mê mết "ôm nghề Ka Ra..."
Úm ba la - úm ba na
Ka Ra... rên rĩ, rồi ra... "ô kè" (!?!)

CHUYỆN VUI NƯỚC NGOÀI

• Một chị mới lên sân khấu lần đầu hỏi chồng?
- Tại sao lúc em hát anh lại bỏ ra ngoài ban công?
- Vì anh không muốn mấy người láng giềng tưởng rằng anh đang đánh em.

• Hai người láng giềng nói chuyện với nhau:
- Rất tiếc là mấy con gà nhà tôi đã mổ sạch số hạt hoa vừa gieo bên vườn nhà ông.
- Chuyện vặt ấy mà. Con chó nhà tôi đã cắn chết hết mấy con gà của nhà ông.
- Không sao. Vợ tôi đã chặt chết con chó nhà ông bằng ô tô.
- Tôi biết rồi, vì chính tôi đã chọc thủng lốp xe của bà nhà.
- Cái đó không quan trọng.
- Điều căn bản là quan hệ láng giềng của chúng ta rất tuyệt vời.

• Một bà hành khách nhà giàu hỏi viên thuyền trưởng?
- Có đúng trong trường hợp xảy ra tai nạn ông là người cuối cùng rời khỏi con tàu?
- Đúng thế, thưa bà. Nhưng chỉ khi con tàu bị đắm. Còn nếu xảy ra vụ nổ thì tôi rời tàu cùng lúc với hành khách.

BÁ HOÀNG LONG (sưu tầm)

TRANH VUI NƯỚC NGOÀI



XÍ NGHIỆP MUỐI VĨNH HẢO

SẢN XUẤT :- Muối công nghiệp (NaCl) >95%
- Thạch cao thô (CaSO₄.2H₂O)
- Hòa chất : MgCl₂ 6H₂O, nước ớt bánh...

QL1A Vĩnh Hảo - Tuy Phong - Bình Thuận
☎ : 852077 - 852075 - 852138 Fax : 852076



ISO 9001

TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GỐM XÂY DỰNG
GLASS & CERAMIC FOR CONSTRUCTION CORPORATION

CÔNG TY GỐM XÂY DỰNG HÀ LONG

HALONG CERAMIC COMPANY

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG HÀ KHẨU - T.P HÀ LONG - TỈNH QUẢNG NINH
ADDRESS: HA KHAU PRECINCT - HALONG CITY - QUANG NINH PROVINCE
Tel: 84.33.845927/6239 ; Fax: 84.33.846577

GẠCH MẮT NA
CHỐNG TRƯỢT (M9)



GẠCH LÁ DỪA
CHỐNG TRƯỢT (M10)



GẠCH LỤC GIÁC
CHỐNG TRƯỢT (M36)



GẠCH LỤC GIÁC
CHỐNG TRƯỢT (M21)



Với trên 50 năm kinh nghiệm sản xuất và cung ứng các loại gạch ngói đất sét nung, Công ty Gốm xây dựng Hà Long sử dụng nguồn nguyên liệu đất sét Giếng Đáy tốt nhất nước Việt Nam do người Pháp tìm ra. Thiết bị công nghệ sản xuất do châu Âu cung cấp, do đó sản phẩm của Công ty có chất lượng cao, mẫu mã đẹp, màu đỏ tự nhiên, không rêu mốc trong quá trình sử dụng, được khách hàng trong nước và nước ngoài tin dùng. Công ty đã được GLOBAL cấp chứng chỉ ISO 9001 : 2000.

Công ty sẵn sàng ký nhận hợp đồng gia công các loại sản phẩm và cung cấp đến chân công trình theo yêu cầu của Quý khách hàng.



NGÓI NÓC NHỎ KHÔNG MEN (M24)
NGÓI NÓC NHỎ TRẮNG MEN (M22)

NGÓI 22V/M2



NGÓI CHỦ S
KHÔNG ĐIỂM (M6)



NGÓI NÓC (M7)



NGÓI HẢI KHÔNG MEN (M11)
NGÓI HẢI TRẮNG MEN (M6)



GẠCH ỐP TƯỜNG (M16)



GẠCH BẠC THỀM (M26)



GẠCH LÁT NỀN (M5)
GẠCH LÁT NỀN (M3)



● VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TẠC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng Biên tập : HỮU THỈNH

● Tòa soạn, Trị sự : 17 Trần Quốc Toàn, Hà Nội - Điện thoại biên tập : 9439619, Trị sự : 9437091 - Fax : 8.263926 - Email : Vanngh@fpt.vn

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam : 43 Đồng Khởi, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8.298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung : 34 Ông Ich Khiêm, TP. Đà Nẵng - Điện thoại : 8.21434; Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại : 8.51752 - 8.53522; 292 Đường 2 Tháng 4, TP. Nha Trang - Điện thoại : 8.22832 - 8.26040 ● In tại Nhà in Báo Nhân Dân ● ISSN 0866 - 0815 ● Trình bày : THÀNH CHUÔNG

Giá : Bốn ngàn năm trăm đồng